

Số: 2307/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ  
ban hành trong tháng 3/2026**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp ban hành Thông cáo báo chí về VBQPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 3/2026, cụ thể như sau:

**A. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH**

Qua theo dõi, tổng hợp, trong tháng 3/2026, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành **50** văn bản (gồm 42 Nghị định, 03 Nghị quyết của Chính phủ, 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ), cụ thể như sau:

**Các Nghị định của Chính phủ ban hành:**

- Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 67/2026/NĐ-CP ngày 04/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương;
- Nghị định số 68/2026/NĐ-CP 05/03/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;
- Nghị định số 69/2026/NĐ-CP ngày 06/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

6. Nghị định số 71/2026/NĐ-CP 09/03/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;

7. Nghị định số 72/2026/NĐ-CP ngày 09/03/2026 của Chính phủ sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;

8. Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

9. Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/03/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

10. Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/03/2026 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý tài chính;

11. Nghị định số 76/2026/NĐ-CP ngày 16/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới;

12. Nghị định số 77/2026/NĐ-CP ngày 17/03/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

13. Nghị định số 78/2026/NĐ-CP 17/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

14. Nghị định số 79/2026/NĐ-CP ngày 18/03/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;

15. Nghị định số 80/2026/NĐ-CP ngày 19/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

16. Nghị định số 81/2026/NĐ-CP ngày 19/03/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt;

17. Nghị định số 82/2026/NĐ-CP ngày 20/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2017/NĐ-CP và Nghị định số 37/2022/NĐ-CCP;

18. Nghị định số 83/2026/NĐ-CP ngày 23/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

19. Nghị định số 84/2026/NĐ-CP ngày 25/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nợ công;

20. Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25/03/2026 của Chính phủ về bảo hiểm hưu trí bổ sung;

21. Nghị định số 86/2026/NĐ-CP ngày 27/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

22. Nghị định số 87/2026/NĐ-CP ngày 27/03/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá và quảng cáo;

23. Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/03/2026 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo;

24. Nghị định số 89/2026/NĐ-CP ngày 30/03/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

25. Nghị định số 90/2026/NĐ-CP ngày 30/03/2026 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

26. Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

27. Nghị định số 92/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ về chế độ, chính sách đặc thù đối với Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

28. Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

29. Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

30. Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

31. Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

32. Nghị định số 97/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

33. Nghị định số 98/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em;

34. Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông;

35. Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;

36. Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

37. Nghị định số 102/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26/9/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh;

38. Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài;

39. Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về việc lập dự toán quản lý sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách Nhà nước;

40. Nghị định số 105/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công đoàn về tài chính công đoàn;

41. Nghị định số 106/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn;

42. Nghị định số 108/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc.

### **Các Nghị quyết của Chính phủ ban hành:**

1. Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ về việc tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

2. Nghị quyết số 11/2026/NQ-CP ngày 19/03/2026 của Chính phủ về chi phí tiền lương Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây dựng Việt Nam, Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dầu khí toàn cầu và Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại dương đã chi trả cho cán bộ, nhân viên, người lao động phát sinh trước thời điểm chuyển giao bắt buộc;

3. Nghị quyết số 12/2026/NQ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ về thực hiện một số giải pháp cấp bách trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

### **Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:**

1. Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03/03/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy;

2. Quyết định số 09/2026/QĐ-TTg ngày 06/03/2026 của Thủ tướng Chính phủ thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Quỹ phòng thủ dân sự trung ương;

3. Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/03/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

4. Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28/03/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia;

5. Quyết định số 12/2026/QĐ-TTg ngày 31/03/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

## **B. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Trên cơ sở thông tin do các bộ, cơ quan ngang bộ cung cấp<sup>1</sup>, Bộ Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 33

---

<sup>1</sup>Đến ngày 10/3/2026, Bộ Tư pháp không nhận được văn bản cung cấp thông tin của 13 Nghị định của Chính phủ, 01 Nghị quyết của Chính phủ, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau:

**- Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công an:**

+ Nghị định số 69/2026/NĐ-CP ngày 06/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

+ Nghị định số 108/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc;

+ Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03/03/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy;

+ Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28/03/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia;

**- Các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo:**

+ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

+ Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/03/2026 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo;

+ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

+ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

+ Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp

**- Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Xây dựng soạn thảo:** Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

**- Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo:**

+ Nghị định số 83/2026/NĐ-CP ngày 23/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

+ Nghị định số 12/2026/NQ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ về thực hiện một số giải pháp cấp bách trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

**- Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính soạn thảo:**

+ Nghị định số 97/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

+ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài;

VBQPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 3/2026 như sau:

**I. Nghị định số 67/2026/NĐ-CP ngày 04/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 04/3/2026.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam; Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Khoản 3 Điều 27 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 quy định về việc lập thiết kế kỹ thuật tổng thể tại bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đã giao: “Chính phủ quy định chi tiết điều này”.

*Cơ sở thực tiễn*

Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung của Điều 27 về thiết kế FEED thay thế cho thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi. Do đó, để bảo đảm tính khả thi của quy định về thiết kế FEED đối với toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng của dự án đường sắt, cần bổ sung quy định về: khảo sát xây dựng, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng sử dụng thiết kế

---

+ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định về việc lập dự toán quản lý sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách Nhà nước;

+ Nghị định số 105/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công đoàn về tài chính công đoàn;

+ Nghị định số 12/2026/QĐ-TTg ngày 31/03/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

FEED; nội dung thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED; tổng mức đầu tư, dự toán gói thầu, dự toán chi phí các hoạt động trước khi có quyết định đầu tư.

- Luật số 90/2025/QH15 đã sửa đổi các quy định của Luật Đầu tư công, đối với dự án quan trọng quốc gia, Hội đồng thẩm định Nhà nước chỉ thực hiện thẩm định tại giai đoạn xem xét, quyết định chủ trương đầu tư, do đó cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung tại Nghị định số 123/2025/NĐ-CP và một số Nghị định liên quan đến thẩm quyền thẩm định để phù hợp với quy định của Luật.

- Thời gian vừa qua, một số địa phương gặp khó khăn thực hiện thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 24/6/2025 của Chính phủ đối với các dự án không phải do địa phương là cơ quan chủ quản được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên, có kỹ thuật chuyên môn sâu hoặc liên quan đến những dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm công nghệ là các dự án lớn, quan trọng và cần thực hiện gấp theo yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, Chính phủ và Nhà nước. Bên cạnh đó, Phụ lục III Nghị định số 144/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung về danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng. Nghị định này chưa có quy định để phân định rõ thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đối với trường hợp quy định tại khoản 2d Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP khi cho phép chủ đầu tư được gửi thông báo khởi công xây dựng công trình hoặc hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để thực hiện kiểm tra. Vì vậy, để thống nhất trong tổ chức thực hiện thì cần sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền thẩm định, quy định về dẫn chiếu về định nghĩa công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng tại khoản 2 Điều 3 và bãi bỏ Phụ lục XI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; sửa đổi Nghị định số 06/2021/NĐ-CP theo hướng phân cấp việc kiểm tra công tác nghiệm thu cho địa phương.

## ***2.2. Mục đích ban hành:***

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về ưu tiên phát triển vận tải đường sắt.

- Cụ thể hoá nhiệm vụ được giao tại Luật Đường sắt số 95/2025/QH15.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### ***3.1. Bố cục của Nghị định:***

Nghị định gồm 5 Chương, 34 Điều, trong đó:

- Chương I. Các quy định chung.
- Chương II. Khảo sát xây dựng, lập, thẩm định, phê duyệt dự án.
- Chương III. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED.
- Chương IV. Quản lý chi phí.
- Chương V. Điều khoản thi hành.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

#### *Phạm vi điều chỉnh*

- Quy định chi tiết Điều 27 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 50 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và khoản 1 Điều 55 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15.

- Các biện pháp thi hành để thực hiện thiết kế kỹ thuật tổng thể và quản lý chi phí thực hiện dự án đường sắt, gồm: Quy định về khảo sát xây dựng, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng sử dụng thiết kế FEED; thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED; lập tổng mức đầu tư, dự toán gói thầu, dự toán chi phí.

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt.

#### *Đối tượng áp dụng*

- Nghị định này áp dụng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Mục 1 Chương IV Nghị định này áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư.

- Các quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32 Nghị định này áp dụng đối với đối tượng áp dụng tương ứng quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và Nghị định số 123/2025/NĐ-CP.

*Nguyên tắc lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED*

Quy định về nguyên tắc và các quy định chung trong thực hiện dự án, trong đó bổ sung quy định về lập, phê duyệt dự toán đối với các hoạt động được cho phép thực hiện trước khi phê duyệt dự án.

*Về khảo sát xây dựng, lập, thẩm định, phê duyệt dự án*

(i) Khảo sát xây dựng phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

- Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát: quy định về yêu cầu theo đặc thù khảo sát lập thiết kế FEED; các chủ thể chịu trách nhiệm lập, phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát.

- Nội dung, kết quả khảo sát: quy định về nội dung của Báo cáo kết quả khảo sát theo giai đoạn thực hiện, bổ sung các yêu cầu đặc thù đáp ứng thiết kế FEED cho dự án đường sắt. - Phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng: quy định việc kiểm soát, thẩm quyền, trách nhiệm các chủ thể khi phê duyệt khảo sát xây dựng.

(ii) Thiết kế FEED, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

- Nhiệm vụ, yêu cầu thiết kế FEED: quy định mức độ chi tiết của giai đoạn thiết kế FEED phục vụ lập báo cáo giữa kỳ, toàn bộ thiết kế FEED; chủ thể lập, xác nhận, điều chỉnh nhiệm vụ thiết kế.

- Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Quy định về nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi.

*Báo cáo giữa kỳ của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:*

Quy định về Báo cáo giữa kỳ của Báo cáo nghiên cứu khả thi gồm:

(i) chỉ yêu cầu lập đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án PPP đáp ứng tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia theo pháp luật về đầu tư công;

(ii) nội dung của Báo cáo giữa kỳ nhằm lựa chọn phương án tối ưu về công nghệ, hướng tuyến, vị trí công trình trên tuyến.

*Thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án, thiết kế xây dựng*

- Quy định về việc thẩm tra được thực hiện song song với quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, nội dung thẩm tra tương ứng theo nội dung yêu cầu của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

- Quy định về thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, về Hội đồng thẩm định.

- Quy định về việc cho ý kiến thẩm định đối với Báo cáo giữa kỳ của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

- Quy định về trình tự, nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, trong đó quy định cụ thể về nội dung thẩm định thiết kế FEED, thẩm định tổng mức đầu tư.

- Quy định các nội dung tại Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; quy định về điều chỉnh dự án.

*Về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED*

- Quy định về thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED và nội dung thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED.

- Quy định về nội dung thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED và nội dung phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED: Việc phê duyệt, kiểm soát thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED giữa chủ đầu tư và nhà thầu EPC, EC, EP. Trong đó, giao tư vấn thẩm tra đánh giá về đánh giá an toàn chịu lực công trình để nhà thầu EPC, EC phê duyệt, không yêu cầu thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng (do đã thẩm định thiết kế FEED tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng); chủ đầu tư chỉ kiểm soát nội dung sự phù hợp của thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED do nhà thầu lập với thiết kế FEED đã được phê duyệt tại bước phê duyệt dự án.

*Về quản lý chi phí*

- Quy định về chi phí cho các hoạt động thực hiện trước khi quyết định đầu tư dự án đường sắt quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15.

- Quy định về tổng mức đầu tư xây dựng ước tính; tổng mức đầu tư xây dựng; chi phí xây dựng trong tổng mức đầu tư xây dựng; chi phí thiết bị trong tổng mức đầu tư xây dựng.

- Quy định về chi phí vận hành thử, trong đó quy định rõ về việc tính toán, xác định chi phí vận hành thử trong tổng mức đầu tư xây dựng (phải phù hợp với phương

án vận hành thử nêu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng) và việc áp dụng, sử dụng hệ thống định mức, đơn giá, dữ liệu về chi phí.

- Quy định về Dự toán xây dựng, dự toán gói thầu, trong đó quy định cụ thể về: (i) Dự toán gói thầu EPC, EC, EP và (ii) Việc sử dụng định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, mức chi phí, dữ liệu về chi phí; áp dụng các khoản mục chi phí quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 32 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 để xác định dự toán xây dựng, dự toán gói thầu (trương tự như quy định đối với tổng mức đầu tư xây dựng).

#### *Về điều khoản thi hành*

- Quy định về trách nhiệm thi hành của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, trong đó: (i) sửa đổi, bổ sung các quy định về danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng và bãi bỏ Phụ lục XI; (ii) sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trong đó sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2025/NĐ-CP, trong đó bổ sung nguyên tắc về quản lý chi đầu tư xây dựng; trách nhiệm của nhà thầu khảo sát; thẩm quyền cho ý kiến, xem xét, chấp thuận đối với báo cáo giữa kỳ.

- Quy định chuyển tiếp đối với các nội dung liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung thẩm quyền tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nêu trên.

## **II. Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/3/2026.

Điều khoản chuyển tiếp

- Trường hợp khai thuế theo tháng thì hồ sơ khai thuế tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2026 gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026; các quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế, gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, gia hạn nộp thuế, trường hợp tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân và các nội dung quản lý thuế khác tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện cho đến khi có văn bản thay thế.

- Tờ khai khấu trừ thuế đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế của chủ quản nền tảng thương mại điện tử, chứng từ khấu trừ thuế đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân.

- Đối với các hợp đồng cho thuê bất động sản phát sinh trước thời điểm ngày 01/01/2026 và thời hạn còn lại của hợp đồng trên 06 tháng nếu đã nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân thì được điều chỉnh mức doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 1 Điều 3, mức doanh thu không phải nộp thuế thu nhập cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này, trường hợp mức doanh thu còn lại trên 500 triệu đồng thì thực hiện nộp thuế theo quy định tại Nghị định này và được xử lý tiền thuế đã nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị định này (nếu có).

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong năm 2025 nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai, có mức doanh thu từ 03 tỷ đồng trở lên hoặc từ năm 2026 lựa chọn nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện xác định, ghi nhận giá trị hàng tồn kho, máy móc, thiết bị đang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025 để làm căn cứ xác định chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân cho kỳ tính thuế năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lập Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định, lưu giữ tại hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và gửi 01 bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng phương thức điện tử cùng hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo quý hoặc chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo tháng. Cơ quan thuế tiếp nhận thông tin để phục vụ công

tác quản lý thuế. Việc tiếp nhận bảng kê của cơ quan thuế không có giá trị pháp lý trong việc xác nhận hoặc hợp thức hóa nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của thông tin tại Bảng kê, trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

#### *Cơ sở chính trị*

Một là, thực hiện chủ trương tại các Nghị quyết có liên quan của Đảng và Nhà nước về cải cách phát triển kinh tế tư nhân đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị.

Hai là, góp phần thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng tại các văn bản liên quan đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó có: (i) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; (ii) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (iii) Quy định số 178/QĐ-TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (iv) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”); (v) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ

chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

Ba là, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các văn bản của Quốc hội đã ban hành.

#### *Cơ sở pháp lý*

- Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;
- Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 149/2025/QH15;
- Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15;
- Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

#### *Cơ sở thực tiễn*

Thực tiễn quản lý thuế đối với hộ kinh doanh hiện nay cho thấy còn nhiều tồn tại, bất cập, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện khung pháp lý và phương thức quản lý phù hợp. Một là, chính sách thuế hiện hành vẫn còn sự chênh lệch đáng kể giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp, dù nhiều hộ kinh doanh có quy mô doanh thu tương đương với doanh nghiệp nhỏ. Hai là, phương pháp khoán hiện nay vẫn dựa trên ước tính doanh thu và sự tự giác khai báo, trong khi chưa bắt buộc sử dụng hóa đơn hay sổ sách kế toán đối với hộ khoán. Ba là, hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý thuế đối với hộ kinh doanh vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

### **2.2. Mục đích ban hành:**

Cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Đảng và Quốc hội tại Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 198/2025/QH15 nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và bãi bỏ thuế khoán, thiết lập cơ chế quản lý thuế phù hợp với từng nhóm quy mô hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Tăng cường hiệu quả quản lý thuế, đảm bảo công bằng nghĩa vụ thuế giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp có quy mô tương đương, đồng thời khuyến khích, thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp, qua đó, tạo động lực mới, giải phóng nguồn lực, sức sản xuất của kinh tế tư nhân; góp phần hiện thực hóa các mục tiêu nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

- Nghị định gồm 19 Điều, chia thành 05 Chương, cụ thể như sau:

Chương I - Quy định chung (gồm 02 Điều);

Chương II - Chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (gồm 5 Điều từ Điều 03 đến Điều 07);

Chương III - Khai thuế, tính thuế, nộp thuế, khấu trừ thuế, sử dụng hóa đơn điện tử, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (gồm 5 Điều từ Điều 08 đến Điều 12);

Chương IV - Trách nhiệm và tổ chức thi hành (gồm 05 Điều, từ Điều 13 đến Điều 17);

Chương V - Điều khoản thi hành (gồm 02 Điều 18, 19);

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

*Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)*

Nghị định này quy định về chính sách thuế: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác; khai thuế, tính thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa; phạm vi trách nhiệm, cách thức các chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thực hiện khấu trừ, kê khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm khai thay, nộp thuế thay của tổ chức trong các trường hợp: hợp tác kinh doanh với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, ký hợp đồng với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm đại lý bán đúng giá đối với xô số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp; sử dụng hóa đơn điện tử; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

*Đối tượng áp dụng (Điều 2)*

Đối tượng áp dụng bao gồm: (i) Người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (ii) Cơ quan thuế các cấp và công chức thuế; (iii) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Nghị định với các nội dung trọng tâm: (i) xác lập phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng thống nhất đối với hộ kinh doanh; (ii) quy định chính sách thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, trong đó làm rõ doanh thu, chi phí, phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân phù hợp với Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15; (iii) thay thế phương thức quản lý thuế khoán bằng cơ chế hộ kinh

doanh tự khai, tự nộp, gắn với hóa đơn điện tử và dữ liệu số, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại.

Nghị định gồm 19 Điều, cụ thể:

Điều 1 - Phạm vi điều chỉnh; Điều 2 - Đối tượng áp dụng; Điều 3 - Thuế giá trị gia tăng; Điều 4 - Thuế thu nhập cá nhân; Điều 5 - Doanh thu để xác định thuế thu nhập cá nhân; Điều 6 - Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thuế thu nhập cá nhân; Điều 7 - Các khoản thuế khác; Điều 8 - Nguyên tắc khai thuế, tính thuế và sử dụng hóa đơn; Điều 9 - Khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh; Điều 10 - Khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng; Điều 11 - Khai thuế, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; Điều 12 - Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa; Điều 13 - Quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; Điều 14 - Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thay, nộp thay, khấu trừ thuế; Điều 15 - Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; Điều 16 - Trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; Điều 17 - Trách nhiệm thi hành; Điều 18 - Điều khoản chuyển tiếp; Điều 19 - Hiệu lực thi hành.

### **III. Nghị định số 70/2026/NĐ-CP 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.**

#### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/3/2026.

#### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

##### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

Việc xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 dựa trên một số cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn chủ yếu như sau:

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII giao các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu chỉ đạo tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện “thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo” và tăng cường kiểm tra, giám sát, “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

- Tại Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Quốc hội đã giao Chính phủ quy định chi tiết 25 nội dung.

- Tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Tại Quyết định số 162/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính soạn thảo và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

Để triển khai thi hành Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 theo nhiệm vụ Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết thì cần thiết phải ban hành Nghị định quy định thay thế Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ để quy định cụ thể các nội dung được Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết; đồng thời kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện đúng quy định, bảo đảm Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đi vào cuộc sống.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Việc ban hành Nghị định số 70/2026/NĐ-CP nhằm:

- Quy định cụ thể các nội dung được Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết tại Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, bao gồm các nhóm nội dung: quy định cụ thể về việc xác định quy hoạch được thực hiện, quy hoạch phải điều chỉnh trong trường hợp giữa các quy hoạch có sự mâu thuẫn; quy định chi tiết nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; quy định về nguồn lực hỗ trợ của tổ chức, cá nhân cho hoạt động quy hoạch; quy định về hoạt động kiểm tra công tác quy hoạch; quy định về đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch; trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong quá trình lập, thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; quy định cụ thể về hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch và cơ sở dữ liệu quy hoạch...

- Cắt giảm các thủ tục hành chính; quy định rõ trình tự, thủ tục trong hoạt động lập, thẩm định quy hoạch, bảo đảm phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác quy hoạch.

- Kế thừa các quy định còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung những quy định chưa phù hợp với thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ.

Quan điểm, mục tiêu của việc xây dựng Nghị định số 70/2026/NĐ-CP:

- Thứ nhất, bảo đảm thống nhất với các nguyên tắc sửa đổi luật đã được áp dụng trong quá trình xây dựng Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15; đồng bộ với các Luật có liên quan đến công tác quy hoạch đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 10 và quy định của pháp luật khác có liên quan; bảo đảm phù hợp và thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Thứ hai, chỉ quy định chi tiết các nội dung được Quốc hội giao tại Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15.

- Thứ ba, bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật và chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành và địa phương theo quy định của pháp luật.

- Thứ tư, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo tính chủ động cho các bộ, ngành, địa phương gắn với đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.

- Thứ năm, kế thừa những quy định hiện hành còn phù hợp; các nội dung quy định mới phải bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận, cam kết của Việt Nam.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### ***3.1. Bố cục của Nghị định:***

Nghị định số 70/2026/NĐ-CP gồm 63 điều, 06 chương và 04 Phụ lục, cụ thể:

Chương I: Quy định chung, gồm 10 điều.

Chương II: Lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, gồm 22 điều.

Chương III: Thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch, gồm 13 điều.

Chương IV. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, gồm 07 điều.

Chương V. Kiểm tra hoạt động quy hoạch, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, gồm 08 điều.

Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều.

Phụ lục I. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch ngành.

Phụ lục II. Nội dung quy hoạch ngành.

Phụ lục III. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ngành.

Phụ lục IV. Danh mục và tỷ lệ sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

- Nhóm nội dung sửa đổi, bổ sung trên cơ sở kế thừa các quy định đã được Chính phủ ban hành tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019, Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 để hoàn thiện theo quy định mới của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, gồm các quy định về: thời gian lập quy hoạch; nguồn lực của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch; điều kiện năng lực chuyên môn đối với tổ chức tư vấn lập quy hoạch; yêu cầu kỹ thuật chung của sơ đồ, bản đồ quy hoạch; trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong quá trình lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; thành phần và hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch; hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; hồ sơ, trình tự điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Nhóm nội dung quy định mới tại Nghị định được Quốc hội giao quy định chi tiết, gồm các quy định về: nguyên tắc và trình tự xác định quy hoạch được thực hiện trong trường hợp các quy hoạch có sự mâu thuẫn; trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch ngành; thời hạn công bố, công khai quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; hồ sơ và trình tự, thủ tục xin ý kiến, quyết định hoặc phê duyệt đề cương lập quy hoạch; thể thức hồ sơ trình thẩm định và hồ sơ trình phê duyệt; trình tự, thủ tục kiểm tra hoạt động quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; đánh

giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch trong chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư.

- Nhóm nội dung lược bỏ tại các Nghị định đã ban hành do Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đã có quy định khác thay thế, gồm: bãi bỏ quy định về nhiệm vụ lập quy hoạch; bãi bỏ nội dung quy định về danh mục dự kiến dự án quan trọng, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; bãi bỏ quy định về việc lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đối với quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch; bãi bỏ quy định danh mục sơ đồ, bản đồ quy hoạch ban hành kèm văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; bãi bỏ quy định về hoàn thiện hồ sơ quy hoạch theo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; bãi bỏ quy định về trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch.

- Nhóm nội dung về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: cắt giảm và đơn giản hóa phạm vi, hình thức, thời gian lấy ý kiến đối với từng loại quy hoạch; cắt giảm quy định về việc xin ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo báo cáo thẩm định quy hoạch để phù hợp với thực tiễn triển khai.

- Nhóm nội dung về phân cấp, phân quyền trong thẩm định, phê duyệt quy hoạch ngành: phân cấp thẩm quyền phê duyệt một số quy hoạch ngành cho Bộ trưởng và phân cấp thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch ngành cho Bộ trưởng đối với các quy hoạch ngành thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng.

#### **IV. Nghị định số 71/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.**

##### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2026.

Văn bản bị thay thế, bãi bỏ: Thay thế Nghị định 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 và bãi bỏ Điều 4 Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021.

Quy định chuyển tiếp: (i) Trường hợp hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành sau đó mới bị phát hiện nhưng chưa hết thời hiệu xử phạt hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử phạt; (ii) Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà tổ chức, cá nhân bị xử phạt

vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của các VBQPPL đang có hiệu lực để giải quyết.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

#### *Cơ sở chính trị, pháp lý*

Cụ thể hoá chủ trương của Đảng, điều ước quốc tế Việt Nam là thành viên, gồm: Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đòi hỏi pháp luật nói chung, pháp luật về lĩnh vực năng lượng nguyên tử nói riêng phải minh bạch, thuận lợi cho nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới; Nghị quyết 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Công ước An toàn hạt nhân; Công ước chung về Quản lý an toàn nhiên liệu hạt nhân và chất thải phóng xạ; v.v..

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại các văn bản: Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 và Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

#### *Cơ sở thực tiễn*

Tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân;

Phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử (quy định cấm, trách nhiệm và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan); pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (thẩm quyền xử phạt); Bộ luật Hình sự.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định gồm 04 chương, 57 điều với nội dung chủ yếu như sau:

#### Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định về hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử quy định tại Nghị định này trong phạm vi lãnh thổ

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

#### *Nội dung lược bỏ*

Lược bỏ các nhóm nội dung để phù hợp với quy định của Luật Năng lượng nguyên tử và các Nghị định hướng dẫn Luật này, tránh trùng lặp, chồng chéo xử lý vi phạm, bảo đảm thống nhất và đồng bộ (như: hành vi vi phạm vận hành tàu biển, phương tiện, thiết bị, máy móc có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân mà không có giấy phép, giấy phép xây dựng cơ sở bức xạ; quy định về trách nhiệm chuyển giao hồ sơ; quy định lựa chọn địa điểm, xây dựng kho lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ không đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; phê duyệt kế hoạch tháo dỡ, tẩy xạ, xử lý nguồn bức xạ, chất thải phóng xạ; quy định về thẩm quyền xử phạt của một số chức danh thuộc các cơ quan như: Thanh tra, Công an nhân dân, Hải quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, v.v..).

#### *Nội dung sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung mới căn bản*

Chỉnh sửa, bổ sung quy định nhằm phân định rõ ranh giới giữa vi phạm hành chính và tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự: Chỉ xử phạt hành chính đối với các hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, theo đó, các vi phạm liên quan đến: thăm dò khoáng sản có tính phóng xạ mà không có giấy phép hoặc có giấy phép đã hết hạn; nhập khẩu chất thải phóng xạ; không thực hiện các biện pháp ngăn ngừa theo quy định để xảy ra sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; không thực hiện đúng quy trình khi xả thải, phát thải chất phóng xạ hoặc xả thải, phát thải chất phóng xạ vượt quá giới hạn cho phép..., nếu có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để xem xét xử lý hình sự. Đối với hành vi sử dụng, vận chuyển hoặc lưu giữ nguồn phóng xạ không có giấy phép hoặc giấy phép đã hết hạn, cơ quan có thẩm quyền không xử phạt hành chính ngay mà phải chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an để xem xét xử lý hình sự.

Tăng mạnh mức phạt tiền từ 1,5 đến 2,5 lần đối với hầu hết các hành vi vi phạm so với trước đây. Đặc biệt, mức xử phạt đối với hành vi sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ không có giấy phép hoặc giấy phép đã hết hạn được thiết kế theo hướng phân hóa, căn cứ vào số lượng thiết bị bức xạ, số lượng và mức độ nguy hiểm của nguồn phóng xạ, bảo đảm tính công bằng và phù hợp thực tế.

Mở rộng phạm vi điều chỉnh, cập nhật, bổ sung nhiều hành vi vi phạm mới để tránh khoảng trống pháp lý, đặc biệt là các hành vi liên quan đến: an ninh nguồn phóng xạ và vật liệu hạt nhân; hoạt động của nhà máy điện hạt nhân theo vòng đời,

từ giai đoạn khảo sát, đánh giá địa điểm, xây dựng, vận hành thử, vận hành cho đến tháo dỡ, chấm dứt hoạt động; lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; quản lý dữ liệu, chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; v.v..

Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính của các cơ quan chức năng, đồng thời phân định rõ thẩm quyền xử phạt giữa các cơ quan như Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân, lực lượng chức năng liên quan, bảo đảm tính thống nhất và tránh chồng chéo trong quá trình xử lý vi phạm, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

Quy định về hành vi vi phạm đã kết thúc và hành vi vi phạm đang thực hiện; bổ sung các hình thức xử phạt (như: tước quyền sử dụng giấy phép; đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm; trục xuất đối với cá nhân nước ngoài); bổ sung các biện pháp khắc phục hậu quả (như: buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân; buộc kiểm định thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị xạ trị, thiết bị hạt nhân; buộc thu hồi kết quả dịch vụ đã cung cấp; buộc sửa chữa, cải tạo, thay thế các cấu trúc, hệ thống, bộ phận không phù hợp với thiết kế hoặc không bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân; v.v..) giúp xử lý triệt để hậu quả của hành vi vi phạm, phục hồi trật tự quản lý hành chính bị xâm phạm.

**V. Nghị định số 72/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 30/4/2026.

Sau ngày Nghị định này hết hiệu lực, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2026/NĐ-CP.

### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

#### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

### *Cơ sở chính trị*

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu nhiệm vụ: *“Xây dựng kịch bản, lộ trình thực hiện cụ thể bảo đảm năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đa dạng hóa nguồn cung năng lượng, bao gồm cả nguồn trong nước và nhập khẩu.”*

- Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có nêu mục tiêu: *“Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái”*.

- Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề ra quan điểm: *“... cân đối hợp lý, hiệu quả giữa xuất khẩu, nhập khẩu khoáng sản, ưu tiên đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước.”*

### *Cơ sở pháp lý*

- Khoản 1 Điều 11 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định:

*“1. Chính phủ căn cứ quy định tại Điều 10 của Luật này, Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất thuế xuất khẩu đối với từng nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Luật này, Biểu thuế ưu đãi cam kết tại Nghị định thư gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã được Quốc hội phê chuẩn và các điều ước quốc tế khác mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên để ban hành:*

- a) Biểu thuế xuất khẩu; Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi;*
- b) Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt;*
- c) Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.”*

- Điểm a khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành VBQPPL quy định:

*“Điều 50. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn*

*1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây:*

*a) Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;”.*

*Cơ sở thực tiễn*

Hiện nay, chiến tranh Mỹ, Israel và Iran đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam và thế giới, cụ thể:

- Eo biển Hormuz hiện bị Iran phong tỏa khiến cho khoảng 20 triệu thùng dầu thô mỗi ngày từ nguồn dầu thô tại các nước Trung Đông: Iran, Iraq, UAE, Saudi Arabia, Kuwait... không thể đi qua eo biển này đến các Nhà máy lọc dầu trên thế giới, đặc biệt đối với khu vực châu Á - nơi phụ thuộc nhiều vào nguồn dầu thô Trung Đông. Hậu quả là các Nhà máy lọc dầu khu vực châu Á đã phải cắt giảm công suất, mở kho dự trữ dầu thô, hạn chế, dừng xuất khẩu sản phẩm xăng dầu. Nguồn sản phẩm khan hiếm khiến cho giá xăng dầu tại thị trường Singapore bị đẩy lên rất cao (cả giá Mops và Pre) và nguy cơ thiếu hụt nguồn cung.

- Tương tự như trường hợp của các nhà máy lọc dầu khu vực châu Á, một số nhà máy lọc dầu trong nước cũng gặp phải khó khăn khi nguồn cung dầu thô từ nước ngoài có nguy cơ thiếu hụt, dẫn đến việc khó có thể thực hiện được Hợp đồng giao hàng hiện hữu. Các nhà cung cấp trong khu vực cũng đang xem xét tuyên bố hủy hợp đồng do nguyên nhân bất khả kháng nếu tình trạng trên kéo dài sẽ khiến các Nhà máy lọc dầu không đủ nguồn dầu thô chạy ra sản phẩm.

- Nếu tiếp tục duy trì tình trạng trên, chiến tranh và phong tỏa eo biển Hormuz diễn ra kéo dài, trong khi nhập khẩu thay thế, bổ sung vừa khan hiếm vừa bị đội giá kép, thậm chí có thể không có hàng để mua nhập khẩu, nguồn cung trong nước gặp khó khăn sẽ dẫn đến bất lợi cho Việt Nam trên cả hai phương diện đảm bảo nguồn cung xăng, dầu và bình ổn giá cả.

- Hiện nguồn xăng dầu nhập khẩu vào Việt Nam hầu hết từ Asean và Hàn Quốc với mức thuế suất chủ yếu theo các cam kết FTA là 0%. Tuy nhiên, để được áp dụng thuế suất 0% như trên thì cần phải có C/O. Ngoài ra, lượng xăng dầu tại kho của các nước có FTA cũng không nhiều, trong đó có cả xăng dầu không có C/O. Do vậy, cần tạo một mặt bằng thuế suất thuế nhập khẩu về 0% để các doanh nghiệp kịp thời mua loại xăng dầu không có C/O tại các nước ASEAN này.

Trước yêu cầu đặc biệt cấp bách của thực tiễn, cần phải có ngay giải pháp để các Thương nhân đầu mối đa dạng hóa nguồn cung, góp phần giải quyết tình hình trên. Do đó, Bộ Công Thương đã đề xuất giải pháp điều chỉnh mức thuế nhập khẩu MFN đối với các mặt hàng xăng, dầu bằng 0% và thời gian áp dụng đến ngày 30 tháng 4 năm 2026.

Nghị định số 72/2026/NĐ-CP ban hành đã kịp thời giảm bớt một phần chi phí và đa dạng hóa nguồn cung xăng dầu.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

- Đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đa dạng hóa nguồn cung năng lượng, đảm bảo cân đối nhu cầu sử dụng năng lượng trước mắt với dự trữ năng lượng lâu dài;

- Đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô để góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số”.

- Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc về ban hành biểu thuế, thuế suất quy định tại Điều 10 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định gồm 2 Điều như sau:

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

- Nghị định này sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi về 0% đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu (tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP) theo đề xuất của Bộ Công Thương tại công văn số 1395/BCT-TTTN ngày 5/3/2026 (*một số mặt hàng đã có mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 0% thì không cần thiết phải điều chỉnh*), cụ thể như sau:

+ Nhóm mặt hàng giảm thuế suất thuế nhập khẩu MFN từ 10% xuống 0% bao

gồm: Các mặt hàng xăng động cơ không pha chì thuộc các mã HS: 2710.12.21, 2710.12.22, 2710.12.24, 2710.12.25; Mặt hàng Naphtha, reformate cùng các chế phẩm khác dùng để pha chế xăng động cơ thuộc mã HS 2710.12.80.

+ Nhóm mặt hàng giảm thuế suất thuế nhập khẩu MFN từ 7% xuống 0% bao gồm: Nhiên liệu diesel, các loại dầu nhiên liệu (thuộc các mã HS 2710.19.71, 2710.19.72, 2710.19.79; Nhiên liệu động cơ máy bay thuộc mã HS 2710.19.81, 2710.19.82; Các kerosine khác thuộc mã HS 2710.19.83.

+ Nhóm mặt hàng giảm thuế suất thuế nhập khẩu MFN từ 3% xuống 0% bao gồm: Xylen thuộc mã HS 2707.30.00; Condensate thuộc mã HS 2709.00.20; P-Xylen thuộc mã HS 2902.43.00.

+ Mặt hàng Hydrocarbon mạch vòng loại khác thuộc mã HS 2902.90.90 giảm thuế suất thuế nhập khẩu MFN từ 2% xuống 0%.

- Về hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 30/4/2026. Sau ngày Nghị định này hết hiệu lực, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2026/NĐ-CP.

## **VI. Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026, trừ các trường hợp quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16 và 21 của Nghị định này có liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, khoản 3 Điều 21 Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/7/2025 theo quy định tại khoản 3 Điều 77 của Luật Ngân sách nhà nước.

### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

#### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

##### *Cơ sở chính trị*

- Kết luận số 93/KL-TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước (NSNN) để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương (NSTW) và chủ động của ngân sách địa phương (NSDP), các cơ quan, đơn vị có liên quan “*Ban Cán sự đảng Chính phủ phối hợp*

với Đảng đoàn Quốc hội, lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa bằng hệ thống pháp luật để triển khai thực hiện; theo đó, xác định cụ thể các văn bản Luật cần sửa đổi, bổ sung để đưa vào chương trình xây dựng pháp luật theo hướng sửa đổi tổng thể Luật NSNN, Luật Quản lý thuế...trong đó lưu ý thời điểm triển khai để hạn chế tác động đến việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các địa phương”.

- Các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh 06 vùng kinh tế<sup>2</sup>.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kết luận của Bộ Chính trị số 126-KL/TW ngày 14/2/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sáp nhập các bộ, ban ngành trung ương; sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị hành chính chính cấp xã).

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

---

<sup>2</sup> Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 6/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 3/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

### *Cơ sở pháp lý*

Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 đã giao Chính phủ quy định chi tiết 26 nội dung. Tại Nghị định này, Bộ Tài chính đề xuất quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điểm, khoản, điều Quốc hội giao Chính phủ hướng dẫn.

Tại Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật NSNN theo trình tự, thủ tục rút gọn để bảo đảm có hiệu lực đồng thời với thời điểm hiệu lực của Luật NSNN.

### *Cơ sở thực tiễn*

Trên cơ sở Luật NSNN số 83/2015/QH13, Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật NSNN tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15.

Để triển khai thi hành Luật số 89/2025/QH15, cần thiết phải ban hành mới Nghị định để thay thế Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP nhằm quy định cụ thể các nhiệm vụ được Quốc hội giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết. Nhằm:

(1) Khắc phục những điểm hạn chế, bất cập để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Luật số 89/2025/QH15 và phù hợp với thực tiễn.

(2) Quy định cụ thể việc quản lý NSNN theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện thuộc nguồn NSNN; Kinh phí hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý NSNN; công tác lập dự toán NSNN, chấp hành, kế toán, quyết toán NSNN; xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước.

(3) Sửa đổi, bổ sung, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các thủ tục nội bộ và quy định rõ trình tự, thủ tục điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi trong quá trình chấp hành NSNN; quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách; quyết định thưởng vượt thu, hỗ trợ bù giảm thu; trình tự, thủ tục phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn.

(4) Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, cần rà soát, sửa đổi các quy định liên quan đến quy trình lập, chấp hành, quyết toán, công khai, giám sát NSNN ở địa phương cho phù hợp.

Như vậy, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN vừa cụ thể các nội dung Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, đồng thời kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; đáp ứng các vấn đề thực tiễn và bối cảnh phát triển mới, tạo sự chủ động, linh hoạt hơn cho các cấp, ngành, địa phương trong lập dự toán, điều hành, quản lý, quyết toán và công khai NSNN; giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Việc ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN nhằm cụ thể hóa các nội dung Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tại Luật NSNN số 89/2025/QH15 của Quốc hội.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định bao gồm 08 Chương, 52 Điều, cụ thể:

- Chương I - Những quy định chung, gồm 11 điều: từ Điều 1 đến Điều 11.
- Chương II - Lập dự toán NSNN, gồm 07 điều: từ Điều 12 đến Điều 18.
- Chương III - Chấp hành NSNN, gồm 11 điều: từ Điều 19 đến Điều 29.
- Chương IV - Kế toán và quyết toán NSNN, gồm 05 điều: từ Điều 30 đến Điều 34.
- Chương V - Công khai NSNN, giám sát của cộng đồng về NSNN, gồm 06 điều: từ Điều 35 đến Điều 40.

- Chương VI - Sử dụng vốn đầu tư phát triển của NSDP cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác, gồm 03 điều: từ Điều 41 đến Điều 43.

- Chương VII - Lập kế hoạch tài chính 05 năm, gồm 06 điều: từ Điều 44 đến Điều 49.

- Chương VIII - Điều khoản thi hành, gồm 03 điều: từ Điều 50 đến Điều 52.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

#### *Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện*

(1) Quy định ngân sách cấp tỉnh từng địa phương được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện sau: (i) Bội chi ngân sách từng địa phương do Quốc hội quyết định trong dự toán NSNN hằng năm hoặc mức bội chi điều chỉnh trong trường hợp Chính phủ quyết định điều chỉnh mức vay, bội chi ngân sách địa phương. Trong tổ chức thực hiện, trường hợp cần phải thay đổi mức vay, bội chi của các địa phương, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ điều chỉnh mức vay, bội chi giữa các địa phương nhưng không vượt quá tổng mức vay, bội chi NSDP đã được Quốc hội quyết định và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; (ii) Chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; (iii) Chỉ được phép bội chi NSDP năm dự toán khi không phát sinh nợ quá hạn đối với các khoản nợ vay phải thanh toán tính đến ngày 31 tháng 3 năm hiện hành (*khoản 4, khoản 5 Điều 3*).

(2) Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, lập riêng phần kinh phí cho từng nhiệm vụ, dịch vụ và sản phẩm cụ thể. Việc lập dự toán cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải căn cứ yêu cầu về kết quả, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian hoàn thành cụ thể cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm hoặc thông tin về hiệu quả, hoạt động của chương trình; định mức kỹ thuật kinh tế, chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành hoặc giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương, cùng loại (*Điều 5*).

(3) Quy định việc hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao với các nguyên tắc: (i) Kinh phí hoạt động của các tổ chức xã hội được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm; (ii) Được hỗ trợ trong các trường hợp: a) được cấp có thẩm quyền giao biên chế, NSNN bảo đảm tiền lương, các chế độ, chính sách khác và kinh phí hoạt động gắn với số biên chế được giao theo quy định của pháp luật; b)

được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ. Đồng thời, quy định quy trình hỗ trợ kinh phí từ NSNN để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (*Điều 8*).

(4) Bổ sung quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh về quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSDP; quy định các nguyên tắc để HĐND cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách ở địa phương (*Điều 9*).

(5) Điều chỉnh lại một số mốc thời gian trong quy trình lập dự toán NSNN, đảm bảo tính khả thi trong tổ chức triển khai thực hiện (*Điều 15, Điều 16*).

(6) Điều chỉnh quy định về tổ chức chi NSNN: (i) Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao và các điều kiện chi NSNN theo quy định của Luật NSNN, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách lập đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán hoặc tạm ứng theo chế độ; (ii) Căn cứ hồ sơ đề nghị chi của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc Nhà nước kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với dự toán đã giao cho đơn vị và thực hiện thanh toán theo đề nghị (*Điều 21*).

(7) Tổ chức điều hành NSNN: (i) Đối với quỹ NSTW: Bộ Tài chính tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương, ngân quỹ nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý. Nếu quỹ dự trữ tài chính, ngân quỹ nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác không đáp ứng được, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ứng từ NHNN VN; (ii) Đối với quỹ ngân sách cấp tỉnh: Sở Tài chính trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương. Trường hợp sau khi tạm ứng từ các nguồn này còn thiếu nguồn, UBND cấp tỉnh đề nghị Bộ Tài chính tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương và NSTW. Số tạm ứng phải hoàn trả đúng thời hạn được cơ quan có thẩm quyền quyết định, không quá 12 tháng kể từ ngày tạm ứng; (iii) Đối với quỹ ngân sách cấp xã: Trên cơ sở đề nghị của UBND cấp xã, Sở Tài chính trình UBND cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh, ngân sách cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác của tỉnh cho ngân sách cấp xã. Số tạm ứng phải hoàn trả đúng thời hạn được cơ quan có thẩm quyền quyết định, không quá 12 tháng kể từ ngày tạm ứng (*Điều 22*).

(8) Sử dụng dự phòng NSNN, bổ sung quy định trình tự xử lý: Trường hợp phát sinh nhiệm vụ được chi từ dự phòng NSNN, các Bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở địa phương tổng hợp, lập đề xuất bổ sung dự toán, kèm thuyết minh chi tiết đề nghị bổ sung từ dự phòng NSNN và chịu trách nhiệm trước pháp luật về đề xuất của mình. Riêng đối với nội dung đề xuất sử dụng dự phòng ngân sách trung ương để chi cho các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải được

sự chấp thuận chủ trương của cấp có thẩm quyền. Căn cứ đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung dự toán từ dự phòng NSTW; đối với dự phòng ngân sách các cấp ở địa phương, căn cứ đề nghị của các cơ quan, đơn vị, cơ quan quản tài chính địa phương trình UBND cùng cấp quyết định bổ sung dự toán từ dự phòng NSDP để thực hiện (Điều 25).

(9) Rà soát, bổ sung để quy định rõ phạm vi, đối tượng thực hiện công khai NSNN; quy định rõ trách nhiệm và nội dung công khai NSNN đối với các cấp ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; thời điểm thực hiện công khai ngân sách; trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện công khai NSNN, giám sát NSNN của cộng đồng (Điều 35, 36, 37, 39 và 40).

#### *Các nội dung bổ sung mới*

(1) Trách nhiệm của bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc ban hành văn bản hướng dẫn việc xác định kết quả đầu ra, tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật - kinh tế, quy trình thực hiện nhiệm vụ, cơ chế giám sát và đánh giá kết quả thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; xác định rõ mục tiêu, kết quả đầu ra cần đạt được, làm cơ sở giao nhiệm vụ và bố trí ngân sách theo cơ chế quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ (khoản 6 Điều 5).

(2) Bổ sung mới quy định về quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện thuộc nguồn NSNN (riêng đối với việc quản lý và sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam thuộc hoặc không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ); quy định các nguyên tắc, quy trình tiếp nhận nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện; quản lý và sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền (Điều 7).

(3) Quy định việc lập dự toán đối với đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ: Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ gửi cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chuyên môn tương ứng rà soát, tổng hợp cùng với dự toán chi NSNN của cơ quan quản lý nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp (khoản 3 Điều 13).

(4) Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được dự toán của các Bộ, cơ quan

trung ương, các địa phương, trường hợp cần thiết Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia yêu cầu bổ sung cơ sở, căn cứ tính toán, tài liệu thuyết minh dự toán; các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện và gửi báo cáo bổ sung theo thời hạn được yêu cầu nhưng không muộn hơn 07 ngày kể từ ngày các Bộ đề nghị báo cáo bổ sung. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các địa phương, tổng hợp và dự kiến tổng mức chi NSNN cho lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, bảo đảm tổng mức và cơ cấu phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp (*điểm a khoản 4 Điều 15*).

(5) Quy định trước ngày 20/11 Thủ tướng Chính phủ giao dự toán NSNN năm sau theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật NSNN: (i) Nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương; chi đầu tư phát triển chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực; (ii) Nhiệm vụ thu, chi, bội chi, vay và mức bổ sung từ NSTW cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*khoản 9 Điều 15*).

(6) Quy định chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có quyết định giao dự toán, Bộ Tài chính giao chi tiết nhiệm vụ thu, chi NSNN theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Luật NSNN: Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và chi tiết nhiệm vụ thu, chi NSNN để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đồng thời bổ sung trách nhiệm hướng dẫn thực hiện dự toán NSNN của Bộ Khoa học và Công nghệ (*khoản 10 Điều 15*).

(7) Quy định quy trình, trình tự phân bổ dự toán chưa chi tiết đầu năm: Căn cứ đề xuất của đơn vị cấp dưới trực thuộc, đơn vị dự toán cấp I rà soát, tổng hợp, đề xuất kinh phí bổ sung dự toán và chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp; Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định (*Điều 24*).

(8) Bổ sung mới quy định về nguyên tắc, trình tự và thủ tục hỗ trợ ngân sách cấp dưới khi hụt thu do nguyên nhân khách quan (*khoản 6 Điều 26*).

(9) Quy định cụ thể các yêu cầu, trình tự báo cáo quyết toán NSNN đối với đơn vị sử dụng ngân sách; đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị giao dự toán; cơ quan tài chính các cấp và trình tự quyết toán ngân sách cấp xã, cấp tỉnh và quyết toán NSNN (*Điều 32*).

(10) Bổ sung mới quy định xử lý kết dư NSNN của các cấp ngân sách để thực hiện các nội dung chi và hạch toán khoản kết dư NSNN còn lại vào thu ngân sách năm sau (*Điều 33*).

#### *Các nội dung lược bỏ*

Bỏ các quy định liên quan đến số kiểm tra, về Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm; Bỏ quy định khoản phí do cơ quan nhà nước thu nộp NSNN được khấu trừ các khoản khoán chi phí hoạt động; bỏ quy định các nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách; bỏ quy định tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của NSTW cho NSĐP tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của NSTW; bỏ quy định về thẩm định của cơ quan tài chính các cấp thay bằng kiểm tra, tổng hợp quyết toán NSNN đơn vị dự toán cấp I; đồng thời quy định nội dung kiểm tra quyết toán NSNN của đơn vị dự toán cấp I,...

#### *Quy định về điều khoản chuyển tiếp*

(1) Quy định đối với quyết toán ngân sách năm 2024 và quy trình, yêu cầu lập dự toán ngân sách năm 2026 áp dụng theo các quy định của Luật NSNN số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

(2) Quy định đối với việc xử lý tăng, giảm thu, chi ngân sách so với dự toán khi kết thúc năm ngân sách năm 2025 được thực hiện theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 và quy định của Nghị định này. Riêng đối với phạm vi xác định các khoản thu phân chia để làm cơ sở thưởng vượt dự toán thu và mức thưởng vượt dự toán thu năm 2025 cho ngân sách cấp dưới được thực hiện theo quy định của Luật NSNN số 83/2015/QH13.

(3) Quy định đối với quyết toán ngân sách năm 2025, bao gồm cả việc xử lý thu, chi cuối năm, yêu cầu, lập, xét duyệt, tổng hợp, thời hạn và trình tự quyết toán, xử lý kết dư, xử lý các khoản thu, chi không đúng quy định sau khi quyết toán ngân

sách nhà nước được phê chuẩn thực hiện theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 và quy định của Nghị định này.

**VII. Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ngày 14/3/2026.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị*

Căn cứ quy định tại Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công giao Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (TSKCHT), Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác các TSKCHT; trong đó có Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Nay, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025; trong đó có nội dung sửa đổi liên quan đến chế độ quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Đồng thời, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 (trong đó có quy định việc phân cấp, phân quyền trong việc giao, khai thác, xử lý TSKCHT từ thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính cho Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao, khai thác, xử lý TSKCHT nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, giảm bớt thủ tục hành chính); tuy nhiên, các nội dung này chỉ áp dụng trong giai đoạn chuyển tiếp; theo quy định tại Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 thì phải ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung chậm nhất là ngày 01/3/2027. Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT thủy lợi là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

*Cơ sở thực tiễn:*

Để có cơ sở xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương để rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các Nghị định,

trong đó có Nghị định số 08/2025/NĐ-CP (các Công văn số 10220/BTC-QLCS, số 10219/ BTC-QLCS ngày 08/7/2025) và thực hiện khảo sát tại một số tỉnh/thành phố (Quảng Ninh, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội).

Qua tổng hợp báo cáo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 4803/BNNMT-TL ngày 28/7/2025, các địa phương và thực tế thực hiện cho thấy Nghị định số 08/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT thủy lợi đã tạo ra hành lang pháp lý cần thiết, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, trong đó có TSKCHT thủy lợi phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. Theo đó, trách nhiệm của các Bộ, địa phương, các chủ thể trong việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT thủy lợi đã được quy định tương đối rõ ràng làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, Nghị định số 08/2025/NĐ-CP vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như: (i) Về chế độ quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT thủy lợi (một số nội dung quy định (liên quan đến cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản; thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện giao, khai thác, xử lý tài sản...) tại Nghị định số 08/2025/NĐ-CP không còn phù hợp với tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp); (ii) Về khai thác TSKCHT thủy lợi theo 03 phương thức (trực tiếp tổ chức khai thác tài sản/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản) quy định tại Nghị định số 08/2025/NĐ-CP chưa phản ánh đầy đủ tính chất đặc thù của TSKCHT thủy lợi; còn thiếu phương thức khai thác tài sản theo hướng xã hội hóa, khai thác đa mục tiêu, đa công năng dẫn đến chưa thực sự phát huy được hiệu quả nguồn lực tài chính từ khai thác tài sản này; việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản còn chưa linh hoạt về tiêu chí lựa chọn chưa cập nhật quy định của pháp luật chuyên ngành về thủy lợi. (iii) Việc xử lý tài sản theo các hình thức (thu hồi; điều chuyển; thanh lý; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; hình thức khác) là chưa đầy đủ so với số Luật số 56/2024/QH15 (thiếu hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý).

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Việc xây dựng Nghị định của Chính phủ nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT nói chung, cũng như đối với TSKCHT thủy lợi nói riêng nhằm quán triệt các chỉ đạo, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy định của pháp luật, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, sắp xếp tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; cải cách thủ tục

hành chính bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan; giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, phù hợp với thực tiễn.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### ***3.1. Bố cục của Nghị định:***

Dự thảo Nghị định gồm 33 Điều và các Mẫu biểu được kết cấu thành 03 Chương, gồm:

Chương I: Quy định chung, gồm 04 Điều quy định: Phạm vi điều chỉnh, Đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Chương II: Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (từ Điều 5 - Điều 30); trong đó quy định về: Giao quản lý TSKCHT thủy lợi (Mục 1); Hồ sơ quản lý, kế toán TSKCHT thủy lợi (Mục 2); Bảo trì TSKCHT thủy lợi (Mục 3); Khai thác TSKCHT thủy lợi (Mục 4); Xử lý TSKCHT thủy lợi (Mục 5); Chế độ báo cáo và cơ sở dữ liệu về TSKCHT thủy lợi (Mục 6).

Chương III: Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều quy định việc xử lý chuyên tiếp, điều khoản và hiệu lực thi hành.

#### *Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý; đồng thời, xác định rõ các loại tài sản không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này để thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện, gồm:

(i) TSKCHT thủy lợi là công trình thủy lợi nội đồng, công trình thủy lợi nhỏ được giao cho tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật về hợp tác xã và pháp luật khác có liên quan.

(ii) Trụ sở làm việc, văn phòng làm việc của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao TSKCHT thủy lợi nằm ngoài phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

(iii) TSKCHT thủy lợi do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý.

(iv) Công trình thủy lợi do các đối tượng khác (ngoài đối tượng quy định tại Điều 6 Nghị định này) quản lý.

#### *Đối tượng áp dụng và đối tượng bị xử phạt*

Nghị định này quy định 05 đối tượng áp dụng là: (1) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi; (2) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi; (3) Đối tượng được giao TSKCHT thủy lợi; (4) Tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê quyền khai thác TSKCHT thủy lợi, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác TSKCHT thủy lợi; (5) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT thủy lợi.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

#### *Những nội dung về sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*

- Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan chuyên môn về thủy lợi, đối tượng được giao TSKCHT thủy lợi, thẩm quyền quyết định giao tài sản, thẩm quyền quyết định phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản của cấp huyện thành cấp xã theo hướng: (i) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); (ii) Đối tượng được giao TSKCHT thủy lợi cấp xã là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã; (iii) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao/phê duyệt kế hoạch bảo trì TSKCHT thủy lợi thuộc phạm vi quản lý (cụ thể tại các Điều 6, Điều 10, Điều 15 dự thảo Nghị định).

#### *Những nội dung về phân cấp, thẩm quyền*

- Sửa đổi thẩm quyền quyết định xử lý TSKCHT thủy lợi theo hướng chuyển thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho Bộ quản lý chuyên ngành, địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho bộ, địa phương để các bộ, địa phương chủ động trong việc xử lý tài sản, đồng bộ với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ), Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; theo đó nếu để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền thì không có thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, dẫn đến trong một số trường hợp phải chờ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, địa phương không chủ động thực hiện giao tài sản được. Do đó, điều chỉnh thẩm quyền từ Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác đối với 02 phương thức (cho thuê quyền khai thác/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác TSKCHT thủy lợi); cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định, để địa phương chủ động trong việc phê duyệt Đề án khai thác tài sản, đồng bộ với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ), Luật Tổ chức chính quyền địa

phương năm 2025.

*Những nội dung sửa đổi, bổ sung do phát sinh vướng mắc trong thực tiễn và đồng bộ với chính sách về quản lý, sử dụng TSKCHT khác đã được ban hành*

- Bổ sung về nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT thủy lợi.
- Bổ sung quy định nguồn TSKCHT thủy lợi để thực hiện giao đảm bảo bao quát được các loại TSKCHT thủy lợi để giao và tránh trùng lặp về thủ tục giao (không phải giao lại tài sản đối với một số trường hợp đã có quy định giao tại các chính sách có liên quan), đơn giản hóa thủ tục hành chính.
- Bổ sung quy định rà soát, thống kê TSKCHT thủy lợi hiện có thuộc phạm vi quản lý tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường/UBND cấp tỉnh để thực hiện giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản tương ứng với Bộ Nông nghiệp và Môi trường/UBND cấp tỉnh/UBND cấp xã.
- Bổ sung quy định quản lý, vận hành tài sản trong thời gian đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt

*Những nội dung sửa đổi, bổ sung để phù hợp với pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về NSNN, pháp luật về giá và pháp luật có liên quan*

- Bổ sung 01 phương thức mới so với quy định tại Nghị định số 08/2025/NĐ-CP là “*Chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý*” do hình thức này đã được bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 và đồng bộ với các Nghị định đối với TSKCHT; theo đó, bổ sung thẩm quyền, trình tự, thủ tục, việc xử lý TSKCHT thủy lợi khi địa phương tiếp nhận về.

- Sửa đổi, bổ sung quy định TSKCHT thủy lợi là công trình thủy lợi nội đồng, công trình thủy lợi nhỏ được giao cho tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi. Việc quản lý, sử dụng và khai thác các công trình này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật về hợp tác xã và pháp luật khác có liên quan.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hướng: (i) Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá; (ii) Thành phần Hội đồng thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và quy định cụ thể số lượng thành viên của Hội đồng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về: (i) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác TSKCHT thủy lợi theo phương thức trực tiếp tổ chức khai thác phương thức cho thuê/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; (ii) quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý TSKCHT thủy lợi này; không quy định việc nộp tiền vào tài khoản tạm giữ đối với số tiền thu được từ khai thác, xử lý tài sản; theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ khai thác, xử lý tài sản (sau khi trừ đi chi phí có liên quan) được nộp vào ngân sách nhà nước.

*Ngoài những nội dung trên, dự thảo Nghị định còn sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều khoản thi hành: (i) Các Bộ, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý, tránh thất thoát, lãng phí tài sản; (ii) TSKCHT thủy lợi có giá trị lớn và có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân bất khả kháng khác gây ra được mua bảo hiểm để chủ động đối phó có hiệu quả và chuyển giao rủi ro.*

**VIII. Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2026.

### **3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

#### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

##### *Cơ sở chính trị*

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nêu: “*Thực hiện khoán quỹ lương gắn với mục tiêu tinh giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị. Mở rộng cơ chế khoán kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ*”.

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đã đề ra mục tiêu đến năm 2030 hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống pháp luật để thể chế hóa các chủ trương đổi mới cơ chế tài chính của cơ quan hành chính.

- Chủ trương về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp: “*Trung ương tập trung quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế; phân cấp, phân quyền đủ mạnh, đủ rõ, hợp lý các nhiệm vụ ở trung ương đang thực hiện về cho địa phương*”.

#### *Cơ sở pháp lý*

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 được Quốc hội ban hành đã sửa đổi tổng thể, toàn diện quy định pháp luật về ngân sách nhà nước. Điều 45 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “*Việc lập dự toán ngân sách của các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ*”.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 (Điều 54) quy định: “*Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật này*”.

Căn cứ các nội dung trên, việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ là có cơ sở pháp lý, thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

#### *Cơ sở thực tiễn*

Qua hơn 15 năm triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đã góp phần nâng cao tính chủ động trong quản lý, sử dụng kinh phí, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và từng bước cải thiện thu nhập cho cán bộ, công chức. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai trong giai đoạn 2014 - 2024 cũng cho thấy nhiều vấn đề đặt ra, đòi hỏi phải sửa đổi, thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với pháp luật hiện hành.

### **2.2. Mục đích ban hành:**

- Tạo điều kiện cho các cơ quan hành chính nhà nước chủ động trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính được giao để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Thực hiện quyền tự chủ đồng thời gắn với trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức, người lao động trong việc thực hiện nhiệm vụ.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

Nghị định tiếp tục kế thừa các quy định còn phù hợp tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP như quy định về sử dụng kinh phí giao tự chủ (quy định về quyết định mức chi cụ thể; quy định về phân bổ, điều chỉnh kinh phí giữa các nhiệm vụ chi trong phạm vi kinh phí giao tự chủ; quy định về điều chỉnh tổng kinh phí giao tự chủ (trong đó có rà soát bổ sung việc điều chỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn); quy định về giao khoán toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động thường xuyên...); quy định về việc xác định kinh phí tiết kiệm chi quản lý hành chính; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; đưa các nội dung biểu mẫu báo cáo, mẫu quy chế chi tiêu nội bộ trước đây quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 vào Nghị định để các Bộ, cơ quan, đơn vị thực hiện ngay sau khi Nghị định được ban hành và có hiệu lực, không chờ Thông tư hướng dẫn như trước đây. Đồng thời, có sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung một số nội dung cụ thể để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và thực tế hiện nay.

### ***3.1. Bố cục của Nghị định:***

Nghị định được bố cục gồm 03 Chương, 15 Điều và 03 biểu mẫu kèm theo, cụ thể như sau: Chương I. Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc thực hiện. Chương II. Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính (từ Điều 5 đến Điều 11) quy định về nguồn kinh phí; lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, hạch toán và quyết toán,... Chương III. Điều khoản thi hành (từ Điều 12 đến Điều 15) quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp.

#### *Phạm vi điều chỉnh*

Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị định quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

#### *Đối tượng áp dụng*

Điều 2 quy định đối tượng áp dụng đối với các cơ quan nhà nước sử dụng kinh phí quản lý hành chính do ngân sách nhà nước cấp, có tài khoản và con dấu riêng.

### ***3.2. Nội dung chủ yếu:***

- Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1): Nghị định đã sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh theo hướng làm rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

- Về đối tượng áp dụng (Điều 2): Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng áp dụng để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện hành.

- Về nguyên tắc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Điều 4): Nghị định quy định: (i) Nguyên tắc gắn quyền tự chủ với trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị; (ii) Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, góp phần tăng cường minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn tổ chức bộ máy hiện nay.

- Về nguồn kinh phí giao tự chủ (Điều 5): Nghị định bỏ quy định về nguồn thu phí được để lại do Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 đã quy định cơ quan hành chính nhà nước nộp toàn bộ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

- Về xác định phạm vi kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước (Điều 6): Nghị định quy định phạm vi và cách thức xác định kinh phí quản lý hành chính giao cho cơ quan thực hiện chế độ tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước, làm cơ sở cho việc giao dự toán và tổ chức thực hiện.

- Về nội dung chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ (Điều 7): Nghị định quy định phạm vi và nội dung chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính được giao thực hiện chế độ tự chủ, làm cơ sở cho các cơ quan chủ động sử dụng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Về điều chỉnh tổng kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ (Điều 8): Nghị định quy định các trường hợp và trình tự điều chỉnh tổng kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ khi có thay đổi trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Nội dung tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quyết định định mức chi tiêu; sử dụng kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ (Điều 9). Nghị định bổ sung thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ: Được quyết định tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan; được quyết định chi thanh toán tiền cho những ngày được nghỉ phép hàng năm theo quy định nhưng do yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ, công chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hằng năm.

- Kinh phí chi quản lý hành chính không giao thực hiện chế độ tự chủ (Điều 10). Nghị định quy định nhằm phân định rõ phạm vi kinh phí giao không tự chủ của cơ quan nhà nước.

- Điều 11 Nghị định quy định nguyên tắc và một số nội dung cụ thể về lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, hạch toán và quyết toán kinh phí đối với cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, bảo đảm thống nhất với pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về kế toán.

**IX. Nghị định số 76/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/5/2026.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị:*

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị năm 2025;

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 134-KL/TW, ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025.

*Cơ sở pháp lý:*

- Luật Ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL số 87/2025/QH15);

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung

một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có nhiều quy định về người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới và mức xử phạt vi phạm hành chính trong Nghị định số 125/2021/NĐ-CP không phù hợp (không còn lực lượng thanh tra chuyên ngành tại Bộ, Sở, Công an cấp huyện...) với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ định quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

### *Cơ sở thực tiễn*

Sự thay đổi các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính về các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới đã thay đổi; mức phạt tiền của một số chức danh cũng thay đổi, để bảo đảm phù hợp với mức phạt đối với một số hành vi vi phạm quy định tại nghị định xử phạt vi phạm hành chính có tính chất tương đồng trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước; một số hành vi vi phạm hành chính không còn phù hợp với VBQPPL mới ban hành...

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Hoàn thiện hệ thống VBQPPL xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới, tạo cơ sở pháp lý cho việc xử phạt vi phạm hành chính được hiệu quả; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Dự thảo Nghị định gồm 15 điều như sau:

Điều 1 – Điều 12: sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 125/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới.

Điều 13: Quy định chuyển tiếp.

Điều 14: Hiệu lực thi hành.

Điều 15: Trách nhiệm thi hành.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Nội dung sửa đổi tập trung liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Lược bỏ thẩm quyền xử phạt của lực lượng thanh tra chuyên ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng Công an huyện để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, lược bỏ một số quy định không còn phù hợp...

## **X. Nghị định số 77/2026/NĐ-CP ngày 17/3/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/03/2026.

Văn bản bị bãi bỏ: Bãi bỏ Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33 và khoản 2 Điều 35 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

Quy định chuyển tiếp: Nguồn vốn hoạt động còn dư theo Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg được tiếp tục sử dụng để chi thực hiện chức năng, quản lý; các quỹ khen thưởng, phúc lợi, dự án đang thực hiện được tiếp tục duy trì; viên chức, người lao động, tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Quỹ trước thời điểm Nghị định có hiệu lực được chuyển nguyên trạng.

### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

#### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

Cụ thể hóa các nội dung Chính phủ được giao quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 64 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

*Cơ sở thực tiễn*

Tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn hoạt động của Quỹ, bảo đảm tính khả thi, minh bạch và hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính theo đúng định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. *Bố cục của Nghị định:***

Nghị định gồm 05 chương, 21 điều và 01 phụ lục kèm theo. Cụ thể:

Chương I: Quy định chung (Từ Điều 1 đến Điều 3).

Chương II: Địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ (Từ Điều 4 đến Điều 8).

Chương III: Hoạt động của Quỹ (Từ Điều 9 đến Điều 10).

Chương IV: Quản lý tài chính và giám sát (Từ Điều 11 đến Điều 18).

Chương V: Tổ chức thực hiện (Từ Điều 19 đến Điều 21).

Phụ lục: Mẫu Thỏa thuận hợp tác thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay giữa Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và Ngân hàng.

### **3.2. *Nội dung chủ yếu:***

*Phạm vi điều chỉnh:* Quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

*Đối tượng áp dụng:* Quỹ, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ.

*Các quy định sửa đổi, hoàn thiện:*

Nghị định sửa đổi và hoàn thiện nhiều quy định nhằm tháo gỡ khó khăn trong thực tiễn, cụ thể:

- Về địa vị pháp lý và tổ chức: Xác định Quỹ là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại, trụ sở chính tại Hà Nội. Cơ cấu tổ chức gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Bỏ nội dung "có đơn vị trực thuộc ở một số địa phương" để đảm bảo tinh gọn tổ chức.

- Về chức năng, nhiệm vụ hoạt động: Cụ thể hóa khoản 2 Điều 64 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, gồm các chức năng: Tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ đổi mới công nghệ, phát triển quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ lãi suất vay; hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

- Về cơ chế quản lý tài chính: Giao quyền tự chủ kinh phí chi quản lý đặc thù: Kinh phí chi quản lý được xác định hằng năm từ 05% đến 07% tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ do ngân sách nhà nước cấp, tính theo phương pháp lũy tiến (phần

đến 3.000 tỷ đồng áp dụng 7%; trên 3.000 đến 5.000 tỷ đồng áp dụng 6%; trên 5.000 tỷ đồng áp dụng 5%). Việc quyết toán kinh phí chi quản lý được tính toán dựa trên tổng kinh phí thực tế đã cấp cho các doanh nghiệp, tổ chức trong năm.

- Về giám sát và xử lý rủi ro (Điểm mới mang tính đột phá): Chuyển hướng quản lý theo nguyên tắc quản trị rủi ro, tăng cường hậu kiểm, thiết lập hệ thống giám sát nội bộ (định kỳ, đột xuất, hậu kiểm độc lập) và yêu cầu minh bạch, trách nhiệm giải trình. Chấp nhận rủi ro tài chính trong các trường hợp: Không đạt mục tiêu dù đã tuân thủ đúng quy định; thiệt hại do sự cố, bất khả kháng; hoặc doanh nghiệp giải thể, phá sản không còn năng lực thực hiện. Hình thức xử lý rủi ro: Cho phép điều chỉnh nội dung, tiến độ hoặc chấm dứt hoạt động tài trợ, hỗ trợ mà không áp dụng xử phạt vi phạm.

- Về quy định chuyển tiếp: Nguồn vốn hoạt động còn dư theo Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg tiếp tục được sử dụng để chi chức năng, chi quản lý của Quỹ; các dự án, quỹ phúc lợi, khen thưởng đang có được tiếp tục duy trì đến khi kết thúc; chuyển nguyên trạng toàn bộ nhân sự, tài sản, quyền và nghĩa vụ sang Quỹ theo quy định mới.

*Các nội dung bổ sung mới: Không có.*

*(Ghi chú: Toàn bộ nội dung của Nghị định mang tính chất kế thừa, điều chỉnh và cụ thể hóa những chức năng, quyền hạn đã được giao tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và Luật Chuyển giao công nghệ, không mở rộng phạm vi hay làm phát sinh chức năng hoàn toàn mới)*

*Các nội dung bãi bỏ: Bãi bỏ các điều từ Điều 26 đến Điều 33 và khoản 2 Điều 35 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.*

**XI. Nghị định số 78/2026/NĐ-CP ngày 17/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

#### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ “*tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững*”. Đồng thời, để tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả, ngày 24/01/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII đã có Kết luận số 121-KL/TW về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: “*Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển*” và “*ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động để cải cách tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị*”. Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện Kết luận số 121-KL/TW, các cấp có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, trong đó, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo tại Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và Kết luận số 134-KL/TW về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đã yêu cầu: “*Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, ... các luật liên quan... sau sắp xếp tổ chức bộ máy ở địa phương, báo cáo Bộ Chính trị theo tiến độ chung và hoàn thành sửa đổi, bổ sung pháp luật chậm nhất 30/6/2025*” và “*đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo 02 cấp ở Trung ương và địa phương*”, giao “*Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Thanh tra Chính phủ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện các luật, quy định liên quan bảo đảm chức năng xử phạt vi phạm hành chính được quy định, thực hiện hiệu lực, hiệu quả*”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia quy định: “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, ... cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; ...*”

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ rõ nhiệm vụ: *“Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý;...”*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân yêu cầu: *“Trong năm 2025, hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý TTHC, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo. Triển khai mạnh mẽ việc cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào địa giới hành chính”; “Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, đảm bảo an ninh, an toàn”; “Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong giải quyết TTHC.”*

Các chủ trương, định hướng của Đảng cho thấy, việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách hàng đầu của hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của nhiều cơ quan trong bộ máy nhà nước có sự thay đổi, sắp xếp, tổ chức lại cho phù hợp với yêu cầu mới. Do vậy, để thực hiện các chủ trương, định hướng nêu trên của Đảng, đòi hỏi phải khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm (Nghị định số 174/2024/NĐ-CP), trong đó, đặc biệt là các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15, trong đó sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của các chức danh (Điều 37a), thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền

xử phạt vi phạm hành chính (Điều 53). Đồng thời, ngày 01/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Theo chủ trương tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan thanh tra, ngày 25/6/2025, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 quy định cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước không thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/8/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1688/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, căn cứ kết quả rà soát các VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để phù hợp với Luật, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, thời hạn trình Chính phủ ban hành trong tháng 12/2025.

Từ những cơ sở chính trị và pháp lý nêu trên, cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ để sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2025 và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại các văn bản Luật chuyên ngành trong tình hình mới. Qua đó, góp phần hoàn thiện tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu vận hành liên tục, không bị gián đoạn, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

#### *Cơ sở thực tiễn*

Trong bối cảnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động quản lý nhà nước và trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15 vừa được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2025 như đã nêu trên, một số nội dung chi

tiết tại Nghị định số 174/2024/NĐ-CP cũng phát sinh một số bất cập cần được sửa đổi, bổ sung, cụ thể như:

(i) Quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện nay về hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm và chủ thể có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính;

(ii) Quy định về nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

(iii) Quy định về thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

(iv) Quy định về xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP là cần thiết. Đây là bước hoàn thiện pháp lý nhằm đảm bảo hiệu lực thi hành đồng thời với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15, đồng bộ với Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trên thực tế, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu cải cách trong giai đoạn mới.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Việc xây dựng Nghị định số 78/2026/NĐ-CP nhằm:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của cơ quan nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm để bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Qua đó, bảo đảm hệ thống các cơ quan có thẩm quyền hoạt động liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn và tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.

- Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong xử phạt vi phạm hành chính đối với lực lượng Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm, chất lượng hoạt động của lực lượng thực thi công vụ, đặc biệt để bảo đảm phù hợp với chủ trương tổ chức bộ máy quản lý nhà nước thời gian qua và trong giai đoạn sắp tới.

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm;

- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài chính, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ cơ quan quản lý nhà nước thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

- Việc xây dựng Nghị định số 78/2026/NĐ-CP sẽ kế thừa các nội dung còn phù hợp của các Nghị định trước đây, tạo cơ sở pháp lý chung, áp dụng thống nhất công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, đồng thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm.

### **3. Nội dung chủ yếu**

#### **3.1. *Bố cục của Nghị định:***

*Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:*

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định số 78/2026/NĐ-CP không có sự thay đổi so với quy định tại Nghị định số 174/2024/NĐ-CP (được quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ).

Nghị định số 78/2026/NĐ-CP gồm 06 Điều, cụ thể:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 41 quy định về thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

- Điều 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 42 quy định về nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

- Điều 3: Sửa đổi, bổ sung Điều 44 quy định về thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

- Điều 4: Bổ sung Điều 44a quy định về xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử.

- Điều 5: Bổ sung tên Mục 4a Chương II sau Điều 27 Nghị định số 174/2024/NĐ-CP về hành vi vi phạm quy định về quản lý vốn, sử dụng vốn và tài sản.

- Điều 6: Điều khoản thi hành.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

#### *Các nội dung sửa đổi*

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thẩm quyền xử phạt của các chức danh: Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thành lập, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập để phù hợp với quy định tại Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 quy định cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước không thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc Ngân hàng Nhà nước như: Trưởng đoàn thanh tra của Ngân hàng Nhà nước khu vực, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực, Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để phù hợp với các chức danh theo quy định mới về chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước.

- Hoàn thiện cụm từ “*hiều người*” thành cụm từ “*hiều chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*” để phù hợp với quy định theo đề nghị của Bộ Nội vụ và các thuật ngữ khác quy định về nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

#### *Các nội dung bổ sung*

- Bổ sung quy định mới về các chức danh thuộc lực lượng Công an nhân dân tại Nghị định số 78/2026/NĐ-CP (khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 1 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP).

- Bổ sung quy định về việc trường hợp người có thẩm quyền đang thi hành công vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật (khoản 4 Điều 2 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP).

- Bổ sung quy định về xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử để phù hợp theo quy định tại Điều 18a Luật Xử lý vi phạm hành chính và Chương IIIa Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ (Điều 4 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP).

- Bổ sung tên Mục 4a Chương II sau Điều 27 Nghị định số 174/2024/NĐ-CP về hành vi vi phạm quy định về quản lý vốn, sử dụng vốn và tài sản ((Điều 5 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP).

#### *Các nội dung bãi bỏ*

- Bãi bỏ quy định về thẩm quyền xử phạt của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm Bộ Tài chính do không còn chức năng thanh tra chuyên ngành (bãi bỏ khoản 1 Điều 41 Nghị định số 174/2024/NĐ-CP) và quy định về thẩm quyền xử phạt của thanh tra viên ngân hàng trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm (bãi bỏ khoản 6 Điều 41 Nghị định số 174/2024/NĐ-CP) để bảo đảm tính thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 189/2025/NĐ-CP và Nghị định số 174/2024/NĐ-CP.

- Bãi bỏ cụm từ “*vi lý do khách quan*” tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 174/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP) để bảo đảm thống nhất với khoản 1 Điều 11 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 190/2025/NĐ-CP).

**XII. Nghị định số 79/2026/NĐ-CP ngày 18/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.**

#### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02/5/2026.

#### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

##### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán*”; “*tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững*”; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Theo đó, cơ cấu, tổ chức của các cơ quan, đơn vị có sự thay đổi lớn dẫn đến tên gọi của các chức danh thuộc các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử phạt thay đổi; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật: Gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật. Xây dựng cơ chế thường xuyên đánh giá hiệu quả thực thi của VBQPPL sau ban hành để kịp thời nhận diện, xử lý hiệu quả những mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, những “*điểm nghẽn*” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; theo đó, tại khoản 2 Điều 11 (rà soát, xử lý văn bản) quy định: “*Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027*”; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, quán triệt quan điểm chỉ đạo “*bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp*”, “*tạo môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định, an toàn*”. Nghị quyết cũng đưa ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp “*Tuân thủ nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân trong xử lý vi phạm*”. Theo đó, cần rà soát sửa đổi, bổ sung các hành vi vi phạm hành chính (VPHC) nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, phân biệt giữa VPHC và tội phạm hình sự; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về

đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nêu ra nhiệm vụ “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia*”, rà soát, sửa đổi để bảo đảm không gây cản trở việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong thực tiễn; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Theo đó, rà soát các nội dung của Nghị định số 96/2020/NĐ-CP nhằm đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó đặt ra nhiệm vụ “*đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển*”.

- Đề án số 839-ĐA/QUTW ngày 15/4/2025 của Quân uỷ Trung ương về tiếp tục sắp xếp tổ chức quân sự địa phương, Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh “*tin, gọn, mạnh*” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới (đã được thông qua tại Kết luận số 159-KL/TW). Theo đó, giải thể Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, thành lập Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, đơn vị tương đương cấp Sư đoàn, trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh. Vì vậy, hệ thống tổ chức, tên gọi của cơ quan, đơn vị Bộ đội Biên phòng có thay đổi.

- Nghị định xây dựng căn cứ vào Luật Xử lý VPHC, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các Nghị quyết về tinh gọn tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý VPHC về thẩm quyền xử phạt VPHC, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ.

- Ngày 17/11/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 299/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia (trong đó có Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa

khẩu biên giới đất liền; Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...) cần được cập nhật đảm bảo thống nhất.

- Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý VPHC; trong đó giao Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (BGQG), được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 37/2022/NĐ-CP (viết gọn là Nghị định số 96/2020/NĐ-CP). Qua tổng kết thực tiễn sau 05 năm triển khai thi hành Nghị định số 96/2020/NĐ-CP cho thấy nhiều nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Nghị định dự kiến sửa đổi, bổ sung 28 điều/30 điều (quá một phần hai tổng số điều).

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành VBQPPL, Nghị định thuộc trường hợp phải ban hành văn bản thay thế.

#### *Cơ sở thực tiễn*

Đánh giá kết quả sau 05 năm triển khai thi hành Nghị định số 96/2020/NĐ-CP cho thấy Nghị định đã phát huy, tăng cường vai trò quản lý nhà nước, làm cơ sở pháp lý đầy đủ, vững chắc để xử lý nghiêm những hành vi VPHC trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ BGQG. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được còn một số khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung như: (i) Một số hành vi chưa đảm bảo thống nhất với quy định của các VBQPPL quy định nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm, ví dụ: Hành vi quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP không đồng nhất với quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 299/2025/NĐ-CP; hành vi quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP chưa thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 71/2015/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 299/2025/NĐ-CP...; (ii) Một số hành vi VPHC được quy định tại Nghị định số 96/2020/NĐ-CP có sự trùng lặp với các Nghị định quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác như: Hành vi liên quan đến điều kiện hoạt động của người, phương tiện trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; hành vi về khai thác, đánh bắt thủy sản trong lĩnh vực thủy sản... nhưng mức xử phạt lại khác nhau, gây khó khăn cho quá trình áp dụng pháp luật trên thực tiễn; (iii) Quy định không rõ ràng về hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả dẫn đến cách hiểu thiếu thống nhất tại điểm e, điểm n khoản 3 Điều 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP; (iv) Cụm từ

“hàng hóa khác thuộc danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 13 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP không phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2020; (v) Mức phạt “cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng” quy định tại khoản 1 các Điều 6, 7, 8 và Điều 10 còn thấp, không đủ sức răn đe và tương xứng với tình hình kinh tế xã hội hiện nay...

### **2.1. Mục đích ban hành**

Việc ban hành Nghị định nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, định hướng xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của các cơ quan đơn vị của các chức danh có thẩm quyền xử phạt; phù hợp với hệ thống các VBQPPL hiện hành và đảm bảo tính khả thi trong thi hành Nghị định trên thực tiễn.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### **3.1. Bộ cục của Nghị định:**

Nghị định gồm: 04 chương, 31 điều quy định như sau:

- Chương I. Quy định chung gồm 07 Điều, từ Điều 1 đến Điều 7).
- Chương II. Quy định hành vi VPHC, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (từ Điều 8 đến Điều 16).
- Chương III Quy định thẩm quyền xử phạt VPHC (từ Điều 17 đến Điều 28).
- Chương IV Điều khoản thi hành (từ Điều 29 đến Điều 31).

#### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Nghị định về cơ bản kế thừa phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 37/2022/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 96/2020/NĐ-CP), đồng thời, có bổ sung một số nội dung trong phạm vi điều chỉnh, cơ bản phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15.

#### *Nội dung sửa đổi*

- Sửa đổi khoản 2a Điều 3 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP theo hướng khoan hồng vùng các trường hợp VPHC nhiều lần liên quan đến giá trị hàng hóa thì áp dụng xử phạt về từng hành vi vi phạm.

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP theo hướng dẫn chiếu, không quy định lại các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý VPHC.

- Sửa đổi cụm từ “*hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện*” bằng cụm từ “*hàng hóa khác thuộc danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện*” tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP để phù hợp với Luật Đầu tư năm 2020.

- Sửa đổi theo hướng tăng mức phạt tiền đối với một số hành vi VPHC quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP để đảm bảo tính răn đe, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay.

- Sửa đổi cụm từ “*mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự*” thành cụm từ “*trong trường hợp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự*” tại điểm c khoản 6, điểm b khoản 9 Điều 6, khoản 6 Điều 10, Điều 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, rà soát các hành vi vi phạm để đảm bảo phân biệt giữa VPHC và tội phạm hình sự.

- Sửa đổi một số hành vi quy định tại Điều 6, Điều 8, Điều 11 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP đảm bảo thống nhất với các VBQPPL quy định nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP, Nghị định số 71/2015/NĐ-CP, Nghị định số 77/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 299/2025/NĐ-CP. Chính lý tên gọi của các cơ quan, đơn vị đảm bảo thống nhất sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

#### *Nội dung bổ sung*

- Bổ sung 01 điều (Điều 3 Nghị định) để bổ sung nội dung giải thích từ ngữ như “*Công trình phòng thủ biển*”, “*Công trình biên giới*”, “*Công trình kiên cố*”... đảm bảo tính rõ ràng, dễ áp dụng đối với một số nội dung quy định tại Nghị định.

- Bổ sung quy định hướng dẫn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện*” trong trường hợp không thực hiện được việc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện tại điểm d khoản 5 Điều 16 Nghị định.

- Bổ sung thủ tục xử lý trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm có dấu

hiệu của tội phạm theo hướng phải được xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự trước đối với các hành vi quy định tại điểm c khoản 6, điểm b khoản 9 Điều 6, khoản 6 Điều 10, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP đảm bảo phân định rõ trách nhiệm hình sự, hành chính.

- Bổ sung hướng dẫn biện pháp để xử lý hành vi vi phạm đối với trường hợp người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đất liền không có phù hiệu gắn trên phương tiện, không có giấy tờ hoặc sử dụng giấy tờ hết giá trị... tại khoản 4, khoản 5 Điều 6 Nghị định (thay thế cho biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản 8 Điều 7 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP).

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc khôi phục cảnh quan khu vực cửa khẩu*” để áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 8 Điều 10 Nghị định.

- Bổ sung 01 điều (Điều 26 Nghị định) quy định thẩm quyền xử phạt và phân định thẩm quyền xử phạt (khoản 10 Điều 27 Nghị định) của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước một số lĩnh vực và một số chức danh khác tại Điều 26, khoản 8 Điều 27 Nghị định.

- Bổ sung nội dung quy định “*trừ trường hợp áp dụng hình thức xử phạt trực xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại.... Nghị định này*” tại các khoản của Điều 27 Nghị định, nhằm phân định rõ thẩm quyền xử phạt đối với các chức danh trong trường hợp áp dụng xử phạt “trực xuất” đối với người nước ngoài.

- Bổ sung cụm từ “*Cư dân biên giới*” trước cụm từ “*cho người khác*” tại điểm d khoản 2, điểm đ, điểm e khoản 5 Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 21 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ.

- Bổ sung đoạn biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tài sản có được do chiếm giữ trái phép đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật*” tại điểm b khoản 4 Điều 8, điểm g khoản 12 Điều 9, điểm e khoản 12 Điều 11, điểm e khoản 8 Điều 12, điểm e khoản 6 Điều 14, điểm b khoản 6 Điều 15, điểm e khoản 5 Điều 16 Nghị định để phù hợp quy định tại khoản 5a Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP sửa đổi.

#### *Nội dung lược bỏ*

Lược bỏ: (i) Biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc tiêu hủy giấy tờ tùy thân, giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh biên giới hết giá trị sử dụng*” tại điểm g khoản 3 Điều 3,

điểm đ khoản 12 Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất quy định tại Điều 11 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân; khoản 6 Điều 2a Nghị định số 96/2020/NĐ-CP vì đã được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý VPHC; (ii) các hành vi quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP vì trùng lặp các Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông thủy nội địa, thủy sản; (iii) Điều 14 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP do Điều này có tính chất dẫn chiếu, áp dụng pháp luật trong trường hợp một số hành vi VPHC trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước khác; (iv) Không quy định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất người nước ngoài đối với một số hành vi ít nghiêm trọng, đảm bảo thúc đẩy thu hút đầu tư, kinh doanh của người nước ngoài tại Việt Nam hiện nay như tại điểm b khoản 1, điểm d, điểm đ khoản 2, điểm c, điểm đ khoản 3 Điều 6; khoản 1, điểm a, điểm c khoản 2, khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 7; (v) điểm b khoản 1, điểm a, điểm d khoản 2 Điều 8... Nghị định số 96/2020/NĐ-CP; (vi) hình thức phạt “cảnh cáo” tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, đảm bảo tính răn đe và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay.

*Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính:*

Nghị định bổ sung cụm từ “*căn cước điện tử*” tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 11, đảm bảo phù hợp với Luật Căn cước năm 2023 (thẻ Căn cước công dân đã được tích hợp điện tử) và Nghị quyết số 66/NQ-CP, thuận lợi cho cá nhân trong việc xuất trình căn cước điện tử trên ứng dụng VNeID.

*Nội dung phân cấp, phân quyền*

Nghị định không quy định về phân cấp, phân quyền, chỉ quy định về phân định thẩm quyền xử phạt VPHC; trong đó đã quy định thẩm quyền xử phạt VPHC phù hợp với quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

**XIII. Nghị định số 80/2026/NĐ-CP ngày 19/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2026.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

#### *Cơ sở chính trị*

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Kế hoạch số 04- KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thông báo kết luận số 134/TB-BCĐTKNQ18 ngày 03/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 141/KH-BCCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo của Chính phủ định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Theo đó, cơ cấu, tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có sự thay đổi lớn dẫn đến tên gọi của các chức danh thuộc các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử phạt thay đổi.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới,... đã đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về hoàn thiện hệ thống pháp luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị... trong đó có mục tiêu “*hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có*

*hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới”.*

- Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo 2 cấp ở Trung ương và địa phương, trong đó “*tiếp tục duy trì tổ chức và hoạt động đối với Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam*” và “*các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành không tổ chức thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành và chức năng khác theo quy định của pháp luật*”. Thực hiện chủ trương của Đảng về sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra dẫn đến quy định về thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc cơ quan thanh tra chuyên ngành không còn phù hợp.

#### *Cơ sở pháp lý*

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số (XLVPHC) 67/2020 QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH14 đã có quy định giao Chính phủ quy định một số nội dung: “*Hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước;...*”; “*quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh*”.

- Luật Ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) tại điểm a khoản 1 Điều 14 quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

- Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ định quy định chi tiết Luật XLVPHC (Nghị định số 189/2025/NĐ-CP) quy định thẩm quyền xử phạt của một số chức danh mới (như: Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ,

cơ quan ngang bộ; trưởng đoàn kiểm tra; Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ thành lập...) và điều chỉnh mức xử phạt vi phạm hành chính của một số chức danh (chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam;...).

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó, xác định mục tiêu: Ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để phục vụ 5 nhóm tiện ích như sau: (1) Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (2) Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; (3) Phục vụ công dân số; (4) Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; (5) Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

#### *Cơ sở thực tiễn*

- Trong hoạt động hàng hải, giao thông đường thủy nội địa và những lĩnh vực có liên quan đã phát sinh một số VBQPPL được sửa đổi, bổ sung về các nội dung như: phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; phương án đảm bảo an toàn giao thông; đào tạo, huấn luyện cập nhật kiến thức cho cán bộ an ninh cảng biển; thẩm quyền về cấp phép nuôi trồng thủy sản, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển; chức năng quản lý nhà nước về giá của các Bộ, cơ quan ngang bộ; chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải;...

- Một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa còn chưa được quy định; mức xử phạt tiền của một số hành vi vi phạm chưa phù hợp, chưa đủ sức răn đe; một số thuật ngữ trong các điều, khoản của Nghị định chưa đồng nhất với thuật ngữ được quy định trong các VBQPPL khác. Bên cạnh đó, ngoài việc thay đổi cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành để sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ và việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, việc Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 đã có sự thay đổi lớn về tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền của thanh tra, ảnh hưởng đến thẩm quyền, chức danh xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ) và Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là cần thiết.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC vào lĩnh vực hàng hải và giao thông đường thủy nội địa; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

- Hoàn thiện hệ thống VBQPPL xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải và giao thông đường thủy nội địa, tạo cơ sở pháp lý cho việc xử phạt vi phạm hành chính được thực thi hiệu quả, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định bao gồm 03 Chương với 55 Điều:

- Chương I: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ Chương này bao gồm 30 Điều, trong đó sửa đổi, bổ sung 24 Điều, khoản, điểm; bổ sung 04 Điều, khoản và bãi bỏ 03 Điều, khoản, điểm của Nghị định số 142/2017/NĐ-CP.

- Chương II: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa Chương này bao gồm 12 Điều, trong đó sửa đổi, bổ sung 16 Điều, khoản, điểm; bổ sung 06 Điều, khoản, điểm và bãi bỏ 02 Điều của Nghị định số 139/2021/NĐ-CP.

- Chương III: Điều khoản thi hành Chương này bao gồm 02 Điều là điều khoản thi hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

*Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số quy định về hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải và giao thông đường thủy nội địa; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả.

#### *Đối tượng áp dụng*

Nghị định áp dụng đối với cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc trên tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam; cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa tại Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải và giao thông đường thủy nội địa.

#### *Nội dung sửa đổi, hoàn thiện*

- Đối với Nghị định số 142/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP):

+ Sửa đổi từ hình thức xử phạt bổ sung sang biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại đối với hành vi sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung để phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

+ Sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm liên quan đến các quy định về: công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng; đặt tên, đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước; cán bộ an ninh cảng biển; nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển; điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển; bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong hoạt động khai thác cảng cạn; khai báo thông tin và số lượng hàng hóa nguy hiểm; thuyền viên trong ca trực mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn; sử dụng các giấy chứng nhận của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động; đào tạo, huấn luyện thuyền viên.

+ Sửa đổi hình thức xử phạt và tăng mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm về bồi lợi hoặc làm mất trật tự công cộng trong khu vực cảng.

- Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền, hình thức xử phạt bổ

sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các chức danh (Thanh tra hàng hải, Trưởng đoàn kiểm tra, Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải; Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Công an nhân dân; Bộ đội biên phòng; lực lượng Cảnh sát biển) để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đối với Nghị định số 139/2021/NĐ-CP:

+ Sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm liên quan đến các quy định về: điều kiện hoạt động của phương tiện; thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện; trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện; đón trả hành khách, xếp, dỡ hàng hóa của người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; hoạt động của phương tiện, thủy phi cơ trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; vận tải hàng hóa nguy hiểm; cản trở hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính.

+ Tăng mức phạt đối với một số hành vi vi phạm về điều kiện hoạt động của phương tiện; trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện; quy định về đón trả hành khách, xếp, dỡ hàng hóa của người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; quản lý khai thác bến thủy nội địa; quản lý khai thác cảng thủy nội địa; chở quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện để bảo đảm tính răn đe, tính tương đồng của các hành vi vi phạm.

+ Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả và nội dung phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh Chủ tịch UBND các cấp; Công an nhân dân; Cảng vụ đường thủy nội địa; Cảng vụ hàng hải; Bộ đội biên phòng; Cảnh sát biển để phù hợp quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

+ Sửa đổi, bổ sung các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính để phù hợp với quy định tại Luật Thanh tra năm 2025, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

*Những nội dung bổ sung mới*

- Đối với Nghị định số 142/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP): bổ sung quy định về thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính; bổ sung một số hành vi vi phạm, mức phạt tiền về cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải theo quy định Luật Thanh tra năm 2025 và Luật Xử lý vi phạm

hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025); bổ sung quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm trên môi trường điện tử theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đối với Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021: bổ sung quy định về thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính; bổ sung thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác; thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Hàng hải Việt Nam để phù hợp với quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP; bổ sung một số biện pháp khắc phục hậu quả đối với một số hành vi vi phạm để đảm bảo việc trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn theo quy định; bổ sung quy định về kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm trên môi trường điện tử để phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

#### *Nội dung bị lược bỏ*

- Đối với Nghị định số 142/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP): lược bỏ đối với hành vi vi phạm tải trọng của phương tiện trong vùng đất cảng và hành vi vi phạm về tốc độ, nồng độ cồn của người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô trong vùng đất cảng do các hành vi vi phạm tại các Điều này đã được quy định tại Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe; lược bỏ thẩm quyền xử phạt của lực lượng Thanh tra Bộ để phù hợp với quy định của Luật Thanh tra năm 2025, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP; lược bỏ hành vi vi phạm về sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển để phù hợp với quy định tại Điều 39 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;...

- Đối với Nghị định số 139/2021/NĐ-CP: lược bỏ thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải và cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa để phù hợp với quy định của Luật Thanh tra năm 2025, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP; bãi bỏ Điều 48 Nghị định số 139/2021/NĐ-CP về thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ Hàng hải, gộp thẩm quyền của Cảng vụ Hàng hải vào Điều 47 Nghị định số 139/2021/NĐ-CP để phù hợp với

quy định tại Điều 17 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

**XIV. Nghị định số 81/2026/NĐ-CP ngày 19/3/2026 của Chính phủ quy định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2026.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị*

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như: *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán”*; *“Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”*; *“Xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp”*.

- Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong tình hình mới, trong đó đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như: *“Siết chặt trật tự, kỷ cương, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật về giao thông của người tham gia giao thông và người làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về giao thông”*; *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định rõ trách nhiệm trong quản lý nhà nước về giao thông. Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về giao thông theo hướng quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông gắn với bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định: *“Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào*

*cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”...*

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, nguyên tắc, yêu cầu và đề ra nhiệm vụ: *“Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị”, “Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển”.*

- Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo 02 cấp ở Trung ương và địa phương, trong đó *“các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành không tổ chức thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành và chức năng khác theo quy định của pháp luật”.* Thực hiện chủ trương của Đảng về sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra dẫn đến quy định về thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc cơ quan thanh tra chuyên ngành không còn phù hợp.

- Nghị quyết số 60-NQ-TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương ban hành Hội nghị lần thứ 11 Ban hành Trung ương Đảng khóa XIII quyết nghị: *“Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc, tỉnh, thành phố) kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành”.* Thực hiện chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện dẫn đến thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc đơn vị hành chính cấp huyện không còn phù hợp.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới có quan điểm chỉ đạo như sau: *“Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân*

*dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng”; “Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, “... đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển...”; “Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”.*

### *Cơ sở pháp lý*

- Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các VBQPPL: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Thanh tra; Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Nghị định số 189/2025/NĐ-CP); Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ dẫn đến sự thay đổi về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của một số chức danh; từ đó đặt ra yêu cầu phải rà soát để quy định thống nhất, đầy đủ, chính xác thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội khóa XV thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025; theo đó, các nội dung quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã được sửa đổi, vì vậy, cũng cần rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt để đảm bảo phù hợp, thống nhất với pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Ngày 27/6/2025, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Đường sắt số 95/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026); theo đó, cần rà soát để đề xuất sửa đổi, bổ sung tổng thể các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với pháp luật về nội dung.

### *Cơ sở thực tiễn*

- Triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sau đây gọi là Nghị định số 100/2019/NĐ-CP); sau hơn 06 năm triển khai thi hành, Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tuy nhiên, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã bộc lộ một số điểm hạn chế, bất cập, gây cản trở cho hoạt động xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt, cụ thể như sau:

Thứ nhất, ngày 27/6/2025, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Đường sắt số 95/2024/QH15 và để triển khai thi hành Luật, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Xây dựng và các bộ, ngành, địa phương trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó, một số quy định trong các VBQPPL này đã làm thay đổi các hành vi vi phạm trong Nghị định số 100/2019/NĐ-CP. Do đó, cần phải rà soát để sửa đổi tổng thể các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt để đồng bộ, thống nhất với pháp luật về nội dung.

Thứ hai, một số quy định trong Nghị định số 100/2019/NĐ-CP không còn phù hợp do các Luật mới được Quốc hội thông qua có sự thay đổi lớn về tổ chức bộ máy, thẩm quyền xử phạt.

Thứ ba, mức xử phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt chưa đủ mạnh, chưa đủ sức răn đe; một số biện pháp khắc phục hậu quả chưa bảo đảm tính khả thi.

Thứ tư, một số hành vi vi phạm mới xuất hiện trong quá trình quản lý, khai thác kết cấu đường sắt đô thị nhưng chưa có quy định chế tài xử phạt nên cần thiết phải bổ sung để bảo đảm phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Ngày 06/8/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1688/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong đó giao Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt (sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường sắt trong Nghị định số 100/2019/NĐ-CP), trình Chính phủ trong tháng 12/2025. Tuy nhiên, Luật Đường sắt đã được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025 tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, các quy định tại Nghị định được cập nhật đầy đủ, toàn diện hành vi trên cơ sở quy định của Luật Đường sắt năm 2025, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật. Do đó, Bộ Xây dựng đề xuất xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt

(thay thế phần đường sắt trong Nghị định số 100/2019/NĐ-CP).

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2026/NĐ-CP ngày 19/3/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt (thay thế phần đường sắt tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP) là hết sức cần thiết.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Nghị định số 81/2026/NĐ-CP ngày 19/3/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt là thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường sắt; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

Hoàn thiện hệ thống VBQPPL về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt, tạo cơ sở pháp lý cho việc xử phạt vi phạm hành chính được thực thi hiệu quả, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định gồm 04 chương, 50 Điều như sau:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 04 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4).

- Chương II. hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt, gồm 05 mục, 34 điều, cụ thể:

Mục 1. Vi phạm quy định về tín hiệu, quy tắc giao thông đường sắt và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt (từ Điều 5 đến Điều 16).

Mục 2. Vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng đường sắt (từ Điều 17 đến Điều 23).

Mục 3. Vi phạm quy định về phương tiện giao thông đường sắt (từ Điều 24 đến Điều 34).

Mục 4. Vi phạm quy định về kinh doanh đường sắt (từ Điều 35 đến Điều 37).

Mục 5. Vi phạm khác có liên quan đến giao thông đường sắt (Điều 38).

- Chương III. Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính, gồm 09 điều (từ Điều 39 đến Điều 47).

- Chương IV: Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 48 đến Điều 50).

*Phạm vi điều chỉnh*

- Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, đối tượng bị xử phạt, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh, thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính và việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt.

- Các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác trực tiếp liên quan đến lĩnh vực giao thông đường sắt không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

*Đối tượng áp dụng*

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

+ Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

+ Đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

+ Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện);

+ Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

+ Cơ quan, tổ chức nước ngoài được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

+ Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

- Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Nghị định sửa đổi, hoàn thiện 06 quy định, cụ thể như sau:

#### *Nội dung sửa đổi, hoàn thiện*

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và phù hợp với pháp luật nội dung. Nghị định quy định các hình thức xử phạt trong lĩnh vực giao thông đường sắt gồm: phạt cảnh cáo, phạt tiền, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hành vi vi phạm về quản lý an toàn hệ thống đường sắt cho phù hợp với quy định của Luật Đường sắt năm 2025 và Thông tư số 34/2025/TT-BXD ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình đường sắt và xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt cho phù hợp với Luật Đường sắt năm 2025 và Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Đường sắt.

- Điều chỉnh tăng mức phạt tiền đối với một số hành vi vi phạm, đặc biệt là hành vi có khả năng gây thiệt hại nặng nề về tính mạng, tài sản để bảo đảm phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi và đồng bộ với các hành vi tương tự trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Nghị định đã tăng mức xử phạt đối với hành vi vi phạm về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hầm đường sắt; về nồng độ cồn hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng; về vận chuyển quá số người được phép chở và các hành vi vi phạm về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt của lái tàu, phụ lái tàu.

- Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt. Nghị định đã sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt đối với các chức danh để bảo đảm phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử

lý vi phạm hành chính, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP và phù hợp với mô hình quản lý của các cơ quan quản lý đường bộ sau khi thực hiện sáp nhập.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

#### *Nội dung bổ sung*

Nghị định bổ sung 02 quy định về xử phạt một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt, cụ thể như sau:

- Bổ sung xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường sắt nhằm bảo đảm phù hợp với Luật Đường sắt năm 2025 và Nghị định số 16/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Đường sắt: Nghị định đã bổ sung các hành vi như không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt trong quá trình thi công, không tự di chuyển hoặc cải tạo công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, không tự phá dỡ công trình khi hết hạn sử dụng, không tự phá dỡ công trình khi xây dựng không đúng với giấy phép hoặc khi cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi, hủy giấy phép đối với xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường sắt...

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đối với nhân viên đường sắt vi phạm quy định về Giấy phép lái tàu, bằng, chứng chỉ chuyên môn: Nghị định quy định nhân viên đường sắt ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt (phạt tiền, áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả) còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đình chỉ việc điều khiển phương tiện giao thông đường sắt.

#### *Nội dung lược bỏ*

Nghị định đã lược bỏ 06 quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Lược bỏ các thuật ngữ được quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP do các thuật ngữ này không có trong Nghị định hoặc đã được quy định tại các VBQPPL khác có liên quan.

- Lược bỏ xử phạt hành vi vi phạm khởi công xây dựng công trình khi chưa nhận được bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP do đã được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi

phạm hành chính về xây dựng.

- Lược bỏ xử phạt cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu vi phạm quy định về đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn quy định tại Điều 68 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP do các quy định về nội dung, chương trình đào tạo nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu đã được lược bỏ; đồng thời, các quy định về xử phạt những hành vi vi phạm này đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Lược bỏ xử phạt hành vi vi phạm về điều kiện kinh doanh đường sắt đô thị tại Điều 70 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP do Luật Đường sắt năm 2025 không còn quy định kinh doanh đường sắt đô thị là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

- Lược bỏ quy định về thẩm quyền xử phạt đối với các chức danh Thanh tra giao thông vận tải, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đường sắt quy định tại khoản 5, khoản 7 Điều 74 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP để phù hợp với Luật Thanh tra năm 2025.

- Lược bỏ thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện tại Điều 75 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP cho phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

**XV. Nghị định số 82/2026/NĐ-CP ngày 20/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định số 23/2017/NĐ-CP và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP của Chính phủ.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 04/5/2026.

### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

#### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như: “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh,*

*nhất quán*” (Mục II Phần III của Nghị quyết); *“tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”* (Mục 3 Phần IV của Nghị quyết); Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nêu ra nhiệm vụ *“Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển”*, *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia”*. Theo đó, việc rà soát các nội dung của Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là cần thiết để bảo đảm không gây cản trở, hạn chế việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong thực tiễn; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó đặt ra nhiệm vụ *“đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển”*. Việc hoàn thiện quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng cần theo định hướng tư duy pháp lý mới, phù hợp với các yêu cầu đặt ra trong bối cảnh sắp xếp, tổ chức bộ máy; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, quán triệt quan điểm chỉ đạo *“bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp”*, *“tạo môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định, an toàn”*. Nghị quyết cũng đưa ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp *“Tuân thủ nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân trong xử lý vi phạm”*. Theo đó, việc rà soát sửa đổi, bổ sung các hành vi vi phạm hành chính nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc xử lý các hành vi vi phạm trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam.

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 25/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: *“Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng”*; *“đẩy mạnh phân cấp, phân quyền”* và *“Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển”*; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung,

nhệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh, gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã đề ra chủ trương: “*Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã; định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan*”; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đặt ra mục tiêu, yêu cầu: “*Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã, thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả*”. Thực hiện chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện dẫn đến thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc đơn vị hành chính cấp huyện không còn; Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan Thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã yêu cầu: “*rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước*” và giao “*Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Thanh tra Chính phủ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện các luật, quy định liên quan bảo đảm chức năng xử phạt vi phạm hành chính được quy định, thực hiện hiệu lực, hiệu quả*”.

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15.

- Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2025 kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính trong đó đã giao Bộ Quốc phòng rà soát lại thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính một số chức danh quy định tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tổ chức lại đơn vị hành chính tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

### *Cơ sở thực tiễn*

Qua thời gian triển khai thi hành, các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ đã tạo cơ sở pháp lý trong việc xác định các chủ thể có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm hiệu quả công tác xử phạt vi phạm hành chính, đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa vi phạm, góp phần vào sự phát triển ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội trên các vùng biên, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, trước yêu cầu cấp bách của việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước, chuyển giao nhiệm vụ sau khi sáp nhập giữa các cơ quan, lực lượng chức năng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được tổ chức lại (như hệ thống cơ quan Công an, Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra...) đã tác động trực tiếp đến các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, ảnh hưởng đến tính kịp thời trong xác định thẩm quyền, cũng như thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Tổng kết triển khai thi hành Nghị định cũng cho thấy vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung như: (i) Trong Nghị định chưa quy định hình thức xử phạt; (ii) Quy định hình thức xử phạt bổ sung (tịch thu tang vật vi phạm) đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là chưa phù hợp; (iii) Chưa quy định hình thức khắc phục hậu quả (*Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật*) đối với các hành vi vi phạm có hình thức xử phạt bổ sung (tịch thu) là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP; (iv) Tên của cơ quan chức năng (Bộ Tài nguyên và Môi trường) không đúng với tên gọi của cơ quan sau khi sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp...

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và tổ chức, sáp nhập lại một số cơ quan, đơn là phù hợp với các kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các văn bản của Quốc hội, Chính phủ và hệ thống VBQPPL là cần thiết.

### **2.1. Mục đích ban hành:**

Nhằm bổ sung các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn Luật; và thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, định hướng xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của các cơ quan đơn vị của các chức danh có thẩm quyền xử phạt; phù hợp với hệ thống các VBQPPL hiện hành và đảm bảo tính khả thi trong thi hành Nghị định trên thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định gồm 24 điều như sau:

Điều 1. Sửa đổi tên Điều 3, bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 3.

Điều 2. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 4.

Điều 3. Sửa đổi khoản 2, bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 8a.

Điều 4. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 9 Điều 8b.

Điều 5. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 15.

Điều 6. Sửa đổi khoản 7 và bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 16.

Điều 7. Sửa đổi khoản 4, bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 17.

Điều 8. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 23.

Điều 9. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 10 Điều 26.

Điều 10. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 7 Điều 26c.

Điều 11. Sửa đổi khoản 5 Điều 27.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển Việt Nam:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ.
2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển.
3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển.
4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ.
2. Trạm trưởng, Đội trưởng của Chiến sĩ Biên phòng đang thi hành công vụ.
3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm.
4. Đồn trưởng Đồn Biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.”

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ.
2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng.

4. Trưởng Công an cấp xã.

5. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc: Cục An ninh kinh tế, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục Cảnh sát giao thông, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

6. Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 5 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.

7. Giám đốc Công an cấp tỉnh.

8. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

9. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 8 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ

2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu

thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan.

3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực.

4. Cục trưởng Cục Hải quan.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

1. Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải.

2. *Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc, Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải.*

3. Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt của Kiểm ngư

1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản, kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền của Thanh tra Hàng hải Việt Nam

“1. Thanh tra viên của Thanh tra Hàng hải Việt Nam.

2. Trưởng đoàn thanh tra của Thanh tra Hàng hải Việt Nam.

3. Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam”.

Điều 21. Sửa đổi Điều 33 quy định thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

Điều 22. Bổ sung Điều 33b và Điều 33c quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử và Thủ tục xử phạt đối với những hành vi đồng thời được quy định trong Bộ Luật hình sự.

Điều 23. Thay thế một số cụm từ tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2017/NĐ-CP và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP.

Điều 24. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

#### *Nội dung sửa đổi*

- Nghị định sửa đổi 09 (chín) Điều quy định về thẩm quyền, mức phạt vi phạm hành chính của các chức danh thuộc các lực lượng: Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, Công an nhân dân, Hải quan, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Quản lý thị trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Kiểm Ngư, Thanh tra Hàng hải Việt Nam quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Luật Thanh tra năm 2025.

- Sửa đổi tên gọi Điều 3 của Nghị định như sau: Hình thức xử phạt, mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền và nguyên tắc xử phạt.

- Sửa đổi thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Điều 21 Nghị định cho đúng với tên gọi của các lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, công chức, viên chức thuộc cơ quan Hải quan, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Quản lý thị trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Kiểm Ngư, Thanh tra Hàng hải Việt Nam.

- Sửa đổi “điểm k thành điểm i” tại khoản 2 Điều 8a cho phù hợp với hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 8a của Nghị định 162/2013/NĐ-CP.

#### *Nội dung bổ sung*

- Bổ sung quy định về hình thức xử phạt tại Điều 1 Nghị định như sau:

“1a. Các hình thức xử phạt chính quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền.

1b. Các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn.

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính);

d) Trục xuất.”

- Bổ sung quy định biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 của Nghị định như sau:

“6. Buộc nộp lại giấy chứng nhận của tàu thuyền, tài liệu của tàu thuyền, chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên, hộ chiếu bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó.”

- Bổ sung hình thức xử phạt bổ sung “Tịch thu chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên, hộ chiếu giả mạo” đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 17.

- Bổ sung hình thức xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử cho phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị như sau “Việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này trên môi trường điện tử được áp dụng theo quy định tại Điều 28b và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)”.

- Bổ sung quy định xử phạt đối với những hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định này đồng thời được quy định trong Bộ Luật hình sự tránh tình trạng bỏ sót, bỏ lọt hành vi vi phạm, tội phạm.

- Bổ sung vào các biện pháp khắc phục hậu quả nói trên đối với hành vi vi phạm quy định tại: khoản 5 Điều 8b, điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 15, khoản 3 Điều 17, điểm c khoản 2 Điều 23, khoản 7, khoản 8 Điều 26, điểm e khoản 5 Điều 26c, điểm b khoản 3 Điều 27; (ii) Buộc nộp lại giấy chứng nhận, tài liệu của tàu thuyền, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên, hộ chiếu cho cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy tờ đó đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 16, khoản 3 Điều 17 để phù hợp với quy định tại Điều 5a Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được sửa

đổi, bổ sung tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP “... đối với hành vi vi phạm hành chính có quy định áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước quy định biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái với quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với tổ chức, đặc điểm của hành vi”.

*Nội dung lược bỏ*

- Bãi bỏ hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi “Sử dụng phương tiện vận chuyển không phù hợp với loại hàng hoá theo quy định của pháp luật” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Nghị định để phù hợp với thực tiễn, giải quyết những khó khăn cho các cơ quan xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi này.

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 27a cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

*Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính*

Nghị định không có nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

*Nội dung phân cấp, phân quyền*

Nghị định không có các quy định về nội dung phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

**XVI. Nghị định số 84/2026/NĐ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nợ công.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/3/2026.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị*

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ “*tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững*”. Đồng thời, để tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn,

hoạt động hiệu lực, hiệu quả, ngày 24/01/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII đã có Kết luận số 121-KL/TW về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: “*Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển*”.

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó yêu cầu “*đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh*”. Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/1/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 70/NQ-TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

#### *Cơ sở pháp lý*

Các luật được Quốc hội thông qua gồm Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/2017; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Ngày 10/12/2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 141/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công (QLNC) số 20/2017/QH14, theo đó Quốc hội đã giao Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật số 141/2025/QH15.

### *Cơ sở thực tiễn*

Ngày 23/11/2017, Quốc hội đã thông qua Luật QLNC số 20/2017/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018. Theo phân công tại Luật, các cơ quan đã xây dựng, hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành các Nghị định hướng dẫn Luật, có hiệu lực cùng thời điểm hiệu lực của Luật, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật về nợ công. Qua hơn 7 năm thực hiện, các quy định pháp luật về nợ công đã đi vào cuộc sống, lần đầu tiên công tác quản lý Nhà nước về nợ công được thống nhất một đầu mối, phù hợp với thông lệ quốc tế, huy động đầy đủ các nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển và trả nợ gốc của NSNN; nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của các cơ quan sử dụng nợ công.

Trong bối cảnh triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ nêu trên, Bộ Tài chính đã tổ chức nghiên cứu, rà soát quy định pháp luật hiện hành về quản lý nợ công để đề xuất các chính sách đột phá, tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn trong công tác huy động vay, trả nợ công, hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo khuôn khổ thể chế làm cơ sở huy động đủ nguồn lực để hiện thực hóa mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phân đấu tăng trưởng hai con số các năm tới.

Đặc biệt, trong bối cảnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, chủ trương phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan lập pháp và hành pháp, tăng cường phân cấp, phân quyền, một số quy định của Luật QLNC về thẩm quyền của các cơ quan Quốc hội, Chính phủ, quy định gắn với phân công nhiệm vụ các cơ quan Chính phủ trước đây cần rà soát sửa đổi, đảm bảo nhất quán và đáp ứng yêu cầu thu gọn đầu mối và cải cách thủ tục hành chính trong tình hình mới. Trên cơ sở kết quả tổng kết, đánh giá, Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Luật QLNC để hoàn thiện thể chế, đảm bảo đồng bộ với các luật Quốc hội ban hành tại Kỳ họp thứ 9 như Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công sửa đổi, Luật quản lý sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại Doanh nghiệp, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả công tác huy động và trả nợ công phục vụ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo các chủ trương của Đảng, Nhà nước và giải quyết một số vướng mắc thực tế trong quá trình thực thi và quản lý. Quốc hội đã xem xét, ban hành Luật số 141/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công theo quy trình 01 kỳ họp (kỳ thứ 10 Quốc hội khóa XV).

Ngày 31/12/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2835/QĐ-TTg về ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi

tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, theo đó Bộ Tài chính được phân công chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quản lý nợ của chính quyền địa phương, Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công, Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 79/2021/NĐ-CP.

Bộ Tài chính đã xây dựng và hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nợ công theo nhiệm vụ được giao và các căn cứ quy định trong Luật QLNC tại số thứ tự 2 Phụ lục kèm theo Quyết định.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Nghị định được xây dựng để: (1) Chính phủ quy định chi tiết theo thẩm quyền Quốc hội giao tại Luật số 141/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14, đồng thời bổ sung các quy định để triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (2) bổ sung, sửa đổi một số quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP, Nghị định số 93/2018/NĐ-CP, Nghị định số 94/2018/NĐ-CP, Nghị định số 95/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 83/2023/NĐ-CP ngày 29/11/2023, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 để đảm bảo thống nhất với các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 141/2025/QH15 và giải quyết một số vướng mắc, bất cập trong thực tiễn; (3) bổ sung quy định cụ thể để thực hiện các quy định mới tại Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định bao gồm 08 Điều và 03 Phụ lục.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quản lý nợ của chính quyền địa phương

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 83/2023/NĐ-CP ngày 29/11/2023

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 8. Tổ chức thực hiện

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Nghị định đưa vào sửa đổi 16 điều và Phụ lục III của Nghị định số 91/2018/NĐ-CP; 11 điều, tên Chương II và Phụ lục II, III của Nghị định số 93/2018/NĐ-CP; 15 điều của Nghị định số 94/2018/NĐ-CP; 04 điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 83/2023/NĐ-CP; sửa 17 điều và sửa đổi Phụ lục I, II, III, bổ sung Phụ lục IV của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 79/2021/NĐ-CP; bãi bỏ Nghị định số 317/2025/NĐ-CP.

Nội dung cơ bản của Nghị định nhằm quy định chi tiết các quy định được Quốc hội giao tại Luật. Đồng thời, Nghị định chỉnh sửa, hoàn thiện một số nội dung tại các Nghị định số 91/2018/NĐ-CP, 93/2018/NĐ-CP, 94/2018/NĐ-CP, 95/2018/NĐ-CP, 97/2018/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất pháp luật với các luật, nghị định mới ban hành và giải quyết một số vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, được chia làm 05 nhóm: (i) Những nội dung phân cấp, phân quyền; (ii) Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; (iii) Những nội dung lược bỏ;

(iv) Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện; (v) Các nội dung bổ sung.

Nghị định gồm 08 điều và 03 Phụ lục. Cụ thể như sau:

Từ Điều 1 đến Điều 5 bao gồm nội dung Chính phủ quy định chi tiết theo thẩm quyền Quốc hội giao đối với Điểm a, điểm b Khoản 8, Khoản 9, Khoản 14, Điểm c Khoản 15, Khoản 16, Khoản 21, Điểm c Khoản 22 Điều 1 Luật số 141/2025/QH15, theo đó Điều 1 gồm các khoản để quy định chi tiết các quy định được giao tại Luật, đồng thời bổ sung, sửa đổi đối với Nghị định số 91/2018/NĐ-CP; Điều 2, 3, 4 và 5 gồm các khoản để quy định chi tiết các quy định được giao tại Luật, đồng thời bổ sung, sửa đổi tương ứng tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP, Nghị định số 94/2018/NĐ-CP, Nghị định số 95/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 83/2023/NĐ-CP, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 79/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành là ngày 25/03/2026. Nghị định cũng quy định rõ thời điểm áp dụng quy định về báo cáo, công bố thông tin về nợ công từ kỳ báo cáo Quý I năm 2026.

Điều 7. Điều khoản chuyên tiếp, theo đó quy định đối với các hồ sơ đánh giá điều kiện vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Bộ Tài chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực, trên cơ sở thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP, Bộ Tài chính thực hiện đánh giá việc đáp ứng các điều kiện cho vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện, theo đó Nghị định quy định cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành; đồng thời giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định.

Các Phụ lục bao gồm: Phụ lục I, II (thay thế Phụ lục II, III kèm theo Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương); Phụ lục III về việc bổ sung Phụ lục IV về Mẫu Hợp đồng ủy quyền cho vay lại theo phương thức cơ quan cho vay lại chịu một phần rủi ro tín dụng vào Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

**XVII. Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ về bảo hiểm hưu trí bổ sung.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/5/2026.

Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

*Về điều khoản chuyển tiếp*

- Các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP được tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đã cấp. Việc điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung đối với các doanh nghiệp này được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

- Các doanh nghiệp đang quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP có trách nhiệm:

+ Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, báo cáo Bộ Tài chính về tình hình cung cấp dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện (bao gồm: số lượng quỹ hưu trí đang quản lý, số doanh nghiệp sử dụng lao động và số người tham gia quỹ, giá trị tài sản ròng và cơ cấu đầu tư của từng quỹ, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan...).

+ Trong vòng 06 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, cập nhật các tài liệu về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định này và công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

+ Trong vòng 12 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, điều chỉnh cơ cấu đầu tư của các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian điều chỉnh danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư của các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí được tiếp tục áp dụng quy định về đầu tư quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP và Điều lệ quỹ.

+ Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này.

- Các cá nhân đang tham gia trực tiếp quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP được tiếp tục tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc nhận chi trả toàn bộ tài khoản hưu trí cá nhân. Việc chi trả cho các cá nhân theo quy định này không bị áp dụng phí chi trả đột xuất.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

#### *Cơ sở chính trị*

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của BCH Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) (Nghị quyết số 28) chủ trương một trong các nội dung cải cách là xây dựng hệ thống BHXH đa tầng, bao gồm bảo hiểm hưu trí bổ sung để hướng tới mục tiêu “*từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ BHXH, hướng tới mục tiêu BHXH toàn dân*”; “*phát triển hệ thống BHXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế*”, đảm bảo tính an toàn, bền vững trong dài hạn của hệ thống BHXH và các chính sách BHXH. Trong đó, bảo hiểm hưu trí bổ sung là “*chế độ hưu trí tự nguyện theo nguyên tắc thị trường, tạo điều kiện cho người sử dụng lao động và người lao động có thêm sự lựa chọn tham gia đóng góp để được hưởng mức lương hưu cao hơn*”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân chủ trương “*ngiên cứu cho phép các định chế đầu tư tài chính mở rộng khả năng huy động vốn từ các nguồn như quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ hưu trí tự nguyện để phát triển thị trường vốn, đặc biệt là vốn trung và dài hạn cho doanh nghiệp tư nhân*”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới chủ trương “*triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, ngành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý*”.

#### *Cơ sở pháp lý*

Luật BHXH năm 2024 đã quy định một chương về bảo hiểm hưu trí bổ sung gồm nguyên tắc triển khai và chính sách của Nhà nước đối với bảo hiểm hưu trí bổ sung. Luật BHXH năm 2024 giao Chính phủ quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung (khoản 3 Điều 127) và giao Bộ Tài chính “*xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm hưu trí bổ sung; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm hưu trí bổ sung; theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện bảo hiểm hưu trí bổ sung; xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm hưu trí bổ sung; thực hiện công tác thống kê, thông tin về bảo hiểm hưu trí bổ sung* (khoản 6 Điều 137)”.

#### *Cơ sở thực tiễn*

- Căn cứ Luật BHXH năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2014, Nghị định số 88/2016/NĐ-CP quy định triển khai “bảo hiểm hưu trí bổ sung” theo cơ chế: (i) hình thành quỹ từ sự đóng góp tự nguyện của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động dưới hình thức tài khoản hưu trí cá nhân; (ii) quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện do các doanh nghiệp bảo hiểm, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được cấp phép quản lý.

- Từ năm 2016, căn cứ quy định của pháp luật, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ: Lao động – Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp rà soát hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện cho 04 doanh nghiệp. Từ năm 2021, các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bắt đầu thành lập quỹ và đến nay có 07 quỹ được thành lập với tổng trị giá tài sản tính đến hết quý II/2025, tổng giá trị tài sản của hệ thống quỹ hưu trí là 1.763 tỷ đồng, tăng 13,9% so với cuối năm 2024.

- Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đặt ra giải pháp mở rộng cơ sở nhà đầu tư, đa dạng hóa các loại hình quỹ đầu tư. Để thực hiện các mục tiêu trên, cần thiết phát triển hệ thống quỹ hưu trí vừa góp phần bổ sung chế độ an sinh cho người tham gia, vừa hỗ trợ thúc đẩy phát triển thị trường vốn.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Tạo khuôn khổ pháp lý triển khai hiệu quả, bền vững chính sách bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Luật BHXH năm 2024 nhằm đa dạng hóa các chương trình an sinh xã hội, giảm gánh nặng của ngân sách nhà nước cho công tác an sinh xã hội, chủ động bổ sung chính sách chuẩn bị cho thực trạng già hóa dân số tại Việt Nam. Công khai, minh bạch chủ trương chính sách của Nhà nước để thu hút sự tham gia của đông đảo người lao động, người sử dụng lao động. Hỗ trợ phát triển thị trường vốn, thị trường trái phiếu thông qua việc củng cố cơ sở nhà đầu tư vốn dài hạn.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định gồm 5 chương và 45 điều và 04 Phụ lục.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật BHXH: là chế độ BHXH mang tính chất tự nguyện theo nguyên tắc thị trường nhằm bổ sung cho chế độ hưu trí trong BHXH bắt buộc, có cơ chế tạo lập quỹ từ đóng góp của người sử dụng lao

động hoặc của người sử dụng lao động và người lao động. Nghị định không điều chỉnh chế độ hưu trí trong BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện; không điều chỉnh hoạt động cung cấp sản phẩm bảo hiểm hưu trí của các doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm; không điều chỉnh hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo pháp luật chứng khoán.

- Đối tượng áp dụng và đối tượng bị xử phạt

Người lao động, người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung; các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.

- Nội dung cơ bản của Nghị định

Thứ nhất, về đối tượng tham gia và phương thức tham gia: Căn cứ quy định tại Luật BHXH năm 2024, việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung của người lao động phải thông qua doanh nghiệp sử dụng lao động, không còn đối tượng cá nhân không có hợp đồng lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

Thứ hai, về quy trình tham gia:

- Để đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, người sử dụng lao động xây dựng văn bản thỏa thuận và thông báo, lấy ý kiến người lao động về việc tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung. Sau khi thống nhất, người sử dụng lao động ký văn bản thỏa thuận về việc tham gia chương trình với từng người lao động hoặc ký với Chủ tịch Công đoàn sau khi lấy ý kiến tập thể người lao động.

- Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xây dựng chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, điều lệ quỹ với các nội dung cơ bản về quỹ hưu trí, quyền và lợi ích của các bên tham gia, việc đóng góp và chi trả từ quỹ hưu trí... và công bố công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ.

- Người sử dụng lao động ký hợp đồng tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí mở tài khoản hưu trí cá nhân cho người lao động.

- Căn cứ vào chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký và văn bản thỏa thuận với người lao động, người sử dụng lao động đóng phần đóng góp của người sử dụng lao động (nếu có) và phần người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ (nếu có) vào quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và thông báo cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí về số tiền đóng cho từng người lao động theo quy định.

Thứ ba, về doanh nghiệp quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung: Kế thừa quy

định hiện hành, dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và cần đáp ứng các điều kiện về (i) loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp bảo hiểm, công ty quản lý quỹ), (ii) năng lực tài chính (công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải đang quản lý tổng giá trị tài sản tối thiểu là 1.000 tỷ đồng); (iii) năng lực quản trị (doanh nghiệp bảo hiểm phải là doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí và thực hiện quản lý quỹ hưu trí theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm và đang hoạt động quản lý tối thiểu 02 quỹ đại chúng, trong đó có tối thiểu 01 quỹ trái phiếu; doanh nghiệp có dự thảo điều lệ các quỹ hưu trí dự kiến triển khai và phương án kinh doanh) và (iv) năng lực nhân sự (tối thiểu 05 người lao động có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc quản lý quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm; trong đó có tối thiểu 03 nhân sự có các chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc các chứng chỉ phân tích tài chính quốc tế).

Thứ tư, về cơ chế vận hành, quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung: Tương tự cơ chế triển khai hiện nay, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phối hợp cùng ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký, tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và các tổ chức cung cấp dịch vụ khác. Trong đó, (i) tổ chức lưu ký có trách nhiệm lưu ký tài sản của quỹ hưu trí, phản ánh đúng, đầy đủ và kịp thời hoạt động thu, chi, thanh toán, chuyển giao tiền, chứng khoán của quỹ và thực hiện đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ hưu trí; (ii) ngân hàng giám sát thực hiện giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật khi vận hành quỹ hưu trí, bao gồm hoạt động đầu tư, các giao dịch của quỹ hưu trí và tài khoản hưu trí cá nhân, việc tính toán xác định giá tài sản ròng của quỹ hưu trí, và việc tính toán, xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân; (iii) tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân (hiện nay Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đang cung cấp dịch vụ này) thực hiện ghi nhận đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động, hạch toán kết quả đầu tư sau khi trừ đi chi phí quản lý và chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung theo từng tài khoản hưu trí cá nhân.

Các tổ chức này phải đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ, có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và phải bồi thường cho người tham gia khi có vi phạm. Chi phí quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả cho doanh nghiệp quản lý quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ được trích từ tài khoản hưu trí cá nhân.

Thứ năm, về các danh mục đầu tư và hạn mức đầu tư của quỹ hưu trí: Căn cứ

định hướng chung về phát triển hệ thống quỹ, nâng cao hiệu quả đầu tư của quỹ hưu trí, Nghị định số 85/2026/NĐ-CP đã: (i) cho phép đầu tư vào chứng khoán niêm yết; (ii) cân đối giảm yêu cầu về tỷ trọng tối thiểu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ (xuống còn 40% tổng giá trị tài sản ròng của quỹ đối với quỹ có giá trị tài sản ròng từ 05 tỷ đồng trở lên). Đồng thời, bổ sung các biện pháp tăng cường quản lý rủi ro, đảm bảo quyền lợi của người tham gia quỹ như: (i) mức đầu tư tối đa vào chứng khoán niêm yết (cổ phiếu, trái phiếu) và chứng chỉ quỹ (tương tự như quỹ mở); (ii) hạn mức đầu tư vào chứng khoán của 1 tổ chức phát hành (chặt hơn quỹ mở); (iii) bổ sung các tiêu chí cơ bản đối với từng nhóm tài sản đầu tư của quỹ hưu trí; căn cứ các tiêu chí này, tùy thuộc vào mục tiêu đầu tư của quỹ hưu trí, doanh nghiệp quản lý quỹ xây dựng, ban hành tiêu chí lựa chọn tài sản cụ thể để thực hiện đầu tư theo đúng Điều lệ quỹ.

Thứ sáu, về chi trả từ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung: Nguyên tắc chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân được kế thừa từ quy định hiện hành. Theo nguyên tắc thị trường, số tiền chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung dựa trên số dư tài khoản hưu trí cá nhân tại thời điểm chi trả. Nhà nước không đảm bảo về số tiền chi trả. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí chi trả cho người tham gia căn cứ hợp đồng và văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động. Trường hợp người lao động chưa đáp ứng điều kiện nhận chi trả, người sử dụng lao động được nhận hoàn trả phần đóng góp của người sử dụng lao động, bao gồm kết quả đầu tư và chi phí hoạt động đã phân bổ.

Trong trường hợp nhận chi trả trước tuổi nghỉ hưu, để vừa đáp ứng nhu cầu của người tham gia, vừa khuyến khích duy trì tài khoản hưu trí đến tuổi nghỉ hưu, Nghị định số 85/2026/NĐ-CP đã quy định các trường hợp được nhận chi trả trước tuổi nghỉ hưu do yếu tố khách quan, bất khả kháng, tương tự các trường hợp chi trả bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật BHXH; ngoài các trường hợp này, quỹ hưu trí được thu phí chi trả đột xuất, tối đa bằng 5% giá trị nhận chi trả để gia tăng giá trị tài sản của quỹ và chi trả cho những người tham gia còn lại.

Thứ bảy, về cơ chế quản lý giám sát: Cơ chế quản lý giám sát được thiết kế bao gồm cơ chế tiền kiểm thông qua hoạt động cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và cơ chế hậu kiểm thông qua chế độ báo cáo, công bố thông tin và kiểm tra trực tiếp. Theo đó, doanh nghiệp có trách nhiệm công bố thông tin về vi phạm trong các lĩnh vực quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt.

Đối với hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các bộ, ngành kiểm tra, giám sát, đánh giá chính sách bảo hiểm hưu trí bổ sung; trong đó công tác kiểm tra được thực hiện định kỳ 02 năm một lần hoặc kiểm tra đột xuất để đánh giá về việc tuân thủ quy định và việc duy trì đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ. Về chế tài xử lý vi phạm, ngoài việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ, trong vòng 3 năm sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận, doanh nghiệp quản lý quỹ không được nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận; hoặc phải tạm dừng thành lập quỹ mới trong 02 năm và công bố thông tin công khai khi có vi phạm trong triển khai quỹ hưu trí theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

**XVIII. Nghị định số 86/2026/NĐ-CP ngày 27/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/5/2026.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị*

- Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, có đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm: “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán*” (mục 2 Phần III); “*tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững*” (Mục 3 Phần IV).

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII có nhiệm vụ, giải pháp: “*Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển*”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đặt ra yêu cầu cần đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp; thực hiện cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ, điều kiện kinh doanh.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra nhiệm vụ, giải pháp “*Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp, triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục bất hợp lý, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ổn định...*”.

- Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL, Chính phủ ban hành Nghị định để quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Hiến pháp, Luật; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách... và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ.

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030 có định hướng về: “*Hoàn thiện khung pháp lý đối với lĩnh vực xổ số và trò chơi có thưởng; từng bước tái cơ cấu thị trường theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế...*”.

#### *Cơ sở thực tiễn*

Năm 2013, trên cơ sở chủ trương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 và Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018) quy định về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (gọi tắt là TCĐTCT).

Năm 2021, trên cơ sở rà soát, đánh giá lại thị trường và rà soát với hệ thống pháp luật đã được Quốc hội điều chỉnh, bổ sung, Bộ Tài chính đã phối hợp các bộ, ngành trình Chính phủ ban hành Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 (gọi tắt là Nghị định số 121/2021/NĐ-CP) thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP. Đến nay, qua quá trình triển khai thi hành và công tác quản lý, kiểm tra thực tế, một số nội dung về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (gọi tắt là Giấy chứng nhận ĐĐKKD), về tổ chức kinh doanh, về thanh kiểm tra... cần được tiếp tục rà soát, hoàn thiện nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo thực hiện đúng chủ trương của Bộ Chính trị, Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hoá các điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính nhằm tạo môi trường kinh doanh công khai, minh bạch, hiệu quả; đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP là cần thiết và có cơ sở pháp lý và đã phù hợp, thể chế hóa đúng và đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

- Tiếp tục hoàn thiện quy định về việc tổ chức kinh doanh và quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh TCĐTCT, rà soát, cắt giảm đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, tạo lập môi trường kinh doanh công khai, minh bạch, rõ ràng, thuận lợi trong áp dụng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về kinh doanh TCĐTCT đảm bảo đầy đủ, toàn diện, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và mục tiêu quản lý nhà nước.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

*Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng*

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP.

*Bố cục của Nghị định*

Nghị định gồm 23 Điều và 02 Phụ lục, gồm: Điều 1 đến Điều 22 về sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP; Điều 23 về điều khoản thi hành.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

3.2.1. Nhóm chính sách sửa đổi, bổ sung về cấp phép kinh doanh

*Về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh*

- Về điều kiện cơ sở lưu trú du lịch:

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP theo hướng chỉ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho các doanh nghiệp có cơ sở lưu trú 5 sao tại các địa điểm cố định, không cấp phép cho các loại hình cơ sở lưu trú du lịch có thể di động (khách sạn nổi và tàu thủy lưu trú du lịch).

- Về điều kiện tài chính:

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP sửa đổi điều kiện về tài chính theo hướng:

doanh nghiệp phải có đồng thời vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu tối thiểu là 500 tỷ đồng; trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp phép tại nhiều cơ sở lưu trú du lịch thì khi thêm 01 Giấy chứng nhận ĐĐKKD, vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu đồng thời tăng thêm tối thiểu 500 tỷ đồng.

*Về gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TCDTCT*

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điều kiện gia hạn Giấy chứng nhận ĐĐKKD theo hướng doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm hành chính tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận ĐĐKKD từ 02 lần trở lên trong 10 năm (thời hạn của Giấy chứng nhận ĐĐKKD) trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn. Đồng thời bổ sung quy định và điều kiện để cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển tiếp (doanh nghiệp được phép kinh doanh TCDTCT trước khi Nghị định số 121/2021/NĐ-CP có hiệu lực) tương tự để đảm bảo đồng bộ, tăng tính nghiêm minh pháp luật, doanh nghiệp chấp hành, tuân thủ quy định pháp luật mới được cấp phép kinh doanh.

*Về thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chấm dứt hoạt động kinh doanh*

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP bổ sung quy định về chấm dứt hoạt động kinh doanh TCDTCT đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển tiếp tương tự như quy định về thu hồi Giấy chứng nhận ĐĐKKD đã được quy định tại Nghị định số 121/2021/NĐ-CP.

*Nhóm chính sách sửa đổi, bổ sung liên quan các nội dung về tổ chức kinh doanh TCDTCT:*

- Bổ sung quy định về “đình chỉ hoạt động kinh doanh TCDTCT có thời hạn”

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP bổ sung các nội dung liên quan đến đình chỉ hoạt động kinh doanh TCDTCT có thời hạn tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 6, điểm d khoản 2 Điều 26 và khoản 4 Điều 42 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP để đồng bộ cùng pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về quản lý đối tượng được phép ra, vào Điểm kinh doanh

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP bổ sung quy định phải theo dõi số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh tại điểm b khoản 6 Điều 11 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP để đầy đủ thông tin trong quản lý đối tượng được phép ra, vào Điểm kinh doanh.

- Về tái xuất, tiêu hủy máy TCDTCT

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định về tái xuất, tiêu hủy máy TCĐTCT tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP đối với các trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKK/chấm dứt hoạt động kinh doanh, hết thời hạn kinh doanh TCĐTCT....

- Về xử lý tranh chấp trong Điều kiện kinh doanh

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP bổ sung quy định doanh nghiệp phải xây dựng Quy chế giải quyết tranh chấp và công bố công khai đến người chơi; Bổ sung quy định doanh nghiệp có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp, khiếu nại theo đúng Quy chế giải quyết tranh chấp; Sửa đổi thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐKKK phải có dự thảo Quy chế giải quyết tranh chấp.

- Về máy trò chơi điện tử có thưởng

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP sửa đổi Phụ lục I của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP về danh mục, chủng loại máy được phép kinh doanh theo hướng xác định số lượng máy dành cho nhiều người chơi không vượt quá 15% số máy được phép kinh doanh.

*Nhóm chính sách về quản lý nhà nước, kiểm tra chuyên ngành, thanh tra*

Nghị định số 86/2026/NĐ-CP điều chỉnh trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với hoạt động kinh doanh TCĐTCT đồng bộ với chức năng, nhiệm vụ sau sắp xếp tại khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 5 Điều 14, Điều 39, Điều 40 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP.

*Về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh và TTHC*

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng cho doanh nghiệp và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, Nghị định số 86/2026/NĐ-CP:

*Về điều kiện kinh doanh:*

- Cắt giảm 01 điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐKKK: Doanh nghiệp phải đăng ký kinh doanh ngành, nghề kinh TCĐTCT trước khi cấp Giấy chứng nhận ĐKKK (khoản 1 Điều 20). Sau khi được cấp Giấy chứng nhận ĐKKK, doanh nghiệp thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật ngành nghề theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

- Cắt giảm 02 điều kiện, quy định liên quan đến Điểm kinh doanh (khoản 2 Điều 5): (1) Điểm kinh doanh phải tuân thủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định pháp luật về an ninh trật tự. Do tại pháp luật về an ninh trật tự đã quy định kinh doanh TCĐTCT là ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ theo pháp luật về an ninh, trật tự; (2) Bộ quy định phải niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào bằng tiếng Việt, tiếng Anh ở cửa ra, vào Điểm kinh doanh để doanh nghiệp chủ động và tự chịu trách nhiệm phổ biến cho khách hàng bằng hình thức phù hợp.

*Về thành phần hồ sơ:*

Tương ứng với việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh nêu trên, Nghị định số 86/2026/NĐ-CP cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ như sau:

- Cắt giảm Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự tại hồ sơ cấp/gia hạn Giấy chứng nhận ĐĐKKD (khoản 7 Điều 21, khoản 3 Điều 26);

- Cắt giảm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp tại hồ sơ cấp/cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận ĐĐKKD (khoản 2 Điều 21, khoản 2 và khoản 3 Điều 24, điểm b khoản 2 Điều 25, điểm b khoản 3 Điều 26), Bộ Tài chính sẽ khai thác thông tin tại hệ thống đăng ký đầu tư và đăng ký kinh doanh.

- Cắt giảm, đơn giản hóa, hoàn thiện thành phần hồ sơ phương án kinh doanh (nội dung về dự kiến nhu cầu thu, chi ngoại tệ) tại hồ sơ cấp/gia hạn Giấy chứng nhận ĐĐKKD (khoản 9, 10 Điều 21, điểm b khoản 3 Điều 26).

*Về quy trình thực hiện thủ tục hành chính:*

- Giảm số lượng hồ sơ doanh nghiệp phải nộp (từ 06 bộ xuống 01 bộ) để đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí cho doanh nghiệp. Bộ Tài chính sẽ triển khai phối hợp các bộ, ngành thẩm định qua hệ thống văn bản điện tử.

- Bộ quy định Bộ Tài chính phối hợp các bộ, ngành kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp trước khi cấp/gia hạn Giấy chứng nhận ĐĐKKD (điểm c khoản 3 Điều 22 và khoản 4 Điều 26). Việc cấp/gia hạn Giấy chứng nhận ĐĐKKD sẽ căn cứ trên hồ sơ, tài liệu, báo cáo của doanh nghiệp. Bổ sung quy định hậu kiểm của UBND cấp tỉnh trong việc kiểm tra việc đảm bảo điều kiện kinh doanh trong vòng 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.

**XIX. Nghị định số 87/2026/NĐ-CP ngày 27/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2026.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

Các văn bản chỉ đạo của Đảng

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” đã xác định mục tiêu tổng quát “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân”.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới với mục tiêu: hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiếp tục cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, đi đôi với nâng cao hiệu lực thực thi ...

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "chính quyền địa phương 2 cấp" dẫn đến thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc đơn vị hành chính cấp huyện không còn.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu “đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó đặt ra nhiệm vụ “đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp

luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó nhấn mạnh “*Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân*”; “*...hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định...*”; “*Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật.*”.

Các VBQPPL của Quốc hội, Chính phủ mới ban hành dẫn đến sự thay đổi về thẩm quyền phạt vi phạm hành chính:

- Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước có quy định nội dung về việc rà soát, xử lý văn bản liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, "Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành VBQPPL theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức, bộ máy, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027."

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thanh tra, các Nghị quyết về thay đổi bộ máy của trung ương (thu gọn và sáp nhập các bộ), tại địa phương (quy định chính quyền 02 cấp).

- Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ dẫn đến sự thay đổi thẩm quyền xử phạt của các chức danh có trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo như thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Quản lý thị trường, Hải quan, Thanh tra,... đồng thời bổ sung chức danh mới có thẩm quyền xử phạt

như Thủ trưởng cơ quan tham mưu quản lý nhà nước có chức năng kiểm theo chuyên ngành thuộc Bộ.

Các văn bản pháp luật chuyên ngành thuộc lĩnh vực văn hóa và quảng cáo có sự thay đổi:

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 và các văn bản quy định chi tiết thi hành làm thay đổi cơ bản các nội dung về di sản văn hóa (phạm vi điều chỉnh, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, các hành vi bị cấm,...). Do vậy, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật có nhiều thay đổi về khái niệm quảng cáo, quyền và nghĩa vụ của người chuyên tải sản phẩm quảng cáo, người chuyển tải sản phẩm quảng cáo có tầm ảnh hưởng; nội dung quảng cáo sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đặc biệt; quảng cáo trên báo in, quảng cáo trên báo nói, báo hình; quảng cáo trên mạng; quảng cáo trên màn hình có kết nối mạng internet, quảng cáo trên đài truyền thanh cấp xã, ...

#### *Cơ sở thực tiễn*

Qua theo dõi thi hành pháp luật, thông tin do các địa phương cung cấp, Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP và Nghị định số 128/2022/NĐ-CP (Nghị định số 38/2021/NĐ-CP) triển khai trên thực tế gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

Thứ nhất, về hành vi vi phạm hành chính cần rà soát để bảo đảm phù hợp với pháp luật về nội dung, cụ thể:

- Hành vi về hoạt động nghệ thuật biểu diễn cần chỉnh sửa nội dung của một số hành vi bảo đảm dễ hiểu và dễ áp dụng như hành vi “*Thực hiện không đúng thông báo*” với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị; phục vụ nội bộ cơ quan và tổ chức, các cuộc thi người mẫu, hoa hậu,...; mặt khác, trên thực tế có vi phạm xảy ra nhưng không có 4 hành vi quy định, chế tài để áp dụng dẫn đến sai phạm không bị xử lý làm giảm hiệu lực, hiệu quả của hoạt động cơ quan quản lý nhà nước và sự coi thường pháp luật của các tổ chức, cá nhân như sai phạm tiếp tục biểu diễn, tổ chức biểu diễn trong thời gian bị đình chỉ bắt chấp quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Một số hành vi quy định cứng về thời gian không được tổ chức các hoạt động văn hóa như karaoke, vũ trường, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, trò chơi điện

tử, đòi hỏi phải chỉnh sửa để bảo đảm sự linh hoạt cho các địa phương có tổ chức hoạt động kinh tế đêm.

Thứ hai, về mức phạt tiền, một số hành vi quy định tại Nghị định số 38/2021/NĐ-CP có mức phạt chưa đủ sức răn đe nên tổ chức, cá nhân vi phạm nhiều lần hoặc tiếp tục thực hiện những hành vi vi phạm khác trong thời gian bị đình chỉ hoạt động như hành vi trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, karaoke, quảng cáo, đồng thời cũng cần chỉnh sửa hành vi đồng thời cho áp dụng cả phạt cảnh cáo và phạt tiền bảo đảm quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và không để người có thẩm quyền xử phạt khó lựa chọn áp dụng dẫn đến tùy tiện trong áp dụng pháp luật và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Thứ ba, về hình thức xử phạt bổ sung: cần rà soát một số hành vi để bổ sung hình thức xử phạt bổ sung bảo đảm khắc phục được hoàn toàn hậu quả của những sai phạm như trong lĩnh vực điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, karaoke, tổ chức lễ hội, quảng cáo. Đồng thời xác định lại và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đã được quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Thứ tư, về biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm, hiện tại rất khó áp dụng trên thực tế do Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng như Nghị định số 38/2021/NĐ-CP chưa quy định cách thức tính như thế nào, do vậy trên thực tế khi áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả này còn khá lúng túng.

Như vậy, với cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị định là cần thiết để giải quyết bất cập, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho hoạt động xử lý vi phạm hành chính trên thực tế, đáp ứng yêu cầu cải cách trong giai đoạn mới và góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

- Thể chế hóa kịp thời, toàn diện chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nội dung chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương, Ban chỉ đạo của Chính phủ và các cơ quan về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

- Hoàn thiện quy định của pháp luật ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói chung; bảo đảm quy định chi tiết Luật Di sản văn hóa năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo năm 2025, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định về tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan

đền các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

- Đáp ứng nhu cầu phát triển của công nghiệp văn hóa, công nghệ số 4.0 và những thay đổi của xã hội góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về văn hóa và quảng cáo nói chung.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

*Phạm vi điều chỉnh:* Nghị định quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

*Đối tượng áp dụng:* Tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo ở Việt Nam và ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

#### *Bố cục của Nghị định*

Nghị định gồm 05 chương và 95 Điều, được bố cục như sau:

- Chương I gồm 10 Điều (từ Điều 1 đến Điều 10) quy định những vấn đề chung của Nghị định.

- Chương II gồm 38 Điều, kết cấu thành 07 mục quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực văn hóa.

- Chương III gồm 33 Điều, kết cấu thành 04 mục quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quảng cáo.

- Chương IV gồm 11 Điều (từ Điều 82 đến Điều 92) quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

- Chương V gồm 03 Điều (từ Điều 93 đến Điều 95) quy định về hiệu lực thi hành, quy định chuyển tiếp và trách nhiệm hướng dẫn thi hành.

#### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

*Về mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*

- Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức. Nghị định cũng quy định cụ thể mức phạt tiền của các hành vi vi phạm hành chính áp dụng đối với cá nhân và áp dụng đối với tổ chức. Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần đối với cá nhân. Đồng thời Nghị định quy định tăng mức phạt tiền của một số hành vi trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật, kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, lễ hội, dịch vụ văn hóa công cộng, trò chơi điện tử không kết nối mạng, quảng cáo. Đặc biệt tăng mức phạt tiền của hành vi quảng cáo không đúng sự thật hoặc gây nhầm lẫn về khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; về số lượng, chất lượng, giá, công dụng, kiểu dáng, bao bì, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại, phương thức phục vụ, thời hạn bảo hành của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký hoặc đã được công bố nhằm tăng bảo đảm tính răn đe trên thực tế. Quy định khung phạt tiền đến mức tối đa đối với hành vi vi phạm các quy định về nghĩa vụ của người có ảnh hưởng theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động quảng cáo.

- Thẩm quyền phạt tiền quy định tại Nghị định là thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân.

- Trên cơ sở quy định của các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thanh tra, các Nghị quyết về thay đổi bộ máy của trung ương (thu gọn và sáp nhập các Bộ), tại địa phương (quy định chính quyền 2 cấp), các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP quy định cụ thể về thẩm quyền phạt tiền; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể chức danh có thẩm quyền xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh có thẩm quyền xử phạt thuộc các lực lượng:

+ Kế thừa quy định tại Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, Nghị định quy định chức danh có thẩm quyền xử phạt của: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Công an nhân dân, Quản lý thị trường, Hải quan, Cảnh sát biển, Bộ đội biên phòng.

+ Bổ sung các chức danh mới là Thủ trưởng các tổ chức thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bao gồm: Cục trưởng các Cục: Điện ảnh; Di sản văn hóa; Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; Nghệ thuật biểu diễn, Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện và Chánh Văn phòng Bộ; bổ sung chức danh là Giám đốc các sở chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Công Thương, Xây dựng); bổ sung Trưởng đoàn kiểm tra thuộc Bộ và Trưởng đoàn kiểm tra do các Cục chuyên môn thành lập; Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy, Cảng vụ hàng không và Thanh tra Hàng hải Việt Nam.

Đồng thời, Nghị định cũng quy định thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và phân định thẩm quyền đối với từng lực lượng có thẩm quyền xử phạt bảo đảm các vi phạm hành chính phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh và hiệu quả không làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý hành chính nhà nước.

#### *Về hình thức xử phạt*

Về cơ bản, Nghị định kế thừa các quy định hiện hành quy định các hình thức xử phạt chính bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn; các hình thức xử phạt bổ sung bao gồm: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đình chỉ hoạt động có thời hạn; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn.

#### *Về hành vi vi phạm hành chính*

Trên cơ sở quy định của pháp luật nội dung về văn hóa và quảng cáo (những hành vi bị cấm, bị nghiêm cấm, nghĩa vụ, trách nhiệm của các đối tượng bị điều chỉnh, điều kiện kinh doanh, điều kiện tổ chức,...) và kế thừa những hành vi vi phạm hành chính còn phù hợp do không có sự thay đổi về pháp luật nội dung và không có bất cập trong quá trình thực hiện, Nghị định đã quy định những hành vi và khung tiền phạt cụ thể bảo đảm các quy định của pháp luật nội dung khi không được thực hiện có các chế tài áp dụng nhằm khôi phục lại các trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực văn hóa và 9 quảng cáo. Cụ thể các hành vi vi phạm hành chính tại chương II và chương III Nghị định:

- Hành vi vi phạm hành chính về điện ảnh, lễ hội; kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, thư viện, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, trò chơi điện tử không kết nối mạng: kế thừa các hành vi vi phạm hành chính tại Nghị định số 38/2021/NĐ-CP đã được xây dựng trên cơ sở Luật Điện ảnh năm 2022.

- Hành vi vi phạm về nghệ thuật biểu diễn: Về cơ bản hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn được kế thừa những hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định số 38/2021/NĐ-CP. Dự thảo Nghị định bổ sung hành vi vi phạm bảo đảm giải quyết vướng mắc trên thực tế, cụ thể: *“Biểu diễn nghệ thuật hoặc tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong thời gian bị đình chỉ hoạt động biểu diễn nghệ thuật”*, chỉnh sửa một số hành vi bảo đảm sát với pháp luật về nội dung và phù hợp hơn với kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ quy phạm như hành vi *“Thực hiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị; phục vụ nội bộ cơ quan và tổ chức không đúng nội dung thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định”*, hành vi *“Thực hiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí, nhà hàng không bán vé xem biểu diễn nghệ thuật không đúng nội dung thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.”*

- Hành vi vi phạm về di sản văn hóa: trên cơ sở quy định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản quy định chi tiết, dự thảo Nghị định đã quy định các hành vi vi phạm hành chính bảo đảm các quy định của pháp luật nội dung, bao gồm các hành vi bị nghiêm cấm, nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam, xếp hạng, di tích, di sản thế giới; sửa chữa, cải tạo, đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc khu vực bảo vệ di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích; thăm dò, khai quật khảo cổ; kinh doanh giám định di vật, cổ vật; kinh doanh di vật, cổ vật, dịch vụ bảo tàng; các loại chứng chỉ hành nghề giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề.

- Hành vi vi phạm về quảng cáo: Kế thừa các hành vi vi phạm hiện hành và chỉnh sửa, bổ sung các hành vi vi phạm theo nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo, quy định hành vi vi phạm nghĩa vụ đối với người có tầm ảnh hưởng theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; quy định hành vi vi phạm về sử dụng từ ngữ bằng tiếng Việt trong sản phẩm quảng cáo phải bảo đảm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và phải thể hiện nội dung chính xác cần truyền đạt; quy định hành vi về nội dung quảng cáo; quy định hành vi quảng cáo trên mạng; chỉnh sửa các quy định hành vi về quảng cáo trên báo hình, báo in, loa phóng thanh, bản ghi âm, ghi hình, quảng cáo trong phim; quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt...

Đồng thời, chỉnh sửa hành vi vi phạm về quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo, trong đó cấm quảng cáo vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; các loại sản phẩm, hàng hóa có tính chất kích động bạo lực bảo đảm phù hợp với quy định

của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

*Về biện pháp khắc phục hậu quả*

Nghị định quy định kế thừa các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, đồng thời rà soát, chỉnh sửa một số biện pháp khắc phục hậu quả bảo đảm phù hợp với các biện pháp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**XX. Nghị định số 89/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

- Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

- Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Thực hiện Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng trong đó có Nghị định số 166/2024/NĐ-CP.

- Cụ thể hóa quy định của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15).

*Cơ sở thực tiễn*

Ngày 26/12/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 166/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới, có hiệu lực từ 01/01/2025, qua hơn một năm triển khai thực hiện, về cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, góp phần huy động các nguồn lực của xã hội tham gia vào hoạt động kinh doanh kiểm định xe cơ giới, đáp ứng nhu cầu kiểm định của người dân và doanh nghiệp; tuy nhiên, trong thực tế triển khai, thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập, cùng với việc Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15 ngày 10/12/2025 nên đã phát sinh một số tình huống cần phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định cụ thể như sau:

- Giảm điều kiện về diện tích tối thiểu là 15m<sup>2</sup> tương ứng với 01 phương tiện đo khí thải xuống 10m<sup>2</sup> để tạo điều kiện khuyến khích cho tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và tạo điều kiện cho các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe mô tô, xe gắn máy quy mô nhỏ cũng có thể gia nhập cung cấp dịch vụ. Đồng thời, qua khảo sát tại các cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, không gian 10m<sup>2</sup> là hoàn toàn đủ để bố trí 01 xe máy, 01 thiết bị đo và đảm bảo không gian thao tác an toàn, thuận tiện cho kỹ thuật viên mà không gây cản trở cho các hoạt động xung quanh (thực hiện Nghị quyết số 68- NQ/TW);

- Bỏ quy định về cơ sở kiểm định khí thải lưu động phải trang bị ô tô chuyên dùng (chuyên thành trường hợp kiểm định khí thải ngoài cơ sở đăng kiểm) để tương đồng với việc kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng ngoài cơ sở đăng kiểm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Qua khảo sát cho thấy việc kiểm định khí thải ngoài cơ sở chỉ cần thực hiện chuyên chở các trang thiết bị phục vụ kiểm định khí thải đến các địa điểm kiểm tra là có thể thực hiện được việc kiểm tra khí thải cho xe mô tô, xe gắn máy mà không nhất thiết phải trang bị xe ô tô chuyên dùng để phục vụ chuyên chở, qua đó tiết kiệm được rất nhiều chi phí đầu tư cho cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW);

- Bỏ quy định về việc cấp phôi Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định tại dự thảo Nghị định, đồng thời đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư số 47/2024/TT- BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) đồng bộ theo hướng, khi phương tiện tham gia giao thông đường bộ kiểm định đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định điện tử và tem kiểm định (việc cấp tem kiểm định chỉ thực hiện đến hết ngày 31/12/2026, sau thời gian này phương tiện kiểm định đạt yêu cầu sẽ chỉ cần cấp giấy chứng nhận kiểm định bản điện tử) để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW bằng việc ứng dụng công

nghệ thông tin, số hóa giấy chứng nhận kiểm định giúp cho dữ liệu của kiểm định phương tiện đáp ứng được yêu cầu “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất và dùng chung*”, đồng thời giúp giảm chi phí in ấn chỉ cho Cơ sở đăng kiểm, loại bỏ nguy cơ bị mất, hỏng Giấy chứng nhận kiểm định và thuận tiện cho công tác quản lý cũng như công tác tuần tra, kiểm soát (ứng dụng dữ liệu số và camera AI);

- Cắt giảm Thủ tục hành chính về cấp phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh liên quan đến nhân viên nghiệp vụ tại Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới và cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW);

- Bổ sung dây chuyền kiểm định loại tổng hợp cho phù hợp với thực tế đã có từ trước;

- Bổ quy định về trách nhiệm của Sở Xây dựng, Cục ĐKVN để đảm bảo phù hợp với việc phân cấp của Chính phủ (chỉ giao thẩm quyền đến Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

- Bổ quy định về điều kiện trình độ chuyên môn của đăng kiểm viên tại Nghị định này và đưa vào Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây; Bổ quy định về hệ thống quản lý chất lượng tại Nghị định số 166/2024/NĐ-CP và chuyển về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm để phù hợp với định nghĩa Cơ sở đăng kiểm tại Luật số 118/2025/QH15 nêu trên, đồng thời cũng để phù hợp với Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, đảm bảo cho Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc đánh giá Cơ sở đăng kiểm đã được quy định tại Nghị định số 166/2004/NĐ-CP, bổ sung các quy định liên quan đến chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo. Căn cứ các cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định để thay thế cho Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ là cần thiết.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

- Tuân thủ, cụ thể hóa quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự, trong đó có Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

- Tuân thủ thực hiện Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Kế thừa các quy định hiện hành đã được thực hiện ổn định, phù hợp về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong thời gian qua;

- Đảm bảo tính hợp lý, thống nhất giữa các điều khoản của Nghị định, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi trong thực hiện.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định gồm 06 Chương, 27 Điều và 05 Phụ lục, bao gồm:

Chương I. Quy định chung;

Chương II. Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

Mục 1. Điều kiện đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;

Mục 2. Điều kiện đối với cơ sở kiểm định khí thải;

Chương III. Tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm;

Chương IV. Niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

Chương V. Tổ chức thực hiện;

Chương VI. Điều khoản thi hành.

#### *Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm và niên hạn sử dụng của xe cơ giới theo quy định tại Điều 40, khoản 1 Điều 43 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15.

#### *Đối tượng áp dụng*

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến: Hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; Quản lý, sử dụng xe cơ giới có quy định về niên hạn sử dụng.

Nghị định này không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động: kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; chứng nhận cải tạo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

#### *Nội dung sửa đổi, bổ sung*

- Bổ sung quy định chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo do đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm thực hiện và được cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận để phù hợp với quy định tại Luật số 118/2025/QH15;

- Bổ sung quy định giấy chứng nhận kiểm định được cấp dưới dạng bản điện tử để phù hợp với yêu cầu tại Nghị định số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về chỉ tiêu 100% TTHC được cấp kết quả điện tử; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Bổ sung quy định việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy ngoài cơ sở đăng kiểm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng để tương đồng với việc kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng ngoài cơ sở đăng kiểm và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp;

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp từ chối kiểm định (dẫn chiếu đến Luật TTATGTĐB, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15) để đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với quy định của Luật Ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15;

- Bổ sung trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận cải tạo không có giá trị khi được cấp không đúng quy định của pháp luật;

- Sửa đổi quy định về dây chuyền kiểm định loại tổng hợp để đảm bảo phù hợp đúng với thực tế về các loại dây chuyền đang được lắp đặt tại các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;

- Bổ sung quy định cơ sở đăng kiểm phải thực hiện việc vận hành thử toàn bộ hệ thống kiểm định của cơ sở đăng kiểm đảm bảo thực hiện hoạt động kiểm định được thông suốt và không xảy ra sự cố trước khi đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định. Qua đây cũng góp phần nâng cao và đảm bảo chất lượng kiểm định của cơ sở đăng kiểm khi mới bắt đầu hoạt động.

- Bổ sung quy định về hệ thống cơ sở dữ liệu đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng để tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyên đổi số trong hoạt động đăng kiểm; đồng thời để triển khai việc xây dựng, quản lý, chia sẻ, cấp quyền khai thác cơ sở dữ liệu về đăng kiểm.

- Bổ sung quy định về tạm đình chỉ hoạt động kiểm định của cơ sở kiểm định đối với trường hợp “*Ép buộc chủ xe đưa xe đi sửa chữa, bảo dưỡng tại các cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa chỉ định*” nhằm bảo đảm tính độc lập, khách quan của hoạt động kiểm định; bảo vệ quyền lợi của chủ phương tiện; phòng ngừa tiêu cực, lợi ích nhóm trong hoạt động kiểm định;

- Chính sửa quy định về trách nhiệm của các cơ quan quản lý cho phù hợp quy định về phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ.

#### *Nội dung lược bỏ*

- Bỏ quy định về cấp phôi Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trên tinh thần tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia;

- Bỏ quy định về cảnh báo phương tiện để phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 7 Luật số 118/2025/QH15, thay vào đó, sẽ giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định cụ thể việc đăng tải thông tin phương tiện vi phạm và chia sẻ tới các cơ quan, đơn vị có liên quan để bảo đảm công tác quản lý và tổ chức thực hiện;

- Bãi bỏ quy định yêu cầu cơ sở đăng kiểm phải báo cáo danh sách xe hết niên hạn sử dụng để giảm thiểu các thủ tục phải thực hiện cho cơ sở đăng kiểm trên tinh thần thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

#### *Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính*

Bãi bỏ Thủ tục hành chính “cấp phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định” theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg.

#### *Nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh*

Thực hiện cắt giảm các điều kiện kinh doanh theo đúng phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg, đồng thời đã rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh trên tinh thần triển khai Nghị quyết số 66/NQ-CP, cụ thể:

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh liên quan đến nhân viên nghiệp vụ;
- Cắt giảm quy định về cơ sở kiểm định khí thải lưu động;
- Giảm điều kiện về diện tích tối thiểu đối với cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

*Nội dung phân cấp*

Phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo tại các cơ sở đăng kiểm cho địa phương.

**XXI. Nghị định số 90/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2026.

*Các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực:*

- Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Điều 2 Nghị định số 371/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về một số biện pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

*Điều khoản chuyển tiếp*

- Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế xảy ra và kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử

phạt vi phạm hành chính và các VBQPPL có liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý.

- Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử lý.

- Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính và các VBQPPL có liên quan có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để xử lý.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý, cơ sở thực tiễn*

Ngày 06/8/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1688/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó, một trong những nhiệm vụ Bộ Y tế được giao là chủ trì soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2021/NĐ-CP, thời gian trình Chính phủ trong tháng 12/2025. Tuy nhiên, sau khi thực hiện tổng kết việc thi hành Nghị định số 117/2020/NĐ-CP, Nghị định 124/2021/NĐ-CP, tổ chức xin ý kiến, phản biện xã hội và trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các đơn vị thì số điều cần phải sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 117/2020/NĐ-CP, Nghị định 124/2021/NĐ-CP là 71/117 điều. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 của Luật Ban hành VBQPPL thì ban hành VBQPPL thay thế VBQPPL hiện hành khi sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều. Do đó, Bộ Y tế đề xuất xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 117/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2021/NĐ-CP.

Sau hơn 5 năm triển khai, thi hành Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2021/NĐ-CP, trên cơ sở tổng kết, ý kiến góp ý của một số bộ ngành, địa phương, Bộ Y tế đã tiếp nhận, tổng hợp một số vướng mắc, bất cập liên quan đến Nghị định này.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn đã nêu, để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, giải quyết vấn đề mâu thuẫn, chòng chẹo, sơ hở, bất cập và vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật trong lĩnh vực y tế, việc xây dựng và ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2021/NĐ-CP là cần thiết.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

- Thê chế hóa kịp thời, toàn diện chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật bảo đảm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hệ thống pháp luật.

- Quy định chi tiết các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, bảo đảm thực hiện đồng bộ với thời điểm có hiệu lực của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Xây dựng cơ sở pháp lý cho việc xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, phù hợp với pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm xử lý triệt để các hành vi theo tính chất, mức độ vi phạm, tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn, xử lý kịp thời, đồng bộ góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về y tế.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền trong xử phạt vi phạm hành chính; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng hoạt động của lực lượng thực thi công vụ, đặc biệt để bảo đảm phù hợp với chủ trương tổ chức bộ máy quản lý nhà nước thời gian qua và trong giai đoạn sắp tới.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định được bố cục thành 04 Chương, 117 Điều

*Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

*Đối tượng áp dụng*

Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định tại Nghị định này; người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Các quy định chính, nội dung mới của quy định so với văn bản trước đó (Nghị định số 117/2020/NĐ-CP):

*Chương I. Quy định chung: Từ Điều 1 đến Điều 4; gồm các điều về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả; quy định về mức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức.*

Về cơ bản giữ nguyên quy định tại Nghị định số 117/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2021/NĐ-CP, trong đó:

- Bổ sung quy định về việc thi hành các hình thức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

- Bổ sung quy định về hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện được xác định căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

- Bổ sung quy định nguyên tắc xác định tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm được phát hiện ở cùng một thời điểm nhưng chưa bị xử lý và chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thì xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

- Bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử theo hướng dẫn chi tiết việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ và Nghị định số

120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Bỏ một số nội dung để thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và văn bản hướng dẫn (chuyển hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm); không liệt kê các biện pháp khắc phục hậu quả đã được quy định cụ thể tại Chương II của Nghị định.

*Chương II. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả: Từ Điều 5 đến Điều 102, quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả. Trong đó có sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau:*

- Sửa đổi, bổ sung một số hành vi quy định liên quan đến về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, về vệ sinh trong mai táng, hỏa táng, một số quy định lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS để bảo đảm thống nhất với quy định tại Luật phòng, chống HIV/AIDS đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống HIV/AIDS và các VBQPPL khác có liên quan.

- Sửa đổi, bổ sung một số hành vi quy định liên quan đến lĩnh vực phòng, chống tác hại của thuốc lá và phòng, chống tác hại của rượu, bia để bảo đảm phù hợp với thực tế triển khai. Đồng thời bổ sung quy định xử phạt đối với vi phạm quy định về sử dụng, chứa chấp thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng để phù hợp với Nghị quyết số 174/2025/QH15.

- Sửa đổi, bổ sung một số hành vi quy định liên quan đến lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh để bảo đảm thống nhất với quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, Nghị định số 207/2025/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn và tăng mức phạt đối với một số hành vi để bảo đảm tính răn đe.

- Sửa đổi, bổ sung một số hành vi quy định liên quan đến lĩnh vực dược, mỹ phẩm để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dược năm 2024, Nghị định số 163/2025/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn và tăng mức phạt đối với một số hành vi để bảo đảm tính răn đe. Đồng thời, dự thảo cũng bổ sung một số hành vi vi phạm liên quan đến hành vi vi phạm liên quan đến môi trường điện tử, thương mại điện tử.

- Sửa đổi, bổ sung các hành vi quy định liên quan đến lĩnh vực thiết bị y tế theo hướng tăng nặng mức phạt để bảo đảm tính răn đe và bảo đảm phù hợp với nội

dung của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Sửa đổi, bổ sung một số hành vi quy định liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm y tế để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2024, Nghị định số 188/2025/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn và bổ sung một số biện pháp khắc phục hậu quả để bảo đảm thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung một số hành vi quy định liên quan đến lĩnh vực dân số theo hướng tăng mức phạt để bảo đảm tính răn đe.

### *Chương III. Thẩm quyền xử phạt*

- Nội dung lược bỏ: Lược bỏ quy định về thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra Bộ Y tế; Chánh Thanh tra Sở Y tế. Lý do: không còn các chức danh này trong quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Nội dung sửa đổi, hoàn thiện: Chính sửa, bổ sung các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có liên quan trong lĩnh vực y tế theo chức năng nhiệm vụ được giao trên cơ sở các chức danh có thẩm quyền xử phạt được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

- Nội dung bổ sung:

+ Bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt của chức danh Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của các Bộ.

+ Bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt của chức danh Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ thành lập có thẩm quyền tương đương với Giám đốc sở (bao gồm đoàn do các Cục có tên trong Nghị định số 189/2025/NĐ-CP (trong lĩnh vực y tế là Cục Quản lý dược, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Cục Phòng bệnh, Cục Dân số) và các Cục chưa có tên trong Nghị định số 189/2025/NĐ-CP thành lập (Cục Hạ tầng và thiết bị y tế, Cục Quản lý Y, dược cổ truyền ...))

+ Bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt của chức danh Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng thành lập thì có thẩm quyền tương đương các Cục có tên trong Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, Nghị định đã rà soát toàn bộ hành vi vi phạm để tăng mức phạt đối với một số hành vi, quy định đầy đủ, chính xác hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả.

*Chương IV. Điều khoản thi hành:* Cơ bản giữ nguyên như Nghị định số 117/2020/NĐ-CP, trong đó bổ sung quy định về điều khoản chuyên tiếp.

**XXII. Nghị định số 92/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ về chế độ chính sách đặc thù đối với Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31/3/2026.
- Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

- Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo số 47-TB/TW ngày 15/11/2024 về việc xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam;
- Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;
- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;
- Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;
- Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định “các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ”;
- Nghị định số 323/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 của Chính phủ về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;
- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 18/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

*Cơ sở thực tiễn*

Trong thời gian qua, để triển khai các nhiệm vụ chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, an ninh quốc

phòng... Chính phủ đã ban hành một số Nghị định<sup>3</sup> quy định chế độ, chính sách để thu hút đối với Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng, chuyên gia, nhà khoa học, người có năng lực, có tài năng.

Việc xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam là một trong những nhiệm vụ chiến lược, đột phá để phát triển kinh tế được Bộ Chính trị, Quốc hội thống nhất triển khai. Để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược nêu trên Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam; đồng thời Hội đồng điều hành được phép thành lập Cơ quan giúp việc và Hội đồng tư vấn<sup>4</sup>. Tuy nhiên, tại các văn bản quy phạm liên quan đến Trung tâm tài chính quốc tế chưa có quy định về các chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Hội đồng điều hành, Cơ quan giúp việc và Hội đồng tư vấn. Để thực hiện chủ trương của Đảng và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thu hút, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia các nhiệm vụ quan trọng của đất nước thì việc xây dựng Nghị định về chế độ, chính sách đặc thù đối với Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính Quốc tế tại Việt Nam hiện nay là cần thiết.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Quy định về chế độ, chính sách đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao của Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và các cơ quan giúp việc Hội đồng điều hành.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

**3.1. Bố cục của Nghị định:** Nghị định gồm có 09 điều.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về chế độ, chính sách đặc thù đối với Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, người làm việc tại Cơ quan giúp việc của Hội đồng điều hành và Hội đồng tư vấn Trung tâm tài chính quốc tế.

---

<sup>3</sup> Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 103/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt; Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

<sup>4</sup> Tại Điều 9 Nghị định số 323/2025/NĐ-CP thì Hội đồng điều hành được phép thành lập Hội đồng tư vấn Trung tâm tài chính quốc tế.

Đối tượng áp dụng: (1) Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng điều hành; (2) Người làm việc tại Cơ quan giúp việc và Hội đồng tư vấn; (3) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Các quy định chính: Các quy định tại dự thảo Nghị định bám sát ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Nghị định bao gồm các nội dung mới, trong đó tập trung vào các nội dung:

(1) Nguyên tắc thực hiện

- Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với Hội đồng điều hành, Cơ quan giúp việc và Hội đồng tư vấn phải tuân thủ, chấp hành đầy đủ chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không trái với các quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Cán bộ, công chức, viên chức được điều động đến làm việc tại Cơ quan giúp việc thì thôi đảm nhiệm vị trí việc làm để thực hiện nhiệm vụ tại Cơ quan giúp việc, được tiếp tục hưởng mức lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) hiện hưởng; thời gian làm việc tại Cơ quan giúp việc được tính là thời gian công tác liên tục để tính hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

- Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này do ngân sách nhà nước bố trí và từ các nguồn hợp pháp khác. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước của Văn phòng Chính phủ.

- Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đánh giá và trả lương theo kết quả thực hiện nhiệm vụ của người làm việc tại Cơ quan giúp việc và Hội đồng tư vấn thực hiện theo quy chế do Hội đồng điều hành ban hành. Kết quả đánh giá được sử dụng là cơ sở để thực hiện chế độ, chính sách hoặc chấm dứt hợp đồng.

(2) Chế độ, chính sách đối với người làm tại Hội đồng điều hành, Cơ quan giúp việc và Hội đồng tư vấn;

- Chế độ, chính sách đối với Hội đồng điều hành: quy định đối với trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng điều hành làm việc kiêm nhiệm; Trường hợp Chủ tịch Hội đồng điều hành làm việc chuyên trách; Trường hợp thành viên Hội đồng điều hành làm việc chuyên trách.

- Chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Cơ quan giúp việc:

+ Chủ tịch Hội đồng điều hành quyết định tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đến làm việc tại Cơ quan giúp việc. Người đứng đầu và

cấp phó của người đứng đầu Cơ quan giúp việc được hưởng chế độ tương đương cấp Vụ thuộc bộ.

+ Hội đồng điều hành quyết định số lượng và lựa chọn nhân sự làm việc tại Cơ quan giúp việc trên cơ sở đề xuất của người đứng đầu Cơ quan giúp việc.

+ Chế độ, chính sách đối với người được tuyển dụng hoặc điều động đến làm việc tại Cơ quan giúp việc.

+ Người đứng đầu Cơ quan giúp việc căn cứ nhu cầu công việc quyết định ký kết hợp đồng lao động để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ tại Cơ quan giúp việc; mức tiền lương và tiền thưởng theo cơ chế thỏa thuận trên cơ sở yêu cầu công việc, năng lực, đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của người lao động.

- Chế độ, chính sách đối với chuyên gia của Hội đồng tư vấn:

+ Căn cứ nhu cầu sử dụng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của Hội đồng điều hành, Chủ tịch Hội đồng điều hành ký hợp đồng lao động đối với các chuyên gia tài chính, pháp lý uy tín trong nước và quốc tế để làm thành viên của Hội đồng tư vấn.

+ Các chuyên gia làm việc tại Hội đồng tư vấn theo chế độ hợp đồng lao động; hưởng lương theo cơ chế thỏa thuận. Chủ tịch Hội đồng điều hành quyết định mức lương, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng lao động đối với các chuyên gia của Hội đồng tư vấn trên cơ sở yêu cầu công việc, năng lực, đóng góp của chuyên gia; học hàm, học vị, kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Chuyên gia là người Việt Nam làm việc tại Hội đồng tư vấn trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động, sau khi kết thúc thời gian làm việc tại Hội đồng tư vấn nếu có nguyện vọng công tác lâu dài tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị thì được cấp có thẩm quyền xem xét tiếp nhận vào làm công chức, viên chức, được hưởng tiền lương theo vị trí việc làm đảm nhận và được hưởng thêm phụ cấp bằng 150% mức lương theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trong thời hạn 05 năm. Thời gian làm việc tại Hội đồng tư vấn được tính làm căn cứ xếp lương theo vị trí việc làm khi được tuyển dụng.

(3) Trách nhiệm thực hiện của các bộ, ngành, địa phương.

Nghị định được xây dựng bảo đảm tuân thủ chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, việc quyết định

người được chế độ, chính sách và mức được hưởng chế độ chính sách do Hội đồng điều hành và Chủ tịch Hội đồng điều hành thực hiện quyết định và chịu trách nhiệm.

**XXIII. Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31/3/2026, trừ Điều 11 và 12 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị*

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV là “*Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, kiên quyết tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, mọi nguồn lực, phát huy mọi động lực*”, “*Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hoà giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới*” ...

- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định nhiệm vụ chủ yếu là “*Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước*”, trong đó đề ra nhiệm vụ “*Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh*”, “*Tiếp tục cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm*”; “*Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác*” ...

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững*

*về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước”.*

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: *“Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế... theo hướng vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động tích cực sửa đổi, hoàn thiện”.*

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 trong đó lưu ý: *“Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo”.*

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã xác định mục tiêu hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế...

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, tài liệu học tập của Nghị quyết xác định mục tiêu, nhiệm vụ *“nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, thu hút đầu tư nước; khả năng hấp thụ và chuyển giao công nghệ; năng lực quản trị quốc gia và doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, đào tạo nhân lực chất lượng cao”.*

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ đạo: *“Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định. ... Tạo*

*cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao... ”; “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn. ”.*

Đồng thời, Nghị quyết đã đề ra mục tiêu: *“Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp. Năm 2028, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN. ”*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã thể hiện quan điểm: *“Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...”* và đặt ra các nhiệm vụ *“đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật ...; giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế “xin - cho”, tư duy “không quản được thì cấm”;* *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp.”.*

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đã nêu rõ: *“Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Bảo đảm tính kịp thời của việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội”;* *“Phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy, luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy*

*định theo thẩm quyền nhưng không được đặt thêm thủ tục hành chính, phát sinh thêm giấy phép con so với hiện hành”.*

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Trong đó, mục tiêu năm 2025 là *“Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ...”*.

- Tại Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 đã yêu cầu phải rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật.

Tại các văn bản chỉ đạo nêu trên đều khẳng định giải pháp về đẩy mạnh, hoàn thiện thể chế pháp luật là một trong những giải pháp chủ chốt, được coi là *“đột phá của đột phá”*, không chỉ là động lực, công cụ quan trọng để phát triển nhanh và bền vững của đất nước mà còn để củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý xã hội của Nhà nước trong *“kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”*.

#### *Cơ sở thực tiễn*

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Bộ Tài chính đã xây dựng và trình Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư đã bổ sung thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao... tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thực mại tự do,... theo hướng chuyển từ *“tiền kiểm”* sang *“hậu kiểm”*. Trên cơ sở đó, ngày 10/02/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 19/2025/NĐ-CP để quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt.

Tiếp theo đó, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo hướng sửa đổi, bổ sung các chính sách để đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục tạo cơ chế vượt trội, đột phá, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực này; tiếp tục đơn giản hóa quy trình thủ tục đối với các dự án này; đồng thời, giao Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục hành chính. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 239/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Các văn bản nêu trên đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Để đánh giá, tổng kết việc thi hành Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã có văn bản số 6724/BTC-PC ngày 19/5/2025 đề nghị các bộ, ngành, cơ quan, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp phối hợp thực hiện việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật của Đảng và Nhà nước, Bộ Tài chính đã tổng hợp các kiến nghị liên quan đến Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của các bộ, ngành, địa phương trong khuôn khổ nhiều hoạt động như:

- Ban chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật do Tổng Bí thư Tô Lâm làm Trưởng ban theo Quyết định số 288-NQ/TW của Bộ Chính trị;

- Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL theo các Nghị quyết như Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô;

- Kết quả rà soát VBQPPL do Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL tổ chức, chỉ đạo thực hiện (theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 12/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ)...;

- Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư tại các bộ, ngành và địa phương

theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Ban Chỉ đạo về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng theo Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 11/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đoàn công tác theo Quyết định số 435/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phân công Thành viên Chính phủ chủ trì đơn đốc làm việc với các địa phương về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu trên địa bàn;

- Diễn đàn doanh nghiệp thường niên (VBF).

Trên cơ sở đó, bên cạnh những kết quả tích cực, Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã bộc lộ một số hạn chế liên quan đến quy định về quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài... *(các vấn đề khó khăn, vướng mắc cụ thể được trình bày tại Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 31/2021/NĐ-CP gửi kèm theo).*

Để giải quyết các vướng mắc, hạn chế này, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung của Luật. Từ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị định để quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật là cần thiết, kịp thời khắc phục một số khó khăn, vướng mắc phát sinh trên thực tế, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các pháp luật liên quan và có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật Đầu tư theo đúng quy định của Luật Ban hành VBQPPL.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

- Quy định chi tiết nguyên tắc, cách thức áp dụng và thực hiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh, ngành, nghề tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng như cơ chế tập hợp, công bố, giám sát thi hành các quy định về vấn đề này nhằm nâng cao tính minh bạch và tiếp tục thực hiện đầy đủ, nhất quán nguyên tắc hiến định về quyền tự do kinh doanh và tuân thủ cam kết về mở cửa thị trường của Việt Nam theo các hiệp định.

- Cụ thể hóa một số quy định về bảo đảm đầu tư và chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với một số ngành, nghề, địa bàn ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả và bảo đảm thu hút đầu tư có chọn lọc, chất lượng theo các định hướng tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, đồng thời thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương

02 cấp.

- Hướng dẫn thực hiện một số quy định của Luật nhằm cải cách thủ tục hành chính trong toàn bộ quá trình thực hiện dự án đầu tư từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập tổ chức kinh tế đến triển khai, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và các hoạt động kinh doanh để khắc phục những bất cập, chồng chéo giữa các quy định liên quan đến đầu tư kinh doanh, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đặc biệt là quan hệ giữa các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án.

Để thực hiện những mục tiêu nêu trên, nội dung của Nghị định phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Đầu tư, các luật liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh, đồng thời kế thừa và hoàn thiện những quy định hiện hành còn phù hợp với quy định của các Luật này cũng như thực tế triển khai hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định gồm 08 Chương, 112 Điều và 02 Phụ lục, bao gồm:

Chương I. Quy định chung

Chương II. Ngành nghề đầu tư kinh doanh

Chương III. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

Chương IV. Thực hiện dự án đầu tư

Chương V. Thành lập tổ chức kinh tế và thực hiện hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài

Chương VI. Xúc tiến đầu tư

Chương VII. Quản lý nhà nước về đầu tư

Chương VIII. Điều khoản thi hành

Phụ lục I. Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài

Phụ lục II. Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư

*Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này quy định chi tiết Điều 6, Điều 7, Điều 8, khoản 2 Điều 10, Điều 14, Điều 15, Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 26, Điều 28, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 44, Điều 46, Điều 47, Điều 49 và Điều 51 của Luật Đầu tư và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư về điều kiện đầu tư kinh doanh; ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; bảo đảm đầu tư kinh doanh; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục đầu tư; xúc tiến đầu tư; quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

### *Đối tượng áp dụng và đối tượng bị xử phạt*

Nghị định này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Dự thảo Nghị định kế thừa quy định phù hợp tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025), Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt và cập nhật các nội dung theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 (trừ các quy định về đầu tư ra nước ngoài) với các nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu sau:

#### *Về việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư (Điều 6)*

Quy định cụ thể các trường hợp Cơ quan đăng ký đầu tư dừng giải quyết hồ sơ, từ chối cấp, điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và các văn bản hành chính khác về đầu tư (khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định).

#### *Về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện*

##### (i) Về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh

Sửa đổi, bổ sung quy định về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 dự thảo nghị định như sau: “*Mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã, mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên bị cấm theo quy định của Luật*

*Đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác theo quy định pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về đa dạng sinh học, pháp luật về thủy sản, quy định pháp luật có liên quan và Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp (CITES)” trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

(ii) Về rà soát, tập hợp và công bố điều kiện đầu tư kinh doanh

Sửa đổi, bổ sung quy định về việc rà soát, tập hợp và công bố điều kiện đầu tư kinh doanh tại khoản 3 Điều 12 dự thảo theo hướng các bộ, cơ quan ngang bộ cập nhật điều kiện đầu tư kinh doanh hoặc cập nhật nội dung thay đổi về điều kiện đầu tư kinh doanh gồm những nội dung quy định tại khoản 2 Điều này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi văn bản thông báo đến Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

*Về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư*

(i) Về đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư (Điều 19)

- Quy định chi tiết tại Điều 19 dự thảo Nghị định về dự án đầu tư có quy mô vốn lớn, dự án đầu tư sử dụng nhiều lao động hoặc dự án đầu tư trọng điểm, quan trọng quốc gia phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư như *dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên đáp ứng các điều kiện về giải ngân, doanh thu tối thiểu, lao động...; dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động thường xuyên bình quân hằng năm trở lên theo quy định của pháp luật về lao động (không bao gồm lao động làm việc không trọn thời gian và lao động có hợp đồng lao động dưới 12 tháng); dự án đầu tư sử dụng từ 30% số lao động thường xuyên bình quân hằng năm trở lên là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật và pháp luật về lao động; doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; ...*

- Bổ sung “Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt theo quy định của pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp”; “Dự án thuộc Danh mục các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành do Thủ tướng chính phủ phê duyệt”; “Dự án phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, thu hút đầu tư quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu” là đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư.

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II về danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư phù hợp với nguyên tắc xác định ngành, nghề ưu đãi đầu tư tại Điều 15 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và để đảm bảo tính trọng tâm, trọng điểm của chính sách ưu đãi đầu tư, trong đó:

+ Bổ sung ngành, nghề: (i) sản xuất năng lượng mới, phát triển năng lượng hydrogen, amoniac xanh; (ii) Nghiên cứu phát triển công nghệ, sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ để sản xuất thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền từ nguồn dược liệu trong nước, dược chất, thuốc mới, thuốc biệt dược gốc, thuốc hiếm, thuốc generic đầu tiên sản xuất trong nước, thuốc công nghệ cao, vắc xin, sinh phẩm; nuôi trồng dược liệu tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nghiên cứu để bảo tồn, phát triển nguồn gen dược liệu quý, hiếm, đặc hữu trong nước; tạo giống mới từ nguồn gen dược liệu có giá trị kinh tế cao có dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Dược; (iii) khám bệnh, chữa bệnh.

+ Sửa đổi, bổ sung ngành, nghề ưu đãi đầu tư tại mục B.IV.1 Phụ lục II như sau: “Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học”.

(ii) Về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt (Điều 21)

Điều 21 dự thảo Nghị định bổ sung quy định về đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt trên cơ sở kế thừa quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 bao gồm:

“a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên

*cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo theo pháp luật về công nghiệp công nghệ số đáp ứng quy mô tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư;*

*c) Dự án đầu tư (bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng) thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.”.*

*(iii) Về địa bàn ưu đãi đầu tư (Điều 22)*

- Hoàn thiện quy định nguyên tắc xác định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư tại Điều 22 dự thảo Nghị định như sau:

*“1. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.*

*2. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm:*

*a) Xã khu vực II và khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*b) Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;*

*c) Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập từ nhiều đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định theo quy định tại điểm a, b và d khoản 4 Điều này.*

*3. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bao gồm:*

*a) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*b) Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;*

*c) Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập từ nhiều đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều này”.*

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định kế thừa nguyên tắc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư trong trường hợp thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và trường hợp thành lập đơn vị hành chính cấp xã mới theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị định số 239/2025/NĐ-CP và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư theo nguyên tắc nêu trên và gửi Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

(iv) Ngoài ra, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với một số doanh nghiệp, dự án đầu tư quy định tại khoản 7 Điều 19 của Nghị định theo hướng bỏ quy định về Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao mà quy định: *“Đối với doanh nghiệp công nghệ cao là văn bản xác nhận theo quy định của pháp luật về công nghệ cao”.*

*Quy định về thực hiện dự án đầu tư (Mục 1 Chương IV)*

(i) Về thủ tục bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (Điều 26, 27)

- Sửa đổi, bổ sung quy định về điều chỉnh nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án như sau:

+ Trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư nộp bổ sung số tiền ký quỹ hoặc bổ sung bảo lãnh ký quỹ của tổ chức tín dụng tương ứng với số vốn đầu tư tăng theo quy định tại quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh. Trường hợp đã được hoàn trả 50% tiền ký quỹ đã nộp trước khi điều chỉnh thì nhà đầu tư chỉ phải nộp số tiền bằng 50% số tiền ký quỹ phải nộp bổ sung, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này.

+ Nhà đầu tư không phải nộp bổ sung số tiền ký quỹ hoặc bổ sung bảo lãnh ký quỹ của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a khoản này trong trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư đối với dự án không thuộc diện ký quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Đầu tư hoặc tại thời điểm đề nghị tăng vốn đầu tư, dự án đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án đầu tư.

+ Đối với dự án không thuộc diện ký quỹ theo quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư, trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư dẫn đến dự án thuộc diện ký quỹ theo quy

định tại Điều 30 Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp bổ sung số tiền ký quỹ hoặc bổ sung bảo lãnh ký quỹ của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a khoản này tương ứng với số vốn đầu tư tăng để thực hiện phần dự án đầu tư điều chỉnh.

(ii) Về tiến độ, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (Điều 28)

- Bổ sung tại khoản 2 Điều 28 dự thảo Nghị định để quy định thời gian chậm thực hiện dự án không tính vào thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư trong các trường hợp:

+ Để khắc phục hậu quả trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật về đất đai; Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư do nhà đầu tư chậm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan nhà nước chậm thực hiện thủ tục hành chính; Điều chỉnh dự án đầu tư do cơ quan nhà nước thay đổi quy hoạch (các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư);

+ Hoặc trong trường hợp tiến độ, thời hạn hoạt động của dự án bị ảnh hưởng bởi quá trình thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đồng thời, bổ sung nguyên tắc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án trong các trường hợp nêu trên tại khoản 3 Điều 28 dự thảo Nghị định.

*Về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư*

(i) Về hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 32)

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng đơn giản hoá thủ tục này tại khoản 7 Điều 32 dự thảo Nghị định, cụ thể:

+ Xác định nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan trực tiếp đến đề xuất thực hiện dự án, phù hợp với Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15<sup>5</sup> như sau: “Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch”

<sup>5</sup> Điểm a khoản 1 Điều 48 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 quy định:

“*Quy hoạch được sử dụng làm căn cứ đánh giá sự phù hợp của dự án trong chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan tuân thủ nguyên tắc sau đây:*

a) *Việc chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án căn cứ vào một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch để đánh giá sự phù hợp của dự án;*”.

(điểm a khoản 7 Điều 31 dự thảo Nghị định).

+ Lược bỏ nội dung thẩm định liên quan đến “*sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội*”.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư nội dung liên quan đến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Đồng thời, cần bổ sung và quy định rõ tại dự thảo Nghị định thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác bao gồm hồ sơ đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

+ Quy định rõ việc đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị.

- Sửa đổi, bổ sung quy định để làm rõ quy mô dự án trong nội dung Quyết định chủ trương đầu tư bao gồm: công suất thiết kế, quy mô xây dựng, quy mô sử dụng đất nếu có tại điểm b khoản 8 Điều 34 dự thảo Nghị định.

(ii) Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 35)

Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để cập nhật quy định phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư từ UBND cấp tỉnh cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Đầu tư.

Đồng thời, sửa đổi, bổ sung quy định để làm rõ việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư có đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 8 Điều 24 Luật Đầu tư được áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là người sử dụng đất đề xuất thay đổi từ mục đích sử dụng đất này sang mục đích sử dụng đất khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

*Về thủ tục đầu tư đặc biệt (Điều 46)*

(i) Về đối tượng thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt

Quy định cụ thể các dự án không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt bao gồm các dự án quy định tại các khoản 5, 6, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 20 Điều 24 của Luật Đầu tư thực hiện tại khu kinh tế, khu thương mại tự do để hướng

dẫn quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Đầu tư.

(ii) Về nguyên tắc áp dụng quy định về thủ tục đầu tư đặc biệt

Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc áp dụng quy định về thủ tục đầu tư đặc biệt theo hướng trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị định này và quy định khác của Chính phủ về thủ tục đầu tư đặc biệt (không bao gồm thủ tục đầu tư đối với dự án thực hiện tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam) thì thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Đầu tư và Nghị định này.

(iii) Về thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đặc biệt để thực hiện quy định tại Điều 28 Luật Đầu tư. Các nội dung này cơ bản kế thừa từ Luật Đầu tư số 61/2021/QH14 và Nghị định số 19/2025/NĐ-CP.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hoàn thiện các quy định về nguyên tắc, cách thức áp dụng và thực hiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh, ngành, nghề tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, các thủ tục điều chỉnh, triển khai dự án đầu tư, cũng như cơ chế tập hợp, công bố, giám sát thi hành, Quản lý nhà nước về đầu tư, Điều khoản chuyển tiếp....

**XXIV. Nghị định số 98/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/5/2026.

Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

#### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

Cơ sở chính trị, pháp lý, cơ sở thực tiễn:

- Ngày 25/6/2025 Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15. Ngày 01/7/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Nghị định số 189/2025/NĐ-CP) và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 118/2021/NĐ-

CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Việc sửa đổi các văn bản nêu trên đã làm thay đổi hệ thống xử lý vi phạm hành chính các cấp, cụ thể: (i) Mở rộng thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã (phân cấp từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cũ); (ii) mở rộng thẩm quyền xử phạt cho Trưởng Công an cấp xã (phân cấp từ Trưởng Công an cấp huyện cũ); (iii) Bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh như: Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Cục trưởng Cục thuộc Bộ và tương đương; Chi cục trưởng thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương. Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định: “Căn cứ quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh quy định tại Nghị định này, nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước quy định cụ thể chức danh có thẩm quyền xử phạt; mức phạt tiền cụ thể của từng chức danh; thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt; thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính.”.

Qua hơn bốn năm thực hiện Nghị định số 130/2021/NĐ-CP, công tác xử lý vi phạm hành chính đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng bảo trợ xã hội, của trẻ em, của các cá nhân, tổ chức liên quan. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy một số quy định của Nghị định số 130/2021/NĐ-CP cần được rà soát, sửa đổi.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý, cơ sở thực tiễn và lý do nêu trên, việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 130/2021/NĐ-CP là rất cần thiết, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên tục, không bị gián đoạn trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em.

## ***2.2. Mục đích ban hành:***

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, về phân cấp, phân quyền, về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính. Bảo đảm thông suốt, không gián đoạn, không chồng chéo giữa pháp luật xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em với pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác; bảo đảm đồng bộ với pháp luật chuyên ngành về bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em.

- Góp phần hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và cơ sở pháp lý phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của

quản lý nhà nước về bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định được bố cục thành 4 Chương với 48 Điều.

##### *Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em, bao gồm: trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, công tác xã hội, công tác người cao tuổi, công tác người khuyết tật, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán người và chăm sóc, bảo vệ trẻ em

##### *Đối tượng áp dụng*

- Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Người có thẩm quyền lập biên bản; người có thẩm quyền xử phạt; cơ quan có thẩm quyền xử phạt; Cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

#### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

- Chương I: Gồm 6 Điều, từ Điều 1 đến Điều 6, quy định về các vấn đề chung (phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, mức phạt tiền và thẩm quyền áp dụng mức phạt tiền).

- Chương II: Gồm 2 mục với 31 Điều, quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả:

Mục 1 có 15 Điều, từ Điều 7 đến Điều 21, quy định về vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, nạn nhân bị mua bán người;

Mục 2 có 16 Điều, từ Điều 22 đến Điều 37, quy định về vi phạm hành chính trong lĩnh vực trẻ em.

- Chương III: Gồm 9 Điều, từ Điều 38 đến Điều 46, quy định thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính.

- Chương IV: Gồm 02 Điều, từ Điều 47 đến Điều 48, quy định điều khoản thi hành (hiệu lực thi hành, trách nhiệm thi hành).

Nội dung mới của quy định so với văn bản trước đó:

*Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện*

- Nâng mức phạt tiền tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng lên 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng (Điều 24 dự thảo Nghị định) đối với các hành vi “lạm dụng, bóc lột trẻ em” để phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi và tăng cường răn đe, phòng ngừa chung.

- Nâng thẩm quyền xử phạt và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (phân cấp thẩm quyền của cấp huyện về cấp xã), nhằm tương thích với Điều 5 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

- Nâng mức xử phạt bằng tiền và áp dụng biện pháp tịch thu tang vật, phương tiện của Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Quản lý thị trường, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy (tại các Điều 41, 42, 43, 44, 45 dự thảo Nghị định), nhằm tương thích với Điều 8, 9, 10, 12 và Điều 17 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP

*Các nội dung bổ sung*

- Bổ sung phương thức xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử để phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Điều 4 dự thảo Nghị định).

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm liên quan đến đối tượng là nạn nhân bị mua bán người đang trong quá trình xác nhận là nạn nhân bị mua bán (khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định).

- Bổ sung quy định hành vi “d) Khai báo gian dối, giả là nạn nhân để được hưởng hỗ trợ xã hội đối với nạn nhân bị mua bán.” Do hành vi này đã được quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15 (khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định).

- Bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15 (Điều 8 dự thảo Nghị định).

- Bổ sung quy định việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm nghĩa vụ của cơ sở hỗ trợ nạn nhân đã quy định tại Điều 28, 29, 30 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người (Điều 10 dự thảo Nghị định).

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả để bảo đảm thực hiện các quyền của người khuyết tật được quy định tại Điều 4, khoản 3 Điều 5, Điều 30, Điều 38, Luật Người khuyết tật (Điều 13 dự thảo Nghị định).

- Bổ sung đối tượng được bảo vệ là người khuyết tật nặng, trẻ em khuyết tật vì đối tượng và hành vi đã được quy định tại Điều 23 Luật Người khuyết tật; (Điều 14 dự thảo Nghị định).

- Bổ sung quy định biện pháp khắc phục hậu quả: “c) Buộc xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng khi có yêu cầu” đối với hành vi sản xuất, xuất bản, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em để tăng cường bảo vệ quyền trẻ em (điểm c khoản 5 Điều 31 dự thảo Nghị định).

- Bổ sung thẩm quyền của trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc Bộ Y tế thành lập trong thời hạn kiểm tra lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em và thẩm quyền của trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập trong thời hạn kiểm tra lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em để cụ thể hoá quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành (khoản 2, khoản 3 Điều 38 dự thảo Nghị định).

- Bổ sung thẩm quyền của người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước các lĩnh vực trong thời hạn kiểm tra các lĩnh vực (giáo dục và đào tạo; văn hóa, thể thao và du lịch; khoa học và công nghệ, tư pháp, xây dựng, dân tộc và tôn giáo) có liên quan trực tiếp đến bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em để cụ thể hoá quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP (khoản 5, 6,7,8.9 và khoản 10 Điều 38 dự thảo Nghị định).

- Quy định thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác (Điều 40 dự thảo Nghị định) để cụ thể hoá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

*Các nội dung lược bỏ*

- Lược bỏ quy định về thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và khoản 9 Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP theo quy định về “Cơ quan thanh tra” tại Điều 7 Luật Thanh tra năm 2025 (không còn thanh tra chuyên ngành trừ Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước).

- Lược bỏ khoản 2 Điều 39 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Lược bỏ Điều 20 và Điều 47 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP.

*Danh mục Phụ lục kèm theo: không có*

**XXV. Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông.**

**1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31/3/2026.

**2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị*

- Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam xác định quan điểm “*Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội*” là một trong các đột phá chiến lược cần tập trung thực hiện.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị, các Kết luận của Bộ Chính trị (số 72-KL/TW ngày 23/02/2024, số 72-KL/TW ngày 23/02/2024, số 115-KL/TW ngày 16/01/2025); trong đó có nhiệm vụ rà soát, sửa đổi, ban hành chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025, Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII, Kết luận số 119-

KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị; trong đó có nhiệm vụ hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính.

### *Cơ sở pháp lý*

- Căn cứ quy định tại Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công giao Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng, khai thác TSKCHT, Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác các TSKCHT: giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải, hàng không); thủy lợi; chợ; cấp nước sạch; công viên, cây xanh.

- Nay, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025; trong đó có nội dung sửa đổi liên quan đến chế độ quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT do Nhà nước đầu tư, quản lý. Đồng thời, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 (trong đó có quy định việc phân cấp, phân quyền trong việc giao, khai thác, xử lý TSKCHT); tuy nhiên, các nội dung này chỉ áp dụng trong giai đoạn chuyển tiếp; theo quy định tại Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 thì phải ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung chậm nhất là ngày 01/3/2027.

- Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Công văn số 4947/VPCP-KTTH ngày 05/6/2025, Công văn số 8018/VPCP-KTTH ngày 26/8/2026, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ: “*Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương tiếp tục hoàn thiện đồng bộ các chính sách quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác các loại tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý*”.

### *Cơ sở thực tiễn*

Việc Chính phủ ban hành 04 Nghị định<sup>6</sup> quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải) đã tạo ra hành lang pháp lý cần thiết, bước đầu nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản. Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện còn một số tồn tại, hạn chế:

- Về chế độ quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT: (1) Các Nghị định quy

---

<sup>6</sup> 04 Nghị định của Chính phủ: số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024, số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025, số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025, số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2024.

định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT giao thông được ban hành ở nhiều thời điểm khác nhau và chưa có sự đồng bộ như: (+) Việc quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc giao, khai thác, xử lý tài sản tại các Nghị định với các thẩm quyền khác nhau; (+) Sự thay đổi của tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp dẫn đến một số nội dung quy định tại 04 Nghị định hiện hành không còn phù hợp; (+) Sự thay đổi của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan, trong khi các quy định về quản lý, sử dụng, khai thác TSKCHT giao thông chưa được sửa đổi đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong việc tổ chức thực hiện; (2) Về khai thác TSKCHT giao thông quy định tại các chính sách hiện hành chưa phản ánh đầy đủ tính chất đặc thù của từng loại tài sản, còn thiếu phương thức khai thác tài sản theo hướng đa mục tiêu, đa công năng; việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác tài sản còn chưa linh hoạt về tiêu chí lựa chọn; (3) Việc xử lý tài sản theo các hình thức chưa đồng bộ giữa các loại hạ tầng; quy định về thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục chưa thực sự tạo được chủ động cho địa phương trong việc quyết định xử lý.

- Về tổ chức thực hiện của Bộ quản lý chuyên ngành, một số địa phương đôi khi còn chậm và chưa đầy đủ; đồng thời quá trình tổ chức thực hiện phát sinh yêu cầu cần tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT giao thông trong điều kiện nguồn ngân sách nhà nước còn hạn chế.

Vì vậy, việc Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT giao thông là cần thiết và có cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Việc xây dựng Nghị định của Chính phủ nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT giao thông, quán triệt các chỉ đạo, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy định của pháp luật, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, sắp xếp tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; cải cách thủ tục hành chính bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan; giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, phù hợp với thực tiễn.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. *Bố cục của Nghị định:***

Nghị định gồm 05 Chương, 80 Điều, cụ thể:

Chương I. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT giao thông đường bộ.

Chương II. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT đường thủy nội địa.

Chương III. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT đường sắt.

Chương IV. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT hàng hải.

Chương V. Điều khoản thi hành (gồm: quy định về xử lý chuyên tiếp, tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành).

#### *Về phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải) nêu trên.

### **3.2. *Nội dung chủ yếu:***

Nghị định tập trung vào 04 nhóm vấn đề dưới đây:

(1) Đối tượng áp dụng cơ bản như quy định tại 04 Nghị định đã ban hành gồm: cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý hạ tầng, đối tượng được giao quản lý tài sản, đối tượng khác có liên quan; tuy nhiên để phù hợp với tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Nghị định này có chỉnh lý nội hàm của quy định về: (i) cơ quan quản lý hạ tầng (bỏ cấp huyện); (ii) đối tượng được giao quản lý tài sản (bỏ cấp huyện, bổ sung thêm đối tượng là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp xã, cấp tỉnh đối với TSKCHT đường bộ, đường thủy nội địa cho đầy đủ, bao quát, phù hợp với đặc thù của tài sản và thực tế hiện nay).

(2) Sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định tại các Nghị định theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong việc giao, khai thác, xử lý TSKCHT giao thông

(đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải); theo đó: (i) Chuyển toàn bộ thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định; (ii) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương; (iii) Bỏ thẩm quyền phê duyệt Đề án đối với phương thức trực tiếp tổ chức khai thác tài sản để phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền và đồng bộ với quy định của pháp luật...

(3) Sửa đổi quy định về trình tự, thủ tục thực hiện tại các Nghị định tương ứng với thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản nêu trên theo hướng cải cách thủ tục hành chính; tạo sự chủ động cho Bộ Xây dựng, các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện như: (i) Bỏ quy trình lập, phê duyệt Đề án đối với trường hợp đối với phương thức trực tiếp tổ chức khai thác tài sản; (ii) Không quy định quy trình cụ thể lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trong nội bộ trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, mà thuộc quy trình nội bộ của Bộ Xây dựng, địa phương chủ động trong việc tổ chức thực hiện...

(4) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp, đồng bộ với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan, phù hợp với đặc thù của từng loại TSKCHT giao thông; trong đó:

- Về nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản: (i) Bổ sung việc khai thác tài sản (đa mục tiêu, đa công năng) theo hướng thu hút các thành phần kinh tế cùng tham gia khai thác tài sản, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản; (ii) Sửa đổi quy định về việc lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia và việc xác định tài sản có/không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia trong hồ sơ giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản...

- Về giao quản lý tài sản: (i) Bổ sung đối tượng giao quản lý tài sản phù hợp với từng loại tài sản (như đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp xã đối với TSKCHT đường bộ, đường thủy nội địa) để bao quát và phù hợp với tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền 02 cấp; (ii) Rà soát tổng thể đầu vào của tài sản giao (bao gồm tài sản hiện có, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước) đảm bảo bao quát tài sản cần giao (quy định không phải giao lại tài sản đối với một số trường hợp), giảm bớt thủ tục hành chính, chi phí có liên quan; (iii) Điều chỉnh thời hạn cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định giao quản lý tài sản từ “30 ngày” thành “15 ngày”)...

- Về khai thác tài sản: (i) Bổ sung thêm phương thức khai thác hỗn hợp (đa mục tiêu, đa công năng) để nâng cao hiệu quả khai thác tài sản, phù hợp với đặc thù của từng tài sản (Ví dụ: TSKCHT đường bộ kết hợp với TSKCHT khác là đê; TSKCHT đường

thủy nội địa kết với TSKCHT du lịch,...); (ii) Bổ quy định về việc lập Đề án trực tiếp tổ chức khai thác tài sản; (iii) Sửa đổi, bổ sung quy định về lựa chọn đối tượng khai thác tài sản theo hướng bổ sung năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình của bên thứ ba (thông qua “*Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ 3*”) để chứng minh năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình; (iv) Bổ sung quy định bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng nhằm đa dạng hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết, thu hút các thành phần kinh tế tham gia khai thác tài sản...

- Về xử lý tài sản: (i) Bổ sung trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) Bổ sung quy định các trường hợp xử lý tài sản sau khi địa phương tiếp nhận tài sản chuyên giao để bao quát các trường hợp phát sinh, đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan; (iii) Đơn giản thủ tục hành chính, rút ngắn về thời gian trình cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giao, khai thác, xử lý tài sản...

- Về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác, xử lý tài sản: Không quy định việc nộp tiền vào tài khoản tạm giữ đối với số tiền thu được từ khai thác, xử lý tài sản; theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ khai thác, xử lý tài sản (sau khi trừ đi chi phí có liên quan) được nộp vào ngân sách nhà nước.

Ngoài những nội dung trên, Nghị định còn quy định về xử lý chuyển tiếp, tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành; trong đó quy định: (i) Các Bộ, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác đối với TSKCHT đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải thuộc phạm vi quản lý, tránh thất thoát, lãng phí tài sản; (iii) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý TSKCHT đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải quy định tại Nghị định này nếu không đồng ý với đề nghị giao, phê duyệt Đề án khai thác, xử lý tài sản thì phải có văn bản hồi đáp nêu rõ lý do không đồng ý; (ii) TSKCHT đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải có giá trị lớn và có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân bất khả kháng khác gây ra được mua bảo hiểm để chủ động đối phó có hiệu quả và chuyển giao rủi ro theo quy định.

**XXVI. Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với**

**giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2026.

*Bãi bỏ, thay thế VBQPPL trước đó:*

- Bãi bỏ các Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 30, 31, 32, 43, 44, 45, 46, 47 và 108 và các Phụ lục III, IV, V, VI và VII của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

- Các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 và 53 của Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;

- Điều 18 của Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Các nội dung thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành<sup>7</sup>.

*Quy định chuyển tiếp*

---

<sup>7</sup> Theo điểm b khoản 1 Điều 75 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP “b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.”

- Việc xử lý đơn yêu cầu thực hiện các thủ tục được quy định tại Nghị định này nộp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn;

- Mẫu văn bằng bảo hộ theo quy định tại Phụ lục I của Nghị định này được áp dụng kể từ thời điểm Nghị định có hiệu lực trừ trường hợp cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ, phó bản văn bằng bảo hộ thì mẫu cấp lại, cấp phó bản áp dụng tương ứng với mẫu văn bằng bảo hộ đã cấp cho người đầu tiên.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### ***2.1. Sự cần thiết ban hành:***

#### *Cơ sở chính trị, pháp lý*

Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ cần được sửa đổi, bổ sung nhằm kịp thời cụ thể hóa đường lối, chính sách đề ra tại các văn bản gần đây của Đảng, Nhà nước bao gồm: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Bên cạnh đó, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP cũng cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật số 131/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT. Tại Luật số 131/2025/QH15, Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung cụ thể của Luật và giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số thủ tục hành chính đang được quy định hoặc có liên quan đến quy định của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

Ngày 31/12/2025, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2835/QĐ-TTg, theo đó tại Mục 23 Phụ lục về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT, giao: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về SHCN, bảo vệ quyền

SHCN, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về SHTT (cụ thể là các khoản 2, 3, 5, 6, 24, 33, 44, 53, 54, 55, 66, 67 Điều 1 Luật số 131/2025/QH15) và cho phép soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn.

### *Cơ sở thực tiễn*

Trong năm 2025, một số VBQPPL đã được ban hành liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP cũng cần được sửa đổi để phù hợp, cụ thể là phù hợp với các văn bản: Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính (liên quan đến cơ cấu tổ chức của cơ quan Hải quan);

Ngoài các nội dung Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết tại Luật số 131/2025/QH15, một số nội dung khác về biện pháp thi hành Luật cũng cần được quy định như về cơ chế đặc thù của tổ chức hành chính giúp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về SHCN.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Việc ban hành Nghị định nhằm quy định chi tiết các nội dung được giao và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ; hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về sở hữu trí tuệ đồng bộ với các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định số 100/2026/NĐ-CP có 48 Điều, Nghị định không phân chia các Chương.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Nghị định số 100/2026/NĐ-CP 4.2.1. Phạm vi điều chỉnh Điều 1 của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP quy định: “1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật số 131/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, bao gồm:

a) Khoản 2 Điều 1 về việc phát sinh, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong trường hợp đối tượng quyền được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo;

b) Khoản 3 Điều 1 về việc chấm dứt thực hiện quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp một đối tượng mà có nhiều quyền sở hữu trí tuệ phát sinh hoặc được xác lập;

c) Khoản 5 Điều 1 về quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ;

d) Khoản 6 Điều 1 về chuyển đổi số hoạt động sở hữu trí tuệ;

đ) Khoản 24 Điều 1 về kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi nộp đơn đăng ký ở nước ngoài;

e) Khoản 33 Điều 1 về đơn đăng ký đối với sáng chế mật;

g) Khoản 44 Điều 1 về thẩm định nội dung nhanh đối với đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký nhãn hiệu;

h) Khoản 53 Điều 1 về hồ sơ đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

i) Khoản 54 Điều 1 về kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

k) Khoản 55 Điều 1 về trình tự, thủ tục ghi nhận, xóa tên đại diện sở hữu công nghiệp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

l) Khoản 66 Điều 1 về tổ chức và hoạt động giám định về quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng;

m) Khoản 67 Điều 1 về việc tiêu hủy hàng hóa giả mạo nhãn hiệu.

2. Quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về:

a) Bảo đảm kinh phí và các nguồn lực cần thiết khác cho hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 11a của Luật Sở hữu trí tuệ;

b) Các nội dung khác bao gồm: quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng, quản lý chỉ dẫn địa lý, thủ tục hành chính về quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.”

*Đối tượng áp dụng*

Nghị định số 100/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP, tuy nhiên, đối tượng áp dụng không được sửa đổi, bổ sung và vẫn

được áp dụng theo Nghị định số 65/2023/NĐ-CP. Cụ thể, Điều 2 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định:

*“Điều 2. Đối tượng áp dụng*

*1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện hưởng sự bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.*

*2. Tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ hoặc có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.*

*3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”*

**3.2. Nội dung chủ yếu:**

Các quy định chính Với mục tiêu quy định chi tiết các nội dung được giao và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT), đồng bộ với các văn bản mới ban hành, dự thảo Nghị định bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:

- Về vấn đề liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI)

Bổ sung Điều 10a quy định quyền sở hữu công nghiệp đối với đối tượng (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí) được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo chỉ được xác lập nếu con người có đóng góp đáng kể (xác định vấn đề, lựa chọn dữ liệu, đánh giá kết quả, quyết định cuối cùng); coi người có đóng góp đáng kể là tác giả.

- Về chấm dứt việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ.

Bổ sung Điều 9e quy định chấm dứt việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp mâu thuẫn (làm giảm giá trị kinh tế, gây nhầm lẫn, ngăn cản quyền hợp pháp), dựa trên nguyên tắc ưu tiên quyền có trước và chỉ chấm dứt việc thực hiện quyền ở mức cần thiết; quy định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án theo pháp luật về tố tụng.

- Về khai thác thương mại quyền SHTT

Sửa đổi, bổ sung Điều 70 theo hướng bổ sung một số biện pháp nhằm khuyến khích khai thác quyền SHTT. Bổ sung Điều 9a quy định việc quản lý, khai thác quyền SHTT.

- Về chuyển đổi số

Bổ sung Điều 9b (cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp); Điều 9c; (Hệ thống thông tin quản lý chỉ dẫn địa lý); Điều 9d (cơ sở dữ liệu về giá giao dịch quyền SHTT); Điều 9đ (tự động hóa quy trình bảo vệ quyền SHTT); Điều 9e (cơ sở dữ liệu về bảo vệ quyền SHTT).

- Về kiểm soát an ninh sáng chế và sáng chế mật

Sửa đổi Điều 14 (thủ tục kiểm soát an ninh đối với sáng chế thuộc bí mật nhà nước); Điều 48 (đơn đăng ký sáng chế mật), Điều 49 (các thủ tục liên quan đến sáng chế mật).

- Về thẩm định nhanh

Bổ sung Điều 14a quy định thẩm định nội dung nhanh đơn đăng ký sáng chế, nhãn hiệu.

- Về thủ tục hành chính

Sửa đổi các Điều 29, 42, 56, 57, 58, 59, 61, 63, 64, 65 để phù hợp với Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

Bãi bỏ 18 Điều (từ 16 đến 28, 30, 31, 32), một phần Điều 29 đưa xuống Thông tư liên quan đến các nội dung đã được Quốc hội giao cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Luật số 131/2025/QH15. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định cũng bãi bỏ 05 Điều (từ 43 đến 47) liên quan đến kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Về giám định SHTT

Sửa đổi Điều 109, 110, 112, 113 để phù hợp với Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. Bổ sung Điều 108a (đào tạo nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp); Điều 111a (đào tạo nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng); bổ sung Phụ lục II quy định chương trình khung đào tạo nghiệp vụ giám định SHCN để quy định chi tiết khoản 66 Điều 1 Luật số 131/2025/QH15.

Bãi bỏ Điều 108, Điều 111 do khoản 66 Điều 1 Luật số 131/2025/QH15 đã bãi bỏ quy định về kiểm tra giám định SHTT.

- Về bảo vệ quyền

Sửa đổi Điều 76 (yếu tố xâm phạm quyền kiểu dáng công nghiệp phù hợp với việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp riêng phần và bảo hộ kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm phi vật lý); sửa đổi Điều 97, 98 (buộc phân phối, tiêu hủy, các trường hợp không tiêu hủy).

- Về phù hợp với pháp luật khác

Sửa đổi các Điều 5, 6, 7, 8, 9 (trách nhiệm quản lý nhà nước); sửa đổi Điều 36, 37, 38 (quản lý chỉ dẫn địa lý) để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, các nội dung quản lý nhà nước được giao trong Luật số 131/2025/QH15.

Bổ sung Điều 15a (Kết quả giải quyết thủ tục hành chính, ủy quyền đại diện tiến hành thủ tục hành chính) để phù hợp với pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật về ủy quyền đại diện.

- Về việc bảo đảm kinh phí và các nguồn lực cần thiết khác cho hoạt động quản lý nhà nước về SHTT

Bổ sung Điều 5a về bảo đảm kinh phí và các nguồn lực cần thiết khác cho hoạt động quản lý nhà nước về SHTT để hướng dẫn thi hành khoản 6 Điều 1 Luật số 131/2025/QH15, đồng thời, cụ thể hóa quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

*Nội dung mới của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP so với Nghị định số 65/2023/NĐ-CP*

- Về trí tuệ nhân tạo (AI): Bổ sung Điều 10a quy định quyền sở hữu công nghiệp đối với đối tượng (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí) được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo chỉ được xác lập nếu con người có đóng góp đáng kể (xác định vấn đề, lựa chọn dữ liệu, đánh giá kết quả, quyết định cuối cùng); coi người có đóng góp đáng kể là tác giả;

- Về chấm dứt việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ: Bổ sung Điều 9e quy định chấm dứt việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp mâu thuẫn (làm giảm giá trị kinh tế, gây nhầm lẫn, ngăn cản quyền hợp pháp), dựa trên nguyên tắc ưu tiên quyền có trước và chỉ chấm dứt việc thực hiện quyền ở mức cần thiết; quy định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án theo pháp luật về tố tụng dân sự;

- Về khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ: Bổ sung Điều 9a quy định việc quản lý, khai thác quyền SHTT, bao gồm lập danh mục quyền SHTT (bao gồm thông tin cơ bản về đối tượng quyền SHTT, tình trạng pháp lý, chi phí, giá trị, v.v.); trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch để thực hiện việc khuyến khích khai thác thương mại quyền SHTT;

- Về chuyên đổi số: Bổ sung Điều 9b (cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp); Điều 9c; (Hệ thống thông tin quản lý chỉ dẫn địa lý); Điều 9d (cơ sở dữ liệu về giá giao dịch quyền SHTT); Điều 9đ (tự động hóa quy trình bảo vệ quyền SHTT); Điều 9e (cơ sở dữ liệu về bảo vệ quyền SHTT);

- Về thẩm định nhanh: Bổ sung Điều 14a quy định thẩm định nội dung nhanh đơn đăng ký sáng chế, nhãn hiệu;

- Về giám định SHTT: Bổ sung Điều 108a (Đào tạo nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp); Điều 111a (Đào tạo nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng); bổ sung Phụ lục II quy định chương trình khung đào tạo nghiệp vụ giám định.

- Về việc bảo đảm kinh phí và các nguồn lực cần thiết khác cho hoạt động quản lý nhà nước về SHTT: Bổ sung Điều 5a về bảo đảm kinh phí và các nguồn lực cần thiết khác cho hoạt động quản lý nhà nước về SHTT.

- Về phù hợp với pháp luật khác: Bổ sung Điều 15a (kết quả giải quyết thủ tục hành chính, ủy quyền đại diện tiến hành thủ tục hành chính).

*Danh mục Phụ lục của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP Phụ lục I: Các mẫu Tờ khai, phó bản/bản cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, mẫu văn bằng bảo hộ Phụ lục II: Chương trình khung đào tạo nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng.*

**XXVII. Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2026.

Văn bản bị bãi bỏ:

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Bãi bỏ các điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 của Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Quy định chuyển tiếp (Điều 68): Áp dụng đối với các thỏa thuận chuyển giao công nghệ được ký kết trước ngày 01/7/2018; các hồ sơ đề nghị đăng ký, gia

hạn, sửa đổi, bổ sung, chấp thuận, cấp phép, thẩm định công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

#### *Cơ sở chính trị:*

Thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66/NQ-CP, Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW,... nhằm có cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học công nghệ.

#### *Cơ sở pháp lý*

Quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và đặc biệt là cập nhật, đồng bộ hóa với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2025 (Luật số 115/2025/QH15), Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Đầu tư năm 2025.

#### *Cơ sở thực tiễn*

Khắc phục những hạn chế, bất cập sau 07 năm triển khai Nghị định số 76/2018/NĐ-CP (quy định cũ về kiểm tra, giám sát công nghệ còn chưa cụ thể; thiếu cơ chế phân cấp; chính sách ưu đãi chưa hấp dẫn...). Tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, loại bỏ các thủ tục rườm rà.

### **2.2. Mục đích ban hành:**

Hoàn thiện khung pháp lý về thẩm định công nghệ; tăng cường quản lý, kiểm soát rủi ro công nghệ (đặc biệt là công nghệ lạc hậu, nguy cơ ô nhiễm); đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường hậu kiểm; hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định gồm 08 Chương, 69 Điều và 03 Phụ lục kèm theo.

Quy định chi tiết áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thẩm định công nghệ; chuyển giao công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

### 3.2. Nội dung chủ yếu:

Các quy định chính và điểm mới đột phá:

- Đổi mới quy định về Thẩm định công nghệ: Nội dung giải trình về sử dụng công nghệ được thể hiện ngay trong hồ sơ dự án đầu tư, bảo đảm "không phát sinh thành phần hồ sơ riêng" (Điều 4). Đặc biệt, bổ sung quy định yêu cầu dự án thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt cũng phải có nội dung giải trình về sử dụng công nghệ và cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro để làm căn cứ hậu kiểm. Đối với thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù theo yêu cầu của tổ chức/cá nhân, bổ sung quy định đánh giá việc thử nghiệm thực tế và quy định kinh phí do tổ chức, cá nhân đề nghị tự chi trả (Điều 11-15).

- Ban hành 03 Danh mục công nghệ mới: Cập nhật, điều chỉnh toàn diện Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao (Phụ lục I), Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (Phụ lục II), Danh mục công nghệ cấm chuyển giao (Phụ lục III) để lược bỏ các nội dung trùng lặp để phù hợp với tốc độ phát triển công nghệ thực tiễn.

- Bổ sung điều kiện cam kết trong đấu thầu dự án quan trọng quốc gia: Quy định rõ hồ sơ mời thầu quốc tế phải có cam kết thực hiện chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực, nhằm bảo đảm mục tiêu tiếp nhận, làm chủ công nghệ và bảo đảm an ninh, quốc phòng (Điều 16).

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công nghệ: Bổ sung các nguyên tắc kiểm tra, giám sát làm cơ sở pháp lý quản lý rủi ro ngay từ đầu (Điều 23-30). Điều 29 quy định riêng về việc kiểm tra công nghệ đối với các dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt nhằm thực hiện tốt công tác hậu kiểm.

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ: Làm rõ hình thức hỗ trợ doanh nghiệp thông qua nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP để tránh trùng lặp; quy định chi tiết nguồn kinh phí từ ngân sách để phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 31-34).

- Hoàn thiện quy định Nhà nước mua và phổ biến công nghệ: Bổ sung quy định về Hội đồng thẩm định quốc gia (gồm trách nhiệm bảo mật thông tin của thành viên) và quy định rõ nguồn kinh phí mua công nghệ phải được nêu trong quyết định phê duyệt Đề án của Thủ tướng Chính phủ (Điều 35-39).

- Phát triển nguồn cung, nguồn cầu của thị trường KH&CN: Quy định chi tiết các biện pháp phát triển nguồn cung, nguồn cầu, trong đó nổi bật là quy định về trình

tự, thủ tục xem xét mua sáng chế, sáng kiến để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng (từ Điều 40 đến Điều 47).

- Hoàn thiện chính sách phát triển tổ chức trung gian và mạng lưới thị trường khoa học công nghệ: Cụ thể hóa các biện pháp, nguồn kinh phí hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian (Điều 48-52), trong đó nhấn mạnh việc hình thành mạng lưới liên kết hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước; đồng thời chuẩn hóa các phương thức hỗ trợ hoạt động công bố, trình diễn, giới thiệu công nghệ để thúc đẩy thương mại hóa (Điều 53, Điều 54).

- Bổ sung điều kiện đặc thù thẩm định giá công nghệ: Cụ thể hóa điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật đối với tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá công nghệ (Điều 55), bảo đảm thống nhất với pháp luật về giá.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách TTHC: Phân cấp mạnh mẽ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù (Điều 11); Công nhận công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (Điều 44); thực hiện thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ (Điều 62). Giao quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ bí mật nhà nước/an ninh quốc gia hoặc chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách đặc biệt cho an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an (Điều 21). Các TTHC theo hướng minh bạch hóa thời gian, biểu mẫu. Áp dụng triệt để nộp hồ sơ trực tuyến, liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, không yêu cầu nộp bản sao chứng thực.

**XXVII. Nghị định số 102/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26/9/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

Nghị định quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh được xem xét, giải quyết như sau:

- Đối với hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới được tiến hành điều tra hoặc

đang được xem xét, giải quyết khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này.

- Đối với hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thi hành thì áp dụng quy định của Nghị định này.

- Đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh đã được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26/9/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

#### *Cơ sở chính trị, pháp lý*

Ngày 04 tháng 5 năm 2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó, mục III.2.1 về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách có nêu: “*Xử lý nghiêm các hành vi làm hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh*”.

Trên cơ sở đó, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, trong đó giao Bộ Công Thương: “*Rà soát, sửa đổi Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh đảm bảo: (i) Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh, đặc biệt là các hành vi mang tính chất đặc quyền, độc quyền; (ii) Áp dụng cơ chế, chế tài xử lý cạnh tranh công bằng, bình đẳng, minh bạch giữa các thành phần kinh tế hoàn thành trong năm 2025*”.

#### *Cơ sở thực tiễn*

Trải qua hơn 05 năm thực thi, Nghị định số 75/2019/NĐ-CP đã bộc lộ một số điểm hạn chế, bất cập trong các quy định, gây cản trở cho hoạt động xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh nói riêng cũng như việc thực thi pháp luật về cạnh tranh nói chung, cụ thể trong các quy định về: thẩm quyền xử phạt; hình thức phạt cảnh

cáo đối với hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh; quy định liên quan đến xử phạt vi phạm quy định về tập trung kinh tế; về các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh; cơ chế phối hợp trong việc thu tiền phạt và xử lý trường hợp chậm nộp tiền phạt theo quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Nghị định số 102/2026/NĐ-CP được ban hành nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về “*Đẩy mạnh thực thi Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng, minh bạch giữa các thành phần kinh tế; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia*”; đồng thời góp phần khắc phục những vướng mắc, bất cập trong một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh phát sinh trong thực tiễn thi hành thời gian qua.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định số 102/2026/NĐ-CP gồm 19 điều. Cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 3;

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4;

Điều 3. Bãi bỏ khoản 2 của Điều 11;

Điều 4. Bãi bỏ khoản 2 của Điều 13;

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 14;

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15;

Điều 7. Bãi bỏ điểm a khoản 4 của Điều 19;

Điều 8. Bãi bỏ điểm a khoản 3 của Điều 20;

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 22;

Điều 10. Bãi bỏ điểm c khoản 2 của Điều 25;

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 26;

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 27;

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 28;

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 30;

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 32;

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 của Điều 33;

Điều 17. Bổ sung Điều 33a vào sau Điều 33;

Điều 18. Điều khoản thi hành Điều;

19. Điều khoản chuyên tiếp.

### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

Những nội dung sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 102/2026/NĐ-CP tập trung vào các nội dung chính sau:

Thứ nhất, bãi bỏ hình thức xử phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền.

Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh đều mang tính nghiêm trọng, có thể ảnh hưởng đến cấu trúc thị trường, gây thiệt hại cho doanh nghiệp và người tiêu dùng, làm suy giảm hiệu quả cạnh tranh. Do đó, việc áp dụng hình thức phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền được đánh giá là không phù hợp với bản chất của hành vi, làm giảm tính răn đe của pháp luật và không bảo đảm hiệu lực thi hành, do vậy đã được bãi bỏ.

Thứ hai, chuyển từ cơ chế xử phạt theo tỷ lệ phần trăm doanh thu sang mức phạt tiền cố định đối với hành vi không thông báo tập trung kinh tế, hành vi thực hiện tập trung kinh tế trước khi có quyết định của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

Nghị định số 102/2026/NĐ-CP đã điều chỉnh mức phạt tiền từ 01% đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế sang mức phạt cố định, cụ thể như sau:

(i) Đối với hành vi không thông báo tập trung kinh tế

- Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam, tổng doanh thu bán ra và tổng doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt dưới 3.000

tỷ đồng trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

- Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra hoặc tổng doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt từ 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

(ii) Đối với hành vi thực hiện tập trung kinh tế khi chưa có thông báo kết quả thẩm định sơ bộ, thực hiện tập trung kinh tế khi chưa ra quyết định quy định tại Điều 41 của Luật Cạnh tranh trong trường hợp hành vi tập trung kinh tế phải thẩm định chính thức.

- Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam tổng doanh thu bán ra và tổng doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt dưới 3.000 tỷ đồng trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

- Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra hoặc tổng doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt từ 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

Việc áp dụng mức phạt tiền cố định với ngưỡng từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng là phù hợp với nguyên tắc quy định mức xử phạt theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm được quy định trong pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Thứ ba, quy định cụ thể mức phạt từ 01% đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan của doanh nghiệp trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi thực hiện tập trung kinh tế thuộc trường hợp bị cấm.

Đây là hành vi có tính chất nghiêm trọng, cố ý thực hiện tập trung kinh tế gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên

thị trường liên quan. Do đó, Nghị định quy định mức phạt tiền đối với các hành vi tập trung kinh tế thuộc trường hợp bị cấm cao hơn mức phạt tiền đối với các hành vi thuộc trường hợp vi phạm quy định về tập trung kinh tế khác nhằm đảm bảo tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

Thứ tư bổ sung quy định Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định bãi bỏ thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thông báo tập trung kinh tế; thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế hoặc quyết định về việc tập trung kinh tế nếu phát hiện một trong các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế thực hiện một hoặc các hành vi không cung cấp hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, trung thực sai lệch dẫn đến làm sai lệch kết quả thẩm định tập trung kinh tế quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 36 và Điều 41 Luật Cạnh tranh.

Thứ năm, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định về hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về cạnh tranh.

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả buộc thực hiện đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế có điều kiện.

- Bãi bỏ hình thức xử phạt bổ sung “tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn” đối với hành vi hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác và hành vi lôi kéo khách hàng bất chính.

- Bãi bỏ hình thức xử phạt bổ sung “*tịch thu tang vật vi phạm, phương tiện được sử dụng để vi phạm*” đối với các hành vi vi phạm về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền.

Điều này xuất phát từ thực tế, trong các vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, các doanh nghiệp thường bắt tay, cấu kết với nhau qua các hình thức tinh vi và thường không để lại chứng cứ (thư điện tử, trao đổi trực tiếp,...) hoặc doanh nghiệp đơn phương áp đặt hành vi. Chính vì vậy, việc quy định hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật vi phạm, phương tiện được sử dụng để vi phạm trên thực tế chỉ mang tính hình thức.

Ngoài ra, thực tiễn thi hành đã cho thấy một số biện pháp khắc phục hậu quả như buộc cải chính công khai; buộc chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận sáp nhập, doanh nghiệp mua lại, doanh nghiệp mới hình thành sau tập trung kinh tế, về bản chất mang tính hình thức, không thực sự

đem lại nhiều ý nghĩa trong việc khôi phục thực trạng cạnh tranh trên thị trường, do vậy cần được bãi bỏ để đảm bảo hiệu quả thực thi của các quy định trên thực tế.

Thứ sáu, bãi bỏ thẩm quyền của thanh tra viên, người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực cạnh tranh; bổ sung thẩm quyền của Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ thành lập; mở rộng chủ thể có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.

Thứ bảy, sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức nộp tiền phạt và trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự.

Nghị định số 102/2026/NĐ-CP bổ sung hình thức nộp phạt và quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự trong việc tổ chức thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, bao gồm số tiền lãi do chậm nộp phạt theo quy định nhằm hướng đến giải quyết vấn đề bất cập từ thực tiễn khi đối tượng phải thi hành án không tự nguyện chấp hành dẫn đến phát sinh tiền lãi do chậm nộp.

Thứ tám, bổ sung quy định về xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử.

Nghị định số 102/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 33a quy định về xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử nhằm thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số theo tinh thần của Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Việc quy định bổ sung nội dung trên cũng góp phần tạo thuận lợi cho doanh nghiệp cũng như cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động xử lý vi phạm hành chính về cạnh tranh, thể hiện tinh thần kiến tạo phát triển theo phương châm, định hướng được nêu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

**XXVIII. Nghị định số 106/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2026;

Nghị định bãi bỏ Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và bãi bỏ các quy định: Điều 2 Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong

lĩnh vực hàng hải; Điều 40 và Mẫu số 15 tại mục 2 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định chuyển tiếp đối với điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ chuyển đổi điểm thông quan thành cảng cạn nhưng chưa có văn bản chấp thuận chủ trương sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương chuyển đổi điểm thông quan thành cảng cạn. Việc công bố mở cảng cạn thực hiện theo quy định tại Nghị định.

## **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị:*

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định một số chủ trương lớn: “*Đến năm 2030, phát triển thành công, đột phá về các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới*”.

*Cơ sở pháp lý*

- Khoản 3 Điều 103, Bộ luật Hàng hải Việt Nam quy định “*Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn*”;

- Tại Khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 quy định: “*Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chưa phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành*”.

*Cơ sở thực tiễn*

- Công tác đầu tư xây dựng, khai thác cảng cạn đã được các địa phương quan tâm, tạo động lực thúc đẩy phát triển, tuy nhiên, mức độ đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cảng cạn thời gian qua cho thấy vẫn chưa đáp ứng mục tiêu quy hoạch phát triển được phê duyệt, do vậy, cần thiết phải có những quy định, điều chỉnh hợp lý để thu hút sự quan tâm hơn nữa của xã hội đến hoạt động này;

- Một số quy định tại Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ đã không còn phù hợp như: thủ tục hành chính; nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan; đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn được đầu tư bằng vốn Nhà nước; pháp luật về quy hoạch, đầu tư;...

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### **3.1. Bố cục của Nghị định:**

Nghị định gồm 03 Chương, 26 điều, 01 Phụ lục, bao gồm:

*Phạm vi điều chỉnh:* quy định chi tiết về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn.

#### *Đối tượng áp dụng*

Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn.

- Chương I (từ Điều 1 đến Điều 8): Bao gồm các quy định chung về nội dung quản lý nhà nước về cảng cạn; chức năng cảng cạn; tiêu chí xác định cảng cạn; kết cấu hạ tầng cảng cạn;

- Chương II (từ Điều 9 đến Điều 18): Quy định về quản lý đầu tư xây dựng, khai thác cảng cạn, gồm: Công bố danh mục cảng cạn; nguyên tắc đầu tư xây dựng cảng cạn; giám sát thực hiện quy hoạch cảng cạn; công bố mở, đóng cảng cạn; đặt tên, đổi tên cảng cạn; quản lý khai thác cảng cạn; quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước; tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn;

- Chương III (từ Điều 19 đến Điều 26): Quy định về quản lý hoạt động của cảng cạn và quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức tại cảng cạn, gồm: nội quy cảng cạn; Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại cảng cạn; phối hợp quản lý hoạt động; trách nhiệm và quyền hạn của các bộ, ngành và địa phương, chủ đầu tư, doanh nghiệp khai thác cảng cạn.

#### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

### Một số nội dung mới của Nghị định

- Các quy định về giám sát thực hiện quy hoạch cảng cạn, chuyển đổi điểm thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu thành cảng cạn, công bố danh mục cảng cạn, khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn được đầu tư bằng vốn NSNN,... được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp với Luật quy hoạch và Bộ luật hàng hải Việt Nam, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Bổ sung, cập nhật mới các quy định về giải quyết TTHC qua mạng, bãi bỏ một số thủ tục hành chính cho phù hợp với quy định hiện hành; cắt giảm một số thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp (sửa đổi thủ tục “*trả lời về sự phù hợp với quy hoạch cảng cạn*” do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện; sửa đổi, bổ sung quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục đóng cảng cạn không thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp; cắt giảm thủ tục “*đề nghị chấp thuận chủ trương chuyển đổi điểm thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu thành cảng cạn*” được lồng ghép thực hiện trong thủ tục “công bố địa điểm làm thủ tục hải quan thành cảng cạn”).

### Các Nghị quyết do Chính phủ ban hành

**I. Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về việc tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.**

#### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/3/2026.

#### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

##### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Ban hành VBQPPL, văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết. Đồng thời, khoản 2 Điều 57 của Luật này đã quy định nguyên tắc xử lý hiệu lực của văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội khi luật, nghị quyết đó hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần. Theo đó, kể từ ngày luật, nghị quyết hết hiệu lực thì các văn bản quy định chi tiết cũng hết hiệu lực tương ứng, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền quyết định tiếp tục áp dụng theo quy

định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đồng thời Luật cũng đã thiết kế cơ chế xử lý chuyển tiếp thông qua việc công bố tiếp tục áp dụng toàn bộ hoặc một phần văn bản quy định chi tiết trong trường hợp cần thiết.

Ngày 30/01/2026, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 51/TB-VPCP thông báo Kết luận của Thường trực Chính phủ về rà soát, kiểm điểm việc ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết, trong đó giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng Nghị quyết của Chính phủ để xử lý khoảng trống pháp lý do chậm ban hành văn bản quy định chi tiết luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

#### *Cơ sở thực tiễn*

Thực hiện các quy định của Luật Ban hành VBQPPL, kể từ ngày 01/01/2026, nhiều luật trong các lĩnh vực tài chính – ngân sách, thuế, chứng khoán, kế toán, kiểm toán, quản lý, sử dụng tài sản công, dự trữ quốc gia, kinh doanh bảo hiểm, quản lý nợ công, giáo dục, việc làm... đã hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ do được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các luật mới được ban hành. Theo đó, các nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các luật này cũng hết hiệu lực tương ứng theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL. Tuy nhiên, trong thực tiễn quản lý nhà nước, nhiều nội dung quy định tại các nghị định, quyết định nêu trên vẫn đang được áp dụng ổn định, có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh thường xuyên, liên tục. Do đó, việc các nghị định, quyết định này đồng loạt hết hiệu lực khi luật mới ban hành có hiệu lực sớm và các văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật mới chưa kịp ban hành sẽ dẫn đến khoảng trống pháp lý, gây khó khăn, lúng túng trong tổ chức thực hiện, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Mặt khác, việc xây dựng, ban hành các nghị định, quyết định mới để thay thế hoặc bãi bỏ các nghị định, quyết định nêu trên cần có thời gian rà soát, nghiên cứu để bảo đảm chất lượng, tính đồng bộ, thống nhất với các luật mới được ban hành và các VBQPPL có liên quan; trong khi yêu cầu bảo đảm tính liên tục, ổn định của hệ thống pháp luật và hoạt động quản lý nhà nước đòi hỏi phải có giải pháp chuyển tiếp phù hợp, khả thi.

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Ban hành VBQPPL, đối với các luật, nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026, hiện nay chỉ có Bộ Tài chính thực hiện việc công bố hoặc trình cơ quan có thẩm quyền công bố một số văn bản tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần<sup>8</sup>; việc triển khai quy định này còn chưa đồng bộ, chưa kịp thời so với yêu cầu của thực tiễn. Trong khi đó, các văn bản quy định chi tiết mới chưa được ban hành để có hiệu lực đồng thời với luật, dẫn đến phát sinh khoảng trống pháp lý tạm thời trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Khoảng trống pháp lý nêu trên là vấn đề phát sinh từ thực tiễn, mang tính cấp bách, cần có giải pháp xử lý kịp thời nhằm bảo đảm tính liên tục của hệ thống pháp luật, ổn định môi trường pháp lý cho hoạt động kinh tế - xã hội, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Khoản 2 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL quy định Chính phủ ban hành nghị quyết để giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và áp dụng trong thời gian nhất định, phạm vi cụ thể thuộc thẩm quyền của Chính phủ; đồng thời, cho phép Chính phủ tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần nghị định của Chính phủ, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Do đó, việc ban hành nghị quyết của Chính phủ để tiếp tục áp dụng có thời hạn các nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết các luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế là phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra trong giai đoạn chuyển tiếp.

Trên cơ sở đó, việc ban hành Nghị quyết của Chính phủ tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từ ngày 01/01/2026 là cần thiết, nhằm bảo đảm thi hành thống nhất các quy định của Luật Ban hành

---

<sup>8</sup> (i) Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 4499/QĐ-BTC ngày 31/12/2025 về việc công bố các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Giá tiếp tục còn hiệu lực; (ii) Có 03 Tờ trình trình Chính phủ về việc công bố một số văn bản thuộc lĩnh vực tài chính tiếp tục có hiệu lực theo khoản 2 Điều 57 của Luật 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (Tờ trình số 1002/TTr-BTC ngày 26/12/2025 về việc công bố Nghị định của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ tiếp tục còn hiệu lực; Tờ trình số 1058/TTr-BTC ngày 31/12/2025 về việc công bố các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm tiếp tục còn hiệu lực; Tờ trình số 05/TTr-BTC ngày 07/01/2026 về việc công bố các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Giá tiếp tục còn hiệu lực). Ngày 16/01/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-CP công bố Nghị định của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước tiếp tục có hiệu lực.

VBQPPL, đồng thời tránh gián đoạn trong điều chỉnh pháp luật và tổ chức thực hiện trên thực tế.

## **2.2. Mục đích ban hành:**

- Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm bảo đảm tính liên tục, ổn định của hệ thống pháp luật trong giai đoạn chuyển tiếp khi nhiều luật hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ kể từ ngày 01/01/2026, trong khi các văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành chưa kịp ban hành mới để thay thế.

Tạo cơ sở pháp lý cho việc tiếp tục áp dụng toàn bộ hoặc một phần các quy định của các nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ còn phù hợp, cần thiết, đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước và các quan hệ xã hội khác.

- Xác định rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan trong việc rà soát, công bố Danh mục các quy định được tiếp tục áp dụng, cũng như xây dựng, trình ban hành kịp thời các VBQPPL thay thế hoặc bãi bỏ, qua đó nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

Bộ cục của Nghị quyết bao gồm 04 điều, bao gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng pháp luật;

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện;

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

**II. Nghị quyết số 11/2026/NQ-CP ngày 19/3/2026 của Chính phủ về chi phí tiền lương Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây dựng Việt Nam<sup>9</sup>, Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dầu khí toàn cầu<sup>10</sup> và Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một**

---

<sup>9</sup> Gọi tắt là CB

<sup>10</sup> Gọi tắt là GPBank

**thành viên Đại dương<sup>11</sup> đã chi trả cho cán bộ, nhân viên, người lao động phát sinh trước thời điểm chuyển giao bắt buộc.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/3/2026. Nghị quyết không quy định hiệu lực thi hành từng phần; không quy định bãi bỏ, thay thế VBQPPL trước đó; không có quy định chuyên tiếp và không quy định hiệu lực trở về trước.

### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm xử lý vướng mắc trong việc quyết toán chi phí tiền lương đã chi trả cho người quản lý, người lao động tại CB, GPBank và OceanBank phát sinh trước thời điểm chuyển giao bắt buộc.

Sau khi được mua bắt buộc, các ngân hàng này hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, nên về nguyên tắc chịu sự điều chỉnh của các quy định chung về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng. Tuy nhiên, do các ngân hàng đều thua lỗ kéo dài, âm vốn chủ sở hữu, không có điều kiện áp dụng đầy đủ cơ chế tiền lương như doanh nghiệp hoạt động bình thường, nên nếu áp dụng máy móc quy định hiện hành sẽ dẫn đến mức lương rất thấp, không phù hợp với đặc thù hoạt động ngân hàng, ảnh hưởng đến việc duy trì đội ngũ nhân sự và sự ổn định hoạt động của các ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền về cơ chế tiền lương riêng cho các ngân hàng mua bắt buộc, nhưng đến trước thời điểm chuyển giao bắt buộc vẫn chưa có cơ chế được phê duyệt. Vì vậy, khoản tiền lương đã chi trả từ năm 2015 đến trước thời điểm chuyển giao bắt buộc mới chỉ là tạm chi, chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để quyết toán.

Nghị quyết được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý để quyết toán khoản chi phí tiền lương nêu trên, xử lý dứt điểm vướng mắc tồn đọng, bảo đảm quyền lợi của người quản lý, người lao động và phục vụ quá trình chuyển giao bắt buộc, cơ cấu lại các ngân hàng theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 11/2026/NQ-CP gồm 05 điều với nội dung chủ yếu như sau:

---

<sup>11</sup> Gọi tắt là OceanBank

**Điều 1** quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. Theo đó, Nghị quyết điều chỉnh việc quyết toán chi phí tiền lương phát sinh trước thời điểm chuyển giao bắt buộc của các ngân hàng được chuyển giao bắt buộc và áp dụng đối với CB, GPBank, OceanBank; các ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc là VCB, MB, VPBank; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, cơ quan liên quan.

**Điều 2** quy định thống nhất chủ trương cho phép quyết toán chi phí tiền lương của CB, GPBank và OceanBank đã phát sinh từ năm 2015 đến trước thời điểm chuyển giao bắt buộc, được ghi nhận hạch toán theo hồ sơ, chứng từ của các ngân hàng; việc quyết toán được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

**Điều 3** quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện, trong đó Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng hoàn thiện thủ tục, hồ sơ quyết toán và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất, kiến nghị, số liệu báo cáo; các ngân hàng CB, GPBank và OceanBank hoàn thiện thủ tục, hồ sơ quyết toán và chịu trách nhiệm về các số liệu tại các báo cáo, báo cáo tài chính.

**Điều 4** quy định hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 5** quy định trách nhiệm thi hành đối với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Nghị quyết không có phụ lục kèm theo.

### **Các Quyết định do Thủ tướng Chính phủ ban hành**

**I. Quyết định số 09/2026/QĐ-TTg ngày 06/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Quỹ phòng thủ dân sự trung ương.**

#### **1. Hiệu lực thi hành:**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/4/2026.

#### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

##### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị:*

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật;

- Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (mục 3 yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”);

- Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

### *Cơ sở pháp lý*

Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, trong đó Chính phủ giao Bộ Tài chính: “*Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ thành lập, ban hành Quy chế hoạt động Quỹ Phòng thủ dân sự trung ương*” (khoản 1 Điều 49).

## **2.2. Mục đích ban hành:**

Quy định cụ thể các nội dung về thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ phòng thủ dân sự; việc điều tiết giữa Quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật cũng như bảo đảm tính khả thi của Luật trong thực tiễn.

## **3. Nội dung chủ yếu:**

### **3.1. Bố cục của Quyết định:**

Quyết định gồm 11 điều, trong đó:

- Điều 1. Thành lập Quỹ.
- Điều 2. Địa vị pháp lý, tổ chức bộ máy của Quỹ.
- Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ.
- Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ.

- Điều 6. Quản lý nguồn tài chính của Quỹ.
- Điều 7. Nguồn thu, nội dung chi của Quỹ.
- Điều 8. Thẩm quyền quyết định chi, điều tiết Quỹ.
- Điều 9. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ.
- Điều 10. Trách nhiệm của Quỹ đối với Quỹ phòng thủ dân sự cấp tỉnh.
- Điều 11. Điều khoản thi hành.

#### *Phạm vi điều chỉnh*

Quyết định này quy định về việc thành lập; địa vị pháp lý, tổ chức bộ máy, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quản lý nguồn tài chính của Quỹ; nguồn thu, nội dung chi; thẩm quyền quyết định chi, điều tiết của Quỹ Phòng thủ dân sự trung ương (sau đây gọi tắt là Quỹ), chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ và trách nhiệm của Quỹ đối với Quỹ phòng thủ dân sự cấp tỉnh.

#### *Đối tượng áp dụng*

Đối tượng áp dụng là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan (Điều 3).

### **3.2. Nội dung cơ bản của Quyết định:**

- Thành lập Quỹ để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn đóng tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước; nguồn điều tiết từ Quỹ phòng thủ dân sự cấp tỉnh về Quỹ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và nguồn điều tiết từ các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa. Giao Bộ Quốc phòng quản lý Quỹ (Điều 1).

- Quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng; được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP). Bộ máy quản lý Quỹ sử dụng quân nhân thuộc Bộ Quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định (Điều 2).

- Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, đảm bảo công khai, minh bạch (Điều 4).

- Nhiệm vụ của Quỹ phòng thủ dân sự: Hỗ trợ các hoạt động phòng thủ dân sự mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính; thực hiện chế độ báo cáo, kế toán

theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan; chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; công bố công khai về quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ phòng thủ dân sự, báo cáo tình hình thực hiện Quỹ theo quy định tại Quyết định này và pháp luật liên quan (Điều 5).

- Quản lý nguồn tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ. Quỹ được sử dụng nguồn kinh phí chưa sử dụng để gửi tại các ngân hàng thương mại nhưng phải đảm bảo an toàn và phát triển vốn cho Quỹ (Điều 6).

- Nguồn thu, nội dung chi của Quỹ:

+ Nguồn thu của Quỹ từ các nguồn tài chính: Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước; nguồn điều tiết từ các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa; nguồn điều tiết từ Quỹ phòng thủ dân sự cấp tỉnh về Quỹ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thu lãi từ tài khoản tiền gửi.

+ Nội dung chi của Quỹ theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ (Điều 7).

- Thẩm quyền quyết định chi, điều tiết Quỹ:

+ Thẩm quyền chi các nội dung quy định tại Điều 27 Nghị định 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ do cơ quan quản lý Quỹ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Thẩm quyền điều tiết giữa Quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ (Điều 8).

- Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ (Điều 9).

- Trách nhiệm của Quỹ theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự (Điều 10).

- Điều khoản thi hành:

+ Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy trách nhiệm trong công tác vận động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân đóng góp

cho Quỹ; thực hiện giám sát để đảm bảo quản lý, sử dụng Quỹ đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả.

+ Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quản lý, sử dụng Quỹ đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả (Điều 11).

**II. Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.**

### **1. Hiệu lực thi hành:**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/3/2026.

Xử lý chuyển tiếp:

- Trường hợp UBND cấp tỉnh đã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc MTTQVN của địa phương, HĐND cấp tỉnh, cơ quan Đoàn ĐBQH trước ngày Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn, định mức đã ban hành cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ban hành quyết định mới.

- Trường hợp đã trang bị máy móc, thiết bị trước ngày Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị đã được trang bị cho đến khi được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

### **2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

#### **2.1. Sự cần thiết ban hành:**

*Cơ sở chính trị:*

-Triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Chỉ thị số 27- CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết

cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, Quy định số 368- QĐ/TW ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (thay thế Kết luận số 35- KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị).

- Tại điểm (2) mục 2 Công văn số 19995-CV/VPTW ngày 09/01/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc chỉ đạo triển khai ngay một số giải pháp tháo gỡ khó khăn thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có ý kiến chỉ đạo Bộ Tài chính: Rà soát, sửa đổi các quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 để cập nhật định mức và đơn giá mua sắm thiết bị đầu cuối, bảo đảm phù hợp với hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về cấu hình thiết bị và đáp ứng các yêu cầu thực tiễn, nhất là yêu cầu tiêu chuẩn trang thiết bị để triển khai xử lý hồ sơ công việc có độ Mật, Tối mật trên môi trường điện tử trong toàn hệ thống chính trị. Hoàn thành trước ngày 28/02/2026.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định: Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với máy móc, thiết bị và các loại tài sản công được sử dụng phổ biến tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

*Cơ sở thực tiễn:*

Theo Quy định số 368-QĐ/TW thì có sự thay đổi vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị so với quy định tại Kết luận số 35-KL/TW (cơ sở xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg); đồng thời, trước yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa nền hành chính cũng như để đáp ứng đầy đủ yêu cầu của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong điều kiện ứng dụng công nghệ số. Do đó, một số nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg không còn phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung.

**2.2. Mục đích ban hành:**

Việc ban hành Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, bổ sung các quy định về các vấn đề chưa có quy định điều chỉnh, sửa đổi các nội dung quy định không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ việc thực hiện công tác của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường số, xây dựng Chính phủ số, phục vụ xử lý

thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bảo đảm yêu cầu an toàn, an ninh thông tin theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và an ninh mạng; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

### **3. Nội dung chủ yếu:**

#### **3.1. Bộ cục của Quyết định:**

Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg gồm 04 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.
- Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.
- Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.
- Điều 4. Điều khoản thi hành.

#### **3.2. Nội dung chủ yếu:**

- Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg không sửa đổi về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng).

- Về các quy định chính, nội dung mới của Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg:

(1) Điều chỉnh nhóm chức danh tại Mục A 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh theo hướng ghép Phụ lục I (đối với trung ương), Phụ lục II (đối với địa phương) ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg thành 01 Phụ lục quy định chung cho trung ương và địa phương; đồng thời không liệt kê cụ thể các chức danh mà dẫn chiếu theo nhóm, bậc chức danh tại Quy định số 368-QĐ/TW.

(2) Bổ sung quy định về máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số.

- Bổ sung danh mục máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số (bao gồm: máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, máy in, máy scan tài liệu, máy photocopy, máy hủy tài liệu, thiết bị đầu cuối hệ thống hội nghị truyền hình) tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan, người có

thẩm quyền hoặc được phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng và mức giá; mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn về yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu của máy tính và một số thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg và điều chỉnh, bổ sung danh mục, yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu trong trường hợp cần thiết.

(3) Bổ sung quy định về máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số.

- Bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số (bao gồm: máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, máy in, máy scan tài liệu, máy hủy tài liệu, máy photocopy, tủ đựng tài liệu, két sắt bảo mật, máy móc, thiết bị khác phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số) tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

- Bổ sung Điều 5a quy định về nguyên tắc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số; theo đó: (i) căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, khối lượng, tính chất của công việc chứa bí mật nhà nước, cơ quan, người có thẩm quyền hoặc được phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng máy móc, thiết bị; (ii) Mức giá của máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg là mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Mục A, Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg; trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị không có trong danh mục tại Mục A, Mục B Phụ lục<sup>12</sup> thì mức giá do cơ quan, người có thẩm quyền hoặc được phân cấp thẩm quyền quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

(4) Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức.

- Điều chỉnh thẩm quyền quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

---

<sup>12</sup> Gồm: két sắt bảo mật, máy móc và thiết bị khác phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số.

cấp tỉnh và Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

- Bổ sung thẩm quyền quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

Danh mục Phụ lục kèm theo: Phụ lục - Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trên đây là Thông cáo báo chí VBQPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 3/2026, Bộ Tư pháp xin thông báo./.

***Nơi nhận:***

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Báo Điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cục Công nghệ thông tin (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (TH).

**TL. BỘ TRƯỞNG  
CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Đỗ Xuân Quý**